

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

**BÁO CÁO
HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT VÀ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP**

**TÊN CÔNG TRÌNH: GIẾNG KHOAN PA1 TẠI TRẠM CẤP NƯỚC
PHÚ AN 1**

VỊ TRÍ: ẤP 4, XÃ BÌNH PHÚ, TỈNH ĐỒNG THÁP

LƯU LƯỢNG KHAI THÁC: 990 m³/ngày- đêm.

Đồng Tháp, tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

**BÁO CÁO
HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT VÀ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP**

**TÊN CÔNG TRÌNH: GIẾNG KHOAN PA1 TẠI TRẠM CẤP NƯỚC
PHÚ AN 1**

VỊ TRÍ: ÁP 4, XÃ BÌNH PHÚ, TỈNH ĐỒNG THÁP

LƯU LƯỢNG KHAI THÁC: 990 m³/ngày- đêm.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

KT. GIÁM ĐỐC *Thao*

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thanh Tâm

Đồng Tháp, tháng 03 năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

1. Thông tin về chủ giấy phép:

- 1.1. Tên chủ giấy phép: Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang.
- 1.2. Địa chỉ: số 4A, đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.
- 1.3. Điện thoại: 02733.873.425

2. Lý do đề nghị gia hạn giấy phép:

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (gia hạn, điều chỉnh) số 106/GP-UBND ngày 19/5/2022 (hết hạn ngày 19/5/2026) do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp gần hết hạn, hiện Công ty có nhu cầu tiếp tục khai thác nước tại công trình nên xin được gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất.

3. Thời gian đề nghị gia hạn giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn: 03 năm.

4. Cam kết của chủ giấy phép:

- Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 42 của Luật tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 03 năm 2026
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thanh Tâm

**Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện
giấy phép, quy mô 990 m³/ngày đêm**

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
MỞ ĐẦU.....	2
1. Thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép khai thác nước:	2
2. Các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước đề nghị cấp phép:	2
3. Đánh giá tình hình thực hiện các quy định của giấy phép trong thời gian vận hành công trình.	4
4. Kế hoạch khai thác nước theo các nội dung đề nghị gia hạn.....	7

**Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện
giấy phép, quy mô 990 m³/ngày đêm**

MỞ ĐẦU

1. Thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép khai thác nước:

- 1.1. Tên tổ chức: Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang.
- 1.2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200100814 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tiền Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 11/01/20210 và thay đổi lần 8 ngày 09/08/2024.
- 1.3. Địa chỉ: số 4A, đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.
- 1.4. Lĩnh vực hoạt động chủ yếu: Cung cấp, xử lý và khai thác nước.
- 1.5. Điện thoại: 02733.873.425

2. Các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước đề nghị cấp phép:

*** Tổng quan về hệ thống công trình khai thác nước dưới đất của Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang :**

Hiện tại, Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang đang quản lý 02 giếng khoan PA1 và PA2 cùng hoà mạng cấp nước cho 2.756 hộ dân tại ấp 4, ấp 5, ấp 6, xã Bình Phú và một phần xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp. Các giếng khoan đã được cấp phép khai thác nước dưới đất như sau:

+ Giếng khoan PA1 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (gia hạn, điều chỉnh) số 180/GP-UBND ngày 23/8/2022 (hết hạn ngày 08/8/2026), đặt tại thửa đất của bà Nguyễn Thị Hoanh, tọa lạc: ấp 6, xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp với tổng lưu lượng khai thác là 1.100 m³/ngày đêm, mục đích cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ cho nhân dân.

Hiện tại phần đất đặt giếng khoan PA1 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Thanh Sơn do nhận thừa kế từ bà Nguyễn Thị Hoanh (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất AA02740179, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CN900 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực VIII cấp ngày 03/10/2025). Công ty xin điều chỉnh chủ đất đặt giếng khoan từ “bà Nguyễn Thị Hoanh” thành “ông Nguyễn Thanh Sơn”.

+ Giếng khoan PA2 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (gia hạn, điều chỉnh) số 106/GP-UBND ngày 19/5/2022 (hết hạn ngày 19/5/2026), đặt tại thửa đất của Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang, tọa lạc: ấp 4, xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp với tổng lưu lượng khai thác là 990 m³/ngày đêm, mục đích cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ cho nhân dân.

Khoảng cách giữa các giếng khoan, đơn vị: mét.

	PA1	PA2
PA1	-	2.782
PA2	2.782	-

**Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện
giấy phép, quy mô 990 m³/ngày đêm**

- 02 giếng khoan PA1 và PA2 có khoảng cách lớn hơn 1.000. Căn cứ quy định tại khoản 7, Điều 3, Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/05/2024 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Tài nguyên nước: “*Công trình khai thác nước dưới đất gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m*”, do đó Công ty không thực hiện gộp 02 giếng khoan thành 01 công trình khai thác.

Đề thuận tiện trong quá trình quản lý Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang xin điều chỉnh lại ký hiệu giếng khoan như sau:

- Giếng khoan PA1 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (gia hạn, điều chỉnh) số 180/GP-UBND ngày 23/8/2022 thành giếng khoan PA2.

- Giếng khoan PA2 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (gia hạn, điều chỉnh) số 106/GP-UBND ngày 19/5/2022 thành giếng khoan PA1.

- Sau đây xin được phép đổi ký hiệu giếng khoan.

2.1 Quy mô công trình:

- Năm xây dựng và vận hành công trình khai thác nước dưới đất (giếng khoan PA1) của Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang được liệt kê theo bảng bên dưới:

Ký hiệu giếng	Cấp phép	Ngày cấp	Giấy phép
PA1	Thi công		- Giếng khoan thi công năm 1997
	Lần 1	09/01/2012	- Giấy phép khai thác nước dưới đất số 12/GP-UBND.
	Lần 2	19/5/2017	- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 75/GP-UBND.
	Lần 3	19/5/2022	- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (gia hạn, điều chỉnh) số 106/GP-UBND.

Công trình hoạt động bình thường từ khi được đưa vào vận hành, khai thác đến nay, lưu lượng khai thác tại công trình ổn định, không xảy ra hiện tượng suy giảm trữ lượng quá mức; mực nước động tại công trình ổn định với thời gian khai thác 365 ngày/năm.

- Vị trí công trình: Giếng khoan PA1 đặt tại phần đất của Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang, tọa lạc: ấp 4, xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp.

- Tổng số giếng khoan khai thác: 01 giếng

**Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện
giấy phép, quy mô 990 m³/ngày đêm**

- Tầng chứa nước khai thác: tầng chứa nước có áp Pliocen giữa (n₂²)
- Tổng lưu lượng nước khai thác: 990 m³/ngày đêm.

Số hiệu, vị trí và thông số của công trình khai thác cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trực 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)		Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y	Từ	Đến			
PA1	1146795	613614	292	310	990	35	n ₂ ²

2.2 Mục đích khai thác, sử dụng nước: cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ cho nhân dân.

2.3 Phạm vi cấp nước: cung cấp nước cho 2.706 hộ dân, 10 đơn vị hành chính sự nghiệp và 1 chùa tại ấp 4, ấp 5, ấp 6, xã Bình Phú và một phần ấp An Thái, ấp An Thiện, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đánh giá tình hình thực hiện các quy định của giấy phép trong thời gian vận hành công trình.

- Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang đã thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước.

- Đối với quy định về mục đích khai thác, sử dụng nước: Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang thực hiện đúng quy định giấy phép là cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ cho nhân dân.

- Đối với quy định về lưu lượng nước khai thác: giếng khoan khai thác đúng với lưu lượng đã được cấp phép.

Lưu lượng khai thác theo giấy phép là 990m³/ngày đêm thực tế khai thác như sau:

+ Giếng khoan PA1: từ năm 2022 -2025 khai thác với lưu lượng nhỏ nhất là 167 m³/ngày đêm, chế độ khai thác 3 giờ/ngày đêm; lưu lượng khai thác lớn nhất là 990 m³/ngày đêm với chế độ khai thác 20 giờ/ngày đêm và lưu lượng khai thác trung bình là 662 m³/ngày đêm với chế độ khai thác 13 giờ/ngày đêm.

- Đối với vị trí, tọa độ, tầng chứa nước và số lượng giếng: không thay đổi so với trước đây.

- Mực nước khai thác: Mực nước tĩnh tại công trình suy giảm theo xu hướng chung của các tầng chứa nước khu vực Nam Bộ, tốc độ suy giảm tại công trình khoảng 1 m/năm nhỏ hơn tốc độ suy giảm trung bình ở khu vực tỉnh; mực nước động lớn nhất ở các giếng khoan tăng dần theo thời gian khai thác, hiện nay đã tiệm cận dao động mức 25-29m.

**Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện
giấy phép, quy mô 990 m³/ngày đêm**

- Quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước: lưu lượng khai thác của công trình, mực nước trong từng giếng khai thác và chất lượng nước trong quá trình khai thác như sau:

+ Hình thức giám sát: giám sát định kỳ đối với 03 thông số nêu trên.

- Theo thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 Công ty phải lắp đặt thiết bị, kết nối, truyền, cập nhật số liệu về hệ thống giám sát tự động đối với lưu lượng. Tuy nhiên, từ ngày 19/5/2022 đến ngày 21/4/2024 Công ty chưa tìm được thiết bị, kết nối, truyền trực tuyến nên thực hiện giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, như sau:

- Quan trắc mực nước: thực hiện giám sát định kỳ mực nước tĩnh, mực nước động không quá 24 giờ 01 lần ghi nhận số liệu vào sổ quan trắc để theo dõi.

- Quan trắc lưu lượng: theo dõi sự tăng, giảm lưu lượng khai thác nước của các giếng khoan hàng ngày; thực hiện chế độ quan trắc định kỳ số liệu về lưu lượng (24 giờ/lần) ghi nhận số liệu vào sổ quan trắc để theo dõi.

- Lấy mẫu và phân tích các thông số về chất lượng nước dưới đất khai thác, Các chỉ số lý hóa của 01 mẫu nước gồm pH, Độ cứng, Amoni, Clorua, Asen, Cadimi, Mangan, Thủy ngân, Sắt, Coliform, Ecoli. Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang lưu trữ kết quả mẫu bằng bản giấy tại cơ sở.

- Từ ngày 01/07/2024 đến nay Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang đã thực hiện quan trắc mực nước, lưu lượng nước, chất lượng theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính Phủ quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, như sau:

- Quan trắc lưu lượng: thực hiện giám sát tự động, trực tuyến lưu lượng nước trong quá trình khai thác, chế độ giám sát không quá 1 giờ/01 lần thông qua giám sát tự động trực tuyến.

- Quan trắc mực nước: thực hiện giám sát định kỳ mực nước tĩnh, mực nước động trong quá trình khai thác, chế độ giám sát không quá 24 giờ/01 lần thông qua thiết bị đo mực nước và cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát tài nguyên nước tĩnh trước 10 giờ sáng ngày hôm sau. Hiện Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang đã cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát tài nguyên nước tĩnh.

- Quan trắc chất lượng nước tại vị trí giếng khai thác; Thông số quan trắc gồm: pH, Tổng Coliform, Nitrate, Nitrite, Amoni, Chỉ số Permanganat, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Độ cứng, Arsenic, Chloride, Sắt, Mangan; tần suất quan trắc: 01 lần/năm, thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát tài nguyên nước tĩnh không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả phân tích.

- Giếng khoan PA1 của Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang đã được phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh theo Quyết định 4204/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang với khoảng cách 20m. Công ty

**Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện
giấy phép, quy mô 990 m³/ngày đêm**

TNHH MTV cấp nước Tiền Giang đã lắp đặt cấm biển chỉ dẫn về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình khai thác PA1.

Căn cứ Khoản 2 Điều 9 và Khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước: đây là công trình khai thác nước dưới đất có quy mô trên 10 m³/ngày đêm khai thác trong tầng chứa nước có áp do đó phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt được xác định cho từng giếng khai thác và không nhỏ hơn 3 m tính từ miệng giếng. Hiện nay, phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh của giếng khoan đã được phê duyệt theo Quyết định số 4204/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang với khoảng cách là 20m. Để đảm bảo phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh của các giếng khoan theo quy định của Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 đồng thời để Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang có sự chủ động trong phần đất của mình, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh cho công trình khai thác, Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang lựa chọn phạm vi tối thiểu theo quy định. Như vậy, căn cứ Khoản 1, Điều 11 và Điểm b, Khoản 1, Điều 34, Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang đề xuất phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của giếng khoan PA1 là khu vực có bán kính 3m tính từ miệng giếng, phạm vi này nằm hoàn toàn trên đất của Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang (*đính kèm sơ đồ vị trí tại phụ lục*).

- Đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tài nguyên nước theo quy định đến tháng 02 năm 2026 (*đính kèm theo chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 0009879 ngày 20/3/2026 tại phụ lục*).

- Đã hoàn thành nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên theo quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 19/05/2022 (*đính kèm theo chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 0034543 ngày 22/6/2022, giấy nộp tiền số 0029650 ngày 07/6/2023, giấy nộp tiền số 0054684 ngày 17/10/2023, giấy nộp tiền số 0028289 ngày 30/5/2024, giấy nộp tiền số 0012196 ngày 14/5/2025, giấy nộp tiền số 0012287 ngày 14/5/2025*).

- Đã hoàn thành nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên theo quyết định số 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (*đính kèm giấy nộp tiền số 0009051 ngày 14/3/2026*).

- Hàng năm Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang đã thực hiện lập Báo cáo hiện trạng nguồn nước và khai thác sử dụng nguồn nước tại công trình khai thác theo mẫu quy định và nộp về cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện
giấy phép, quy mô 990 m³/ngày đêm**

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

4. Kế hoạch khai thác nước theo các nội dung đề nghị gia hạn.

a) Mục đích khai thác trong thời gian tới:

- Mục đích khai thác là phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh, dịch vụ cho nhân dân.

b) Thuyết minh, mô tả nhu cầu sử dụng nước trong thời gian đề nghị cấp phép:

Hiện tại, Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang đang cung cấp nước cho 2.706 hộ dân, 10 đơn vị hành chính sự nghiệp và 1 chùa tại ấp 4, ấp 5, ấp 6, xã Bình Phú và một phần ấp An Thái, ấp An Thiện, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp.

Trên cơ sở sản lượng nước khai thác của Công ty đã quyết toán thuê năm 2025 đối với Trạm cấp nước xã Bình Phú, xác định tỷ lệ cấp nước của hệ thống cấp nước cho từng mục đích sử dụng nước như sau:

Bảng 1: Bảng tổng hợp sản lượng quyết toán năm 2025 của Trạm cấp nước xã Bình Phú

Nội dung cấp nước	Tổng	Mục đích sử dụng nước			
		Sinh hoạt	Cơ quan, ĐVHC	Sản xuất	Kinh doanh, dịch vụ
Sản lượng đã cấp năm 2025 (m ³ /năm)	603.679	485.477	16.790	29.586	71.826
Lưu lượng nước cấp (m ³ /ngày đêm)	1.653,9	1.330	46,0	81,1	196,8
Tỷ lệ cấp nước (%)	100	83,2		4,9	11,9

Nhu cầu nước sinh hoạt

Số hộ dân sử dụng nước: 2.706 hộ khoảng 10.824 người.

Trong thời gian được cấp phép 3 năm, dân số trong vùng cấp nước cần sử dụng nước sinh hoạt là:

$$P_t = P_0 \times e^{rt} = 10.824 \times 2,72^{0,358\% \times 3} = 10.941 \text{ người.}$$

Trong đó:

P_0 : Dân số hiện tại trong vùng cấp nước;

P_t : Dân số cuối kỳ tính toán;

r : Tỷ lệ tăng dân số; (theo niên giám thống kê năm 2024)

t : thời gian tính toán.

Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện giấy phép, quy mô 990 m³/ngày đêm

Khu vực khai thác thuộc địa phận vùng nông thôn. Đối với nước phục vụ sinh hoạt khu vực này, tính đến giai đoạn khai thác năm 2030. 100% dân cư được sử dụng nước sạch, theo TCVN 13606:2023 \Rightarrow tiêu chuẩn cấp nước 60 - 120lít/người/ngày đêm, chọn 120 lít/người/ngày đêm.

Lưu lượng nước cần phục vụ sinh hoạt trong ngày:

$$Q_1 = 10.941 \text{ người} \times 120 \text{ lít/người/ngày đêm} \times 100\% = 1.313 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

Lưu lượng nước phục vụ cho cơ quan: 46 m³/ngày đêm (*Nguồn Bảng tổng hợp sản lượng quyết toán năm 2025 của Trạm cấp nước xã Bình Phú*).

Lưu lượng nước phục vụ cho sản xuất: 81,1 m³/ngày đêm. (*Nguồn Bảng tổng hợp sản lượng quyết toán năm 2025 của Trạm cấp nước xã Bình Phú*).

Lưu lượng nước phục vụ cho kinh doanh dịch vụ: 196,8 m³/ngày đêm. (*Nguồn Bảng tổng hợp sản lượng quyết toán năm 2025 của Trạm cấp nước xã Bình Phú*).

Tỷ lệ thất thoát trong mạng cấp nước 15% lượng nước sinh hoạt (Theo TCVN 13606:2023, từ 12 – 15% lượng nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ, chọn 15%): 245 m³/ngày đêm.

Lượng nước cho nhu cầu riêng của hệ thống xử lý nước lấy 4% lượng nước sinh hoạt và thất thoát (theo TCVN 13606:2023): 75 m³/ngày đêm.

Nguồn nước dự phòng (Theo TCXDVN 13606:2023 từ 5 – 10% lượng nước phục vụ sinh hoạt, chọn 10%): 131 m³/ngày đêm.

Lưu lượng nước cần cung cấp trong thời gian tới trong ngày: 1.313 + 46 + 81,1 + 196,8 + 245 + 75 + 131 = 2.087,9 m³/ngày đêm (làm tròn thành 2.090m³/ngày đêm).

- Kế hoạch khai thác trong các năm tới:

*** Hiện trạng khai thác nước của trạm cấp nước**

Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang đang quản lý, khai thác 02 giếng khoan khai thác nước dưới đất đã được cấp phép khai thác nước dưới đất theo quy định, như sau:

+ Giếng khoan PA2 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (gia hạn, điều chỉnh) số 180/GP-UBND ngày 23/8/2022 (hết hạn ngày 08/8/2026), đặt tại thửa đất của ông Nguyễn Thanh Sơn, tọa lạc: ấp 6, xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp với tổng lưu lượng khai thác là 1.100 m³/ngày đêm, mục đích cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ cho nhân dân.

+ Giếng khoan PA1 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (gia hạn, điều chỉnh) số 106/GP-UBND ngày 19/5/2022 (hết hạn ngày 19/5/2026), đặt tại thửa đất của Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang, tọa lạc: ấp 4, xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp với tổng lưu lượng khai thác

**Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện
giấy phép, quy mô 990 m³/ngày đêm**

là 990 m³/ngày đêm, mục đích cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ cho nhân dân.

- Theo kết quả quan trắc khai thác của giếng khoan PA2 trong năm 2025 khai thác với tổng lưu lượng là 344.705 m³ tương đương trung bình là 944 m³/ngày đêm, lưu lượng khai thác ngày lớn nhất là 1.093 m³/ngày đêm và lưu lượng khai thác ngày nhỏ nhất là 344 m³/ngày đêm.

- Theo kết quả quan trắc khai thác của giếng khoan PA1 trong năm 2025 khai thác với tổng lưu lượng là 258.974 m³ tương đương trung bình là 710 m³/ngày đêm, lưu lượng khai thác ngày lớn nhất là 967 m³/ngày đêm và lưu lượng khai thác ngày nhỏ nhất là 253 m³/ngày đêm.

*** Kế hoạch khai thác:**

Tổng lưu lượng khai thác đã được cấp phép của Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang đối với 02 giếng khoan PA1 và PA2 là 2.090 m³/ngày đêm.

Tính toán nhu cầu sử dụng theo TCVN 13606:2023 với nhu cầu sử dụng nước là 2.090 m³/ngày đêm.

Do đó, để đảm bảo lưu lượng nước cung cấp cho nhân dân trong thời gian tới và thực hiện đúng quy định về khai thác nước theo giấy phép được cấp (không vượt lưu lượng theo giấy phép). Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang đề nghị gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất đối với giếng khoan PA1 với lưu lượng là 990 m³/ngày đêm (trong đó nước cấp cho sinh hoạt là 823,69 m³/ngày đêm, nước cấp cho sản xuất là 48,52 m³/ngày đêm và nước cấp cho kinh doanh, dịch vụ là 117,79 m³/ngày đêm) để đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước cho nhân dân trong thời gian tới, với tỷ lệ cấp nước như sau :

TRẠM CẤP NƯỚC	SẢN LƯỢNG (M ³ /NGÀY ĐÊM)	SẢN LƯỢNG CẤP CHO TỪNG MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG (M ³ /NGÀY ĐÊM)			Tỷ lệ cấp nước (%)		
		Sinh hoạt	Sản xuất	Kinh doanh, dịch vụ	Sinh hoạt	Sản xuất	Kinh doanh, dịch vụ
Tổng	2090	1738,90	102,43	248,67	83,20	4,90	11,90
PA2	1100	915,21	53,91	130,88	83,20	4,90	11,90
PA1	990	823,69	48,52	117,79	83,20	4,90	11,90

c) Chế độ khai thác nước dưới đất tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép:

- Chế độ khai thác: 365 ngày/năm, giếng khoan khai thác với thời gian 20 giờ/ ngày đêm, công suất khai thác 50 m³/giờ.

**Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện
giấy phép, quy mô 990 m³/ngày đêm**

d) Phương án quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép

Phương án quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất tại công trình trong thời gian tới: Công tác quan trắc và giám sát các hoạt động khai thác nước dưới đất của Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang được thực hiện theo Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, như sau:

Hệ thống công trình quan trắc gồm: Quan trắc mực nước khai thác bằng ống dẫn nước Ø27 được lắp đặt trong giếng khai thác, từ miệng giếng đến độ sâu 40m, ống dẫn nước được neo cố định vào thành giếng và bộ dụng cụ đo mực nước gồm thước dây điện có ghi chiều dài dây, có còi và đèn báo hiệu.

- Về thực hiện quan trắc để giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất của chủ giấy phép theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 51 Luật Tài nguyên nước; khoản 1 Điều 86, Điều 88, Điều 92 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang thực hiện quan trắc như sau:

+ Quan trắc đối với các thông số: lưu lượng khai thác của công trình, mực nước trong từng giếng khai thác và chất lượng nước trong quá trình khai thác.

+ Hình thức giám sát: Giám sát trực tuyến đối với thông số lưu lượng khai thác của công trình; giám sát định kỳ đối với thông số mực nước và chất lượng nước.

+ Chế độ quan trắc: giám sát trực tuyến không quá 01 giờ 01 lần; giám sát định kỳ không quá 24 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh hoặc Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trước 10 giờ sáng ngày hôm sau đối với thông số mực nước; đối với thông số chất lượng nước trong quá trình khai thác, thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh hoặc Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả phân tích.

+ Quan trắc chất lượng nước tại vị trí giếng khai thác; Thông số quan trắc gồm: pH, Tổng Coliform, Nitrate, Nitrite, Amoni, Chỉ số Permanganat, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Độ cứng, Arsenic, Chloride, Sắt, Mangan; tần suất quan trắc: 1 lần/năm (lựa chọn quan trắc 09 thông số cơ bản và 03 thông số đặc trưng ảnh hưởng sức khỏe con người được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất QCVN 09:2023/BTNMT và điểm d, khoản 1 Điều 18 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP).

- Giám sát đột xuất: Khi có sự cố xảy ra hoặc có kiến nghị của địa phương hay khiếu nại của nhân dân.

**Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện
giấy phép, quy mô 990 m³/ngày đêm**

- Các nội dung quan trắc được so sánh với các quy chuẩn, thiết kế. Tổng hợp thành báo cáo và trình lên cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác nước dưới đất.

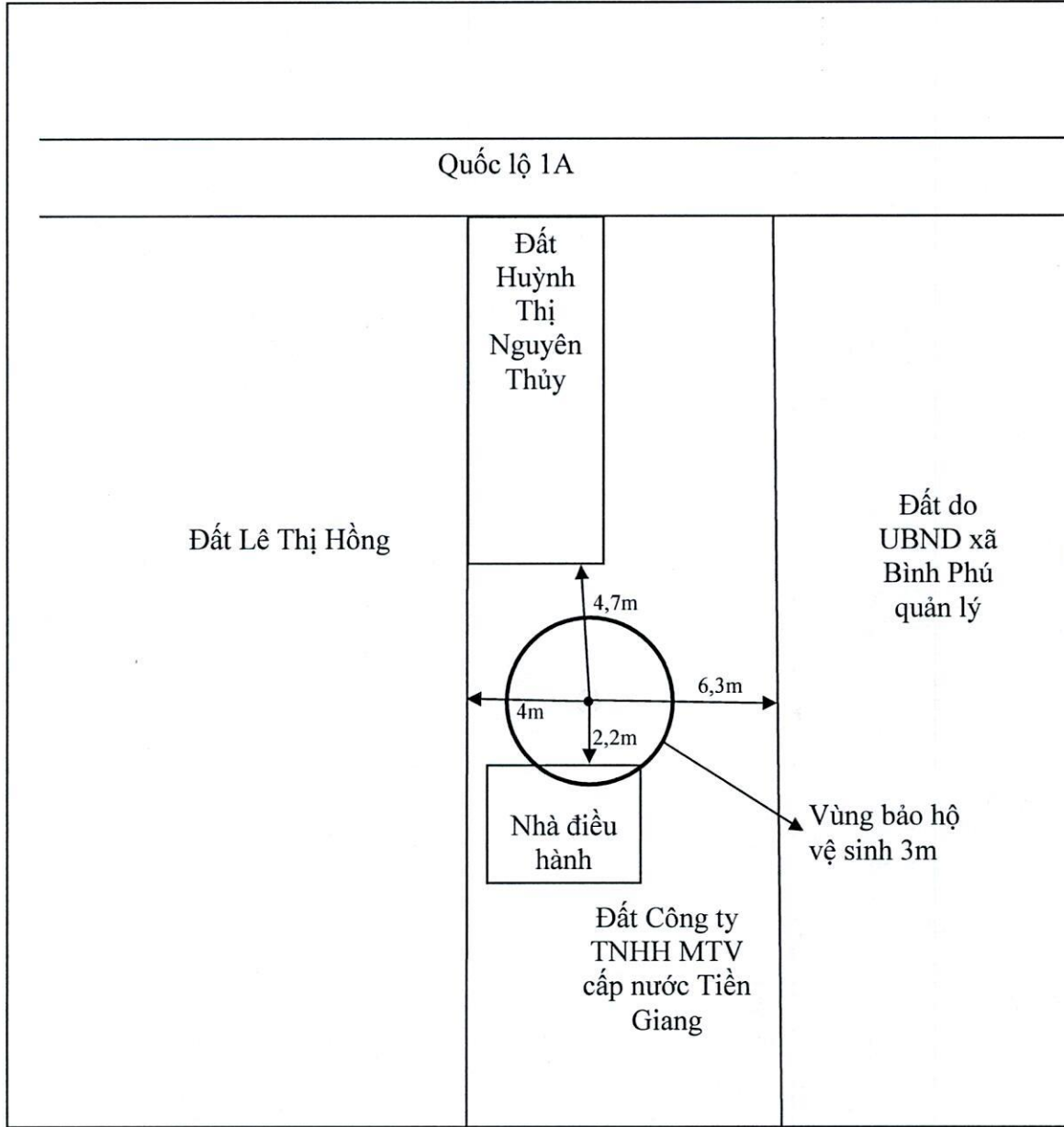
- Báo cáo định kỳ: hàng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo) tổng hợp báo cáo về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong việc khai thác cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Tên công trình: Giếng khoan PA1 tại Trạm cấp nước Phú An 1.

Chủ công trình: Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang

Địa điểm: ấp 4, xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp



Tỷ lệ: 1/500

1cm trên bản đồ bằng 5m ngoài thực tế

0m 5m 10m 15m 20m 25m



Đồng Tháp, ngày 27 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thanh Tâm

**BẢNG TỔNG HỢP SẢN LƯỢNG QUYẾT TOÁN NĂM 2025 CỦA TOÀN TRẠM
CẤP XÃ BÌNH PHÚ**

Nội dung cấp nước	Tổng	Mục đích sử dụng nước			
		Sinh hoạt	Cơ quan, ĐVHC	Sản xuất	Kinh doanh dịch vụ
Sản lượng đã cấp năm 2025 (m ³ /năm)	603.679	485.477	16.790	29.586	71.826
Lưu lượng nước cấp (m ³ /ngày đêm)	1.653,9	1.330,0	46,0	81,1	196,8
Tỷ lệ cấp nước (%)	100	83,20		4,90	11,90

(Áp dụng tỷ lệ cấp nước này vào Hồ sơ xin phép)

TRẠM CẤP NƯỚC	SẢN LƯỢNG (M ³ /NGÀY ĐÊM)	SẢN LƯỢNG CẤP CHO TỪNG MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG (M3/NGÀY ĐÊM)			TỶ LỆ CẤP NƯỚC (%)		
		Sinh hoạt	Sản xuất	Kinh doanh, dịch vụ	Sinh hoạt	Sản xuất	Kinh doanh, dịch vụ
		2090	1738,90	102,43	248,67	83,20	4,90
PA2	1100	915,21	53,91	130,88	83,20	4,90	11,90
PA1	990	823,69	48,52	117,79	83,20	4,90	11,90

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TG

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 03 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP



Phạm Thanh Tâm

Thái
Hà Duy Thái

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TIỀN GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1200100814

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 01 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 09 tháng 08 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN GIANG WATER SUPPLY ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 4A đường 30/4, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0273.3873425

Fax: 0273.3872871

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 336.653.437.426 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm ba mươi sáu tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 23 đường 30/4, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HỒ HỮU NHÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 10/03/1971 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 082071019126

Ngày cấp: 06/10/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 385A đường Nguyễn Thị Thập, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 385A đường Nguyễn Thị Thập, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Dương Long Định

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106 /GP-UBND

Tiền Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2022

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn, điều chỉnh)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ về Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy khai thác, sử dụng nước dưới đất số 75/GP-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang;

Xét Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang ngày 14/4/2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1804/TTr-STNMT ngày 10/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang; địa chỉ số 4A đường 30/4, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: điều chỉnh từ “làm nguồn cấp nước phục vụ sinh hoạt cho nhân dân” thành “làm nguồn cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ cho nhân dân”.

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Giếng khoan (PA2) đặt tại phần đất của Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang, tọa lạc: ấp 4, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Tầng chứa nước khai thác: tầng Pliocen giữa (n_2^2).

4. Tổng số giếng khai thác: 01 giếng.

5. Tổng lượng nước khai thác: 990 m³/ngàyđêm. Trong đó: lưu lượng nước cấp cho sinh hoạt nhân dân là 830,412 m³/ngàyđêm; lưu lượng nước cấp cho sản xuất là 47,520 m³/ngàyđêm; lưu lượng nước cấp cho kinh doanh, dịch vụ là 112,068 m³/ngàyđêm.

6. Thời hạn của giấy phép: 04 năm, kể từ ngày 19/5/2022.

Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ 45', múi chiều 6 ⁰)		Lưu lượng (m ³ /ngàyđêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngàyđêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
PA2	1146279	531470	990	20	292	310	22,06	30	n_2^2

Điều 2. Yêu cầu đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang:

1. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;

3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định;

4. Hoàn thành việc lắp đặt thiết bị, kết nối, cập nhật số liệu về hệ thống giám sát theo quy định trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

5. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

6. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước;

7. Tổng hợp báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng nước, các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác và các kết quả quan trắc theo quy định hiện hành và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

8. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình khai thác công trình trên. Trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình, sụt, lún đất hoặc các sự cố bất thường khác thì phải dừng ngay việc khai thác, kịp thời xử lý, khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại (nếu có); thông báo kịp thời tới Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Tài nguyên và Môi trường và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Giao Sở Tài nguyên và Môi

trường chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra hoạt động khai thác, sử dụng nước của đơn vị.

Điều 3. Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. / *ML*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện Cai Lậy;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, P.KT (Lam) *h*

5

KT. CHỦ TỊCH *ML*
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 180 /GP-UBND

Tiền Giang, ngày 23 tháng 8 năm 2022

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn, điều chỉnh)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ về Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy khai thác, sử dụng nước dưới đất (Gia hạn) số 216/GP-UBND ngày 08/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang;

Xét Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang ngày 29/7/2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3239/TTr-STNMT ngày 08/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang; địa chỉ số 4A đường 30/4, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: điều chỉnh từ “làm nguồn cấp nước phục vụ sinh hoạt cho nhân dân” thành “làm nguồn cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ cho nhân dân”.

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Giếng khoan (PA1) đặt tại phần đất của bà Nguyễn Thị Hoanh, tọa lạc: ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Tầng chứa nước khai thác: tầng Pliocen giữa (n_2^2).
4. Tổng số giếng khai thác: 01 giếng.
5. Tổng lượng nước khai thác: 1.100 m³/ngày đêm. Trong đó: lưu lượng nước cấp cho sinh hoạt nhân dân là 922,68 m³/ngày đêm; lưu lượng nước cấp cho sản xuất là 52,80 m³/ngày đêm; lưu lượng nước cấp cho kinh doanh, dịch vụ là 124,52 m³/ngày đêm.
6. Thời hạn của giấy phép: 04 năm, kể từ ngày 08/8/2022.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ 45', múi chiếu 6 ⁰)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
PA1	1146279	531470	1.100	18	272 324	290 330	22,06	30	n_2^2

Điều 2. Yêu cầu đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang:

1. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;
2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;
3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định;
4. Hoàn thành việc lắp đặt thiết bị, kết nối, cập nhật số liệu về hệ thống giám sát theo quy định trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.
5. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;
6. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước;
7. Tổng hợp báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng nước, các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác và các kết quả quan trắc theo quy định hiện hành và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.
8. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình khai thác công trình trên. Trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình, sụt, lún đất hoặc các sự cố bất thường khác thì phải dừng ngay việc khai thác, kịp thời xử lý, khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại (nếu có); thông báo kịp thời tới Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Tài nguyên và

Môi trường và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra hoạt động khai thác, sử dụng nước của đơn vị.

Điều 3. Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (Gia hạn) số 216/GP-UBND ngày 08/8/20218 do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. */kđ*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện Cai Lậy;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, P.KT (Lam). *lưu*

KT. CHỦ TỊCH *MS/CK*
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt Chuyển khoản

Loại tiền: VND USD Khác:.....

Mẫu số C1- 02/NS

(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: 262011800A
Số: 0009879

Số tham chiếu: 11220260366451364

Người nộp thuế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH
VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Mã số thuế: 1200100814

Địa chỉ: Số 4A đường 30/4, Phường Mỹ Tho

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP: Tỉnh Đồng Tháp

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

trích TK số: 118000013684

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN TK tạm thu TK thu hồi hoàn thuế GTGT

Vào tài Khoản KBNN: Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII - Phòng Nghiệp vụ 2 Tỉnh, TP: Tỉnh Đồng Tháp

Mở tại NH ủy nhiệm thu: VTB-NH TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước

Thanh tra tài chính

Thanh tra Chính phủ

Cơ quan có thẩm quyền khác

Cơ quan quản lý thu: Thuế Tỉnh Đồng Tháp 01

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/02/2026	Nước thiên nhiên khác.		568,160,884	564	1558
Tổng tiền					568,160,884		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: **NĂM TRĂM SÁU MƯƠI TÁM TRIỆU MỘT TRĂM SÁU MƯƠI NGHÌN TÁM TRĂM TÁM MƯƠI BỐN ĐỒNG**

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
---	--	--

	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

✓	Người ký :	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG
	Ngày ký :	20/03/2026 11:48:37

✓	Người ký :	CỤC THUẾ
	Ngày ký :	20/03/2026 11:48:35

✓	Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
	Ngày ký :	20/03/2026 11:49:18

Quay lại

In GNT

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1475*/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày *19* tháng *5* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang, khai thác nguồn nước dưới đất công trình giếng khoan tại ấp 4, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định giá tính thuế đối với tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

*Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (Gia hạn, điều chỉnh) số *106* /GP-UBND ngày *19* tháng *5* năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;*

*Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang ngày *19* tháng *4* năm 2022 và hồ sơ kèm theo;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số *1804*/TTr-STNMT ngày *10* tháng *5* năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang, địa chỉ số 4A đường 30/4, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; mã số thuế 1200100814 theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (Gia hạn, điều chỉnh) số *106* /GP-UBND ngày *19* tháng *5* năm 2022 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: công trình khai thác nước dưới đất của Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang.

2. Mục đích sử dụng nước của công trình: cấp nước phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh, dịch vụ cho nhân dân; tổng lưu lượng cấp phép khai thác là 990 m³/ngàyđêm.

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: cấp nước phục vụ cho sản xuất và kinh doanh, dịch vụ cho nhân dân.

4. Giá tính tiền cấp quyền cho từng mục đích sử dụng: 4.000 đồng/m³.

5. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền: 1.460 ngày.

6. Tổng số tiền phải nộp: 22.427.984 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi bốn đồng).

- Số tiền phải nộp cho từng mục đích:

+ Số tiền phải nộp cho mục đích sản xuất phi nông nghiệp là: 5.411.578 đồng.

+ Số tiền phải nộp cho mục đích kinh doanh, dịch vụ là: 17.016.406 đồng.

- Số tiền phải nộp hằng năm:

+ Số tiền phải nộp năm đầu tiên (2022) là: 5.606.996 đồng.

+ Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo (năm 2023, 2024) là: 5.606.996 đồng.

+ Số tiền phải nộp năm cuối cùng (2025) là: 5.606.996 đồng.

7. Phương án nộp tiền: nộp 1 lần/năm.

Số tiền nộp mỗi lần theo phương án nộp tiền: 5.606.996 đồng.

8. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền thực hiện theo Thông báo của Cục thuế tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này, Cục Thuế tỉnh Tiền Giang có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước gửi đến Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang theo quy định; xử lý việc chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang có trách nhiệm phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Tiền Giang; sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang gửi 01 bản sao giấy chứng nhận có chứng thực cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang theo quy định. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ thì Công ty phải lập hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh và Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /*Nhl*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PCT Phạm Văn Trọng;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, P.KT (Lam). *lam*

3

KT. CHỦ TỊCH *Moc*
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

CTY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG
CHI NHÁNH CẤP NƯỚC PHÍA TÂY- VPCN CAI LẬY

BẢNG KÊ NỘP TIỀN PHÍ CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUÍ II NĂM 2022

Hạn nộp: 30/06/2022

STT	Thông báo số	Ngày	Khu vực quản lý	Địa điểm	Quyết định	Ngày ra quyết định	Số phải nộp trong quý 2.2022	Ghi chú
1	198/TB-CT	15/01/2019		Ấp 6, xã Phú An, H.Cai Lậy	4374/QĐ-UBND	28/12/2018	1,138,718	
2	2273/TB-CTTGI	20/04/2022	Cai Lậy	Ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, TG	968/QĐ-UBND	13/04/2022	1,787,040	
3	2761/TB-CTTGI	27/05/2022	Cai Lậy	Ấp 4, xã Phú An, huyện Cai Lậy, TG	1475/QĐ-UBND	16/05/2022	5,606,996	
4	2762/TB-CTTGI	27/05/2022	Cai Lậy	Ấp kênh 12, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, TG	1472/QĐ-UBND	19/05/2022	692,390	
5	2884/TB-CTTGI	10/06/2022	Cai Lậy	Ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, TG	1589/QĐ-UBND	02/06/2022	561,600	
6	2885/TB-CTTGI	10/06/2022	Cai Lậy	Ấp Thanh Hưng, xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, TG	1587/QĐ-UBND	10/06/2022	1,029,600	
TỔNG CỘNG								

Viết bằng chữ: Mười triệu tám trăm mười sáu ngàn ba trăm bốn mươi bốn đồng chẵn.

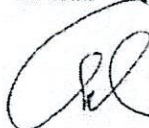
Cai Lậy, Ngày 20 tháng 6 năm 2022
Giám đốc CN

Lập biểu

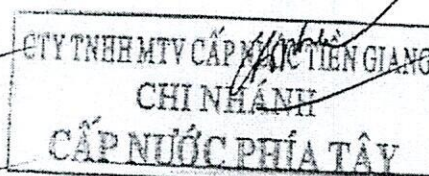


Châu Xuân Mai

Kế toán



Châu Xuân Mai



Nguyễn Thành Phú

Nộp thuế > Trả cứu giấy nộp tiền

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

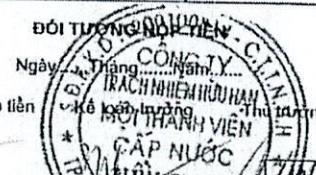
Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: TGI612422 Số: 0034543

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt Chuyển khoản

Loại tiền: VND USD Khác:.....



NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán Kế toán trưởng

Số tham chiếu: 11220220148862759

Mã số thuế: 1200100814

Người nộp thuế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 4A đường 30/4, Phường 1 Quận/Huyện: Thành phố Mỹ Tho

Người nộp thay: Tỉnh, TP: Tiền Giang

Địa chỉ: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Trích TK số: 118000013684

hoặc thu liền mặt để nộp NSNN theo: Tỉnh, TP: Tỉnh Tiền Giang

TK thu NSNN TK tạm thu TK thu hồi hoàn thuế GTGT

Vào tài Khoản KBNN: VP KBNN Tiền Giang

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền: Thanh tra tại chính

Kiểm toán nhà nước Cơ quan có thẩm quyền khác

Thanh tra Chính phủ

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Tiền Giang

Người ký:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIÊN GIANG
Ngày ký:	22/06/2022 15:47:32
Người ký:	Tổng cục Thuế
Ngày ký:	22/06/2022 15:47:57
Người ký:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Ngày ký:	22/06/2022 15:48:30

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Ký thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/Q2/2022	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan địa phương cấp phép. Ghi chú: TB số 198,2273,2761,2762,2884,2885.		10,816,344	564	1254
Tổng tiền					10,816,344		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: MƯỜI TRIỆU TÁM TRĂM MƯỜI SÁU NGHÌN BA TRĂM BỐN MƯƠI BỐN ĐỒNG

136 CL: 10 8 16 344.

Tiền Giang, ngày 06 tháng 06 năm 2023.

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ NỘP TIỀN
PHÍ CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC
NĂM 2023 (Hạn 31/05/2023)**

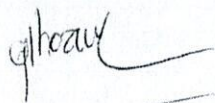
STT	Thông báo số	Ngày	Khu vực quản lý	Địa điểm	Quyết định	Ngày ra quyết định	Số tiền	Ghi chú
			Mỹ Tho				6,980,625	
1	643/TB-CTTGI	22/02/2023		KCN Mỹ Tho, xã Trung An, Tp Mỹ Tho, TG	2692/QĐ-UBND	23/09/2022	6,980,625	0
			Cái Bè				2,563,125	
2	618/TB-CTTGI	20/02/2023		Áp An Lợi, xã Đông Hòa Hiệp, H. Cái Bè	967/QĐ-UBND	01/04/2022	711,750	R
3	619/TB-CTTGI	20/02/2023		Áp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, H. Cái Bè, TG	966/QĐ-UBND	01/04/2022	711,750	R
4	620/TB-CTTGI	20/02/2023		Áp 3, An Hữu, H. Cái Bè, TG	965/QĐ-UBND	01/04/2022	1,139,625	0
			TX Cai Lậy				9,115,531	
5	622/TB-CTTGI	20/02/2023		Khu Phố 2, Phường 5, TX. Cai Lậy	246/QĐ-UBND	27/01/2021	1,830,475	0
6	639/TB-CTTGI	22/02/2023		Áp 6, xã Phú An, H. Cai lậy	2347/QĐ-UBND	23/08/2022	3,114,998	R
7	641/TB-CTTGI	22/02/2023		Áp Thanh Hiệp, xã Thanh Hòa, TX Cai Lậy, TG	1589/QĐ-UBND	02/06/2022	683,280	R
8	644/TB-CTTGI	22/02/2023		Áp Thanh Hưng, xã Thanh Hòa, TX Cai Lậy, TG	1587/QĐ-UBND	02/06/2022	683,280	R
9	645/TB-CTTGI	22/02/2023		Áp 4, xã Phú An, H. Cai lậy	1475/QĐ-UBND	29/05/2022	2,803,498	R
			Châu Thành				2,943,360	

1259/569

STT	Thông báo số	Ngày	Khu vực quản lý	Địa điểm	Quyết định	Ngày ra quyết định	Số tiền	Ghi chú
10	621/TB-CTTGI	20/02/2023		Ấp Hội, xã Kim Sơn, H.Châu Thành	599/QĐ-UBND	07/03/2022	429,240	0
11	640/TB-CTTGI	22/02/2023		Ấp Cà, TT Tân Hiệp, H.Châu Thành	1656/QĐ-UBND	10/06/2022	1,257,060	R
12	646/TB-CTTGI	22/02/2023		Ấp Rẫy, TT Tân Hiệp, H.Châu Thành	1468/QĐ-UBND	19/05/2022	1,257,060	R
		TỔNG CỘNG					21,602,641	

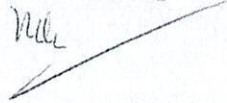
Viết bằng chữ: Hai mươi một triệu, sáu trăm lẻ hai ngàn, sáu trăm bốn mươi một đồng

Người lập



Phạm Thị Kim Hoàn

Kê toán trưởng




Trần Thị Tuyết Hồng

Giám đốc



Lê Văn Khiết


Nộp thuế > Tra cứu giấy nộp tiền

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: TGI612423 Số: 0029650

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tiền mặt Chuyển khoản
Loại tiền: VND USD Khác:.....

Người nộp thuế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: Số 4A đường 30/4, Phường 1

Quận/Huyện: Thành phố Mỹ Tho

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN TK tạm thu

Vào tài Khoản KBNN: VP KBNN Tiền Giang

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước

Thanh tra Chính phủ

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Tiền Giang

Số tham chiếu: 11220230199687740

Mã số thuế: 1200100814

Tỉnh, TP: Tiền Giang

Tỉnh, TP:

trích TK số: 118000013684

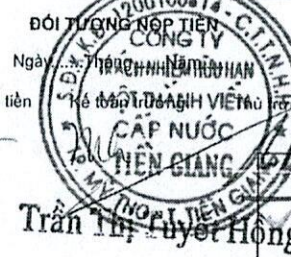
Thanh tra tài chính

Cơ quan có thẩm quyền khác

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	641/TB-CTTGI	22/02/2023	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan địa phương cấp phép.		683,280	564	1254
2	645/TB-CTTGI	22/02/2023	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan địa phương cấp phép.		2,803,498	564	1254
Tổng tiền					3,486,778		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BA TRIỆU BỐN TRĂM TÁM MƯƠI SÁU NGHÌN BẢY TRĂM BẢY MƯƠI TÁM ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN	
Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
Mã ĐSHC:.....	Có TK:.....
Mã nguồn NSNN:.....	



NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán

Kế toán trưởng

Người ký: Trần Thị Tuyết Hồng
Ngày ký: 07/06/2023 15:39:36

Người ký: Tổng cục Thuế
Ngày ký: 07/06/2023 15:39:03

Người ký: Lê Văn Khiết
Ngày ký: 07/06/2023 15:40:03

Quay lại

In GNT

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ NỘP TIỀN
PHÍ CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THÁNG 10 NĂM 2023**

STT	Thông báo số	Ngày	Khu vực quản lý	Địa điểm	Quyết định	Ngày ra quyết định	Số tiền	Ghi chú
			Mỹ Tho				74,304,145	
1	638/TB-CTTGI	22/02/2023		Áp Tân Thuận A, xã Bình Đức, H.Châu Thành, TG	2647/QĐ-UBND	21/09/2022	31,302,400	X
2	640/TB-CTTGI	22/02/2023		Áp Cã, TT Tân Hiệp, H.Châu Thành	1656/QĐ-UBND	10/06/2022	1,257,060	X
3	642/TB-CTTGI	22/02/2023		KCN Mỹ Tho , xã Trung An, Tp Mỹ Tho, TG	2694/QĐ-UBND	23/09/2022	33,507,000	X
4	643/TB-CTTGI	22/02/2023		KCN Mỹ Tho , xã Trung An, Tp Mỹ Tho, TG	2692/QĐ-UBND	23/09/2022	6,980,625	X
5	646/TB-CTTGI	22/02/2023		Áp Rẫy, TT Tân Hiệp, H.Châu Thành	1468/QĐ-UBND	19/05/2022	1,257,060	X
			Cái Bè				5,361,455	
1	609/TB-CTTGI	28/02/2022		KP 3, TT Cái Bè, TG	1516/QĐ-UBND	14/06/2021	1,956,188	X
2	610/TB-CTTGI	20/02/2023		Áp 3, An Thái Trung, H. Cái Bè, TG	1515/QĐ-UBND	14/06/2021	842,142	X
3	618/TB-CTTGI	20/02/2023		Áp An Lợi, xã Đông Hòa Hiệp, H. Cái Bè, TG	967/QĐ-UBND	01/04/2022	711,750	X
4	619/TB-CTTGI	20/02/2023		Áp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, H. Cái Bè, TG	966/QĐ-UBND	01/04/2022	711,750	X
5	620/TB-CTTGI	20/02/2023		Áp 3, An Hữu, H. Cái Bè, TG	965/QĐ-UBND	01/04/2022	1,139,625	X (1.396.125 Thuế)
			Cai Lậy				24,823,579	
1	611/TB-CTTGI	20/02/2023		Khu phố 1, Phường 4 và Khu phố 2, Phường 5, TX Cai Lậy, TG	1514/QĐ-UBND	14/06/2021	2,652,728	X

STT	Thông báo số	Ngày	Khu vực quản lý	Địa điểm	Quyết định	Ngày ra quyết định	Số tiền	Ghi chú
2	617/TB-CTTGI	20/02/2023		Áp Tân Hòa, xã Tân Hội, TX.Cai Lậy, TG	968/QĐ-UBND	01/04/2022	893,520	
3	622/TB-CTTGI	20/02/2023		Khu phố 2, Phường 5, TX Cai Lậy, TG	246/QĐ-UBND	27/01/2021	1,830,475	
4	639/TB-CTTGI	22/02/2023		Áp 6, xã Phú An, H.Cai lậy	2347/QĐ-UBND	23/08/2022	3,114,998	
5	641/TB-CTTGI	22/02/2023		Áp Thanh Hiệp, xã Thanh Hòa, TX Cai Lậy, TG	1589/QĐ-UBND	02/06/2022	683,280	
6	644/TB-CTTGI	22/02/2023		Áp Thanh Hưng, xã Thanh Hòa, TX Cai Lậy, TG	1587/QĐ-UBND	02/06/2022	683,280	
7	645/TB-CTTGI	22/02/2023		Áp 4, xã Phú An, H.Cai lậy	1475/QĐ-UBND	27/05/2022	2,803,498	
8	3006/TB-CTTGI	11/10/2023		Khu phố 2, Phường 1, TX Cai Lậy, TG	108/QĐ-UBND	10/01/2019	12,161,800	
			Châu Thành				1,051,726	
1	608/TB-CTTGI	20/02/2023		Áp Hội, xã Kim Sơn, H.Châu Thành	2596/QĐ-UBND	01/10/2020	622,486	
2	621/TB-CTTGI	20/02/2023		Áp Hội, xã Kim Sơn, H.Châu Thành	599/QĐ-UBND	07/03/2022	429,240	
		TỔNG CỘNG					105,540,905	

Viết bằng chữ: Một trăm lẻ năm triệu, năm trăm bốn mươi ngàn, chín trăm lẻ năm đồng

Người lập

Phạm Thị Kim Hoàn

Kê toán trưởng

Trần Thị Tuyết Hồng



Giám đốc

Lê Văn Khiết

1289/56c

Nộp thuế > Trả cứu giấy nộp tiền

Mã CQ thuế:.....	Nợ TK:.....
Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
Mã nguồn NSNN:.....	

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: TG1612423 Số: 0054684

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt Chuyển khoản

Loại tiền: VND USD Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230213765369

Người nộp thuế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Mã số thuế: 1200100814

Địa chỉ: Số 4A đường 30/4, Phường 1

Quận/Huyện: Thành phố Mỹ Tho

Tỉnh, TP: Tiền Giang

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

trích TK số: 118000013684

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN TK tạm thu

TK thu hồi hoàn thuế GTGT

Vào tài Khoản KBNN: VP KBNN Tiền Giang

Tỉnh, TP: Tỉnh Tiền Giang

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước

Thanh tra tài chính

Thanh tra Chính phủ

Cơ quan có thẩm quyền khác

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Tiền Giang

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	8902146843870001	22/02/2023	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép đo cơ quan địa phương cấp phép.		2,803,498	564	1254
Tổng tiền					2,803,498		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: HAI TRIỆU TÁM TRĂM LẼ BA NGHÌN BỐN TRĂM CHÍN MƯƠI TÁM ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền: *lak* **TRẦN THỊ TUYẾT HỒNG** *T. Thị Giang*

Kế toán: *lak* Kế toán trưởng: *lak*

Người ký: **TRẦN THỊ TUYẾT HỒNG** Ngày ký: 17/10/2023 16:48:28

Người ký: Tổng cục Thuế Ngày ký: 17/10/2023 16:48:05

Người ký: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM** Ngày ký: 17/10/2023 16:49:13

Quay lại In GNT

1x6CL cấp 4, phía AN CL

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 594 /TB-CTTGI

Tiền Giang, ngày 23 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO NỘP TIỀN
Về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

- Thông báo lần đầu Thông báo lần thứ hai trở đi
 Thông báo điều chỉnh, bổ sung

Căn cứ Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017;

Căn cứ Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước số 1475/QĐ-UBND 19/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc Phê duyệt cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang, khai thác nguồn nước dưới đất công trình giếng khoan tại ấp 4, Phú An, Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Thông báo số 2047/TB-STNMT ngày 24/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang, khai thác nguồn nước dưới đất công trình giếng khoan tại ấp 4, Phú An, Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang,

Cục Thuế thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước năm 2024 như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ

- Tên người nộp thuế: Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang.
- Mã số thuế (nếu có): 1200100814.
- Địa chỉ: Số 4A, đường 30/4, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
- Điện thoại: 02733873425, E-mail:
- Tên đại lý thuế (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:

II. THÔNG TIN VỀ KHU VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Tên khu vực tài nguyên nước: Công trình khai thác nước dưới đất của Công ty TNHH MTV. Cấp nước Tiền Giang.
2. Địa chỉ khu vực tài nguyên nước: ấp 4, Phú An, Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
3. Quy mô khai thác: 990 m³/ngày đêm
4. Thời gian được cấp phép: 04 năm

III. PHẦN THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN THUẾ:

1. Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp: 5.606.996 đồng
(Viết bằng chữ: Năm triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn chín trăm chín mươi sáu đồng)
2. Thời hạn nộp tiền:
 - Kỳ thứ nhất nộp 50 % chậm nhất là ngày 31 tháng 5 năm 2024
 - Kỳ thứ hai nộp 50 % chậm nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2024
 - Trường hợp người nộp thuế nộp một lần trong năm thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 31 tháng 5 năm 2024

IV. THÔNG TIN NỘP NGÂN SÁCH (Người nộp thuế, ngân hàng, kho bạc nhà nước phải ghi đầy đủ các thông tin dưới đây trên chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước):

1. Tên người nộp thuế: Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang.
2. Mã số thuế: 1200100814.
3. Tài khoản thu ngân sách nhà nước của kho bạc nhà nước: Kho bạc nhà nước tỉnh Tiền Giang, Tài khoản: 7111.
4. Tên cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Tiền Giang, Mã cơ quan quản lý thu: 1056205
5. Tên Chương: 564, Mã Chương:
6. Tên nội dung kinh tế (Tiểu mục): 1254, Mã tiểu mục:
7. Tên địa bàn hành chính: tỉnh Tiền Giang, Mã địa bàn hành chính:.....
8. Mã định danh hồ sơ (nếu có):.....

Trường hợp người nộp thuế chậm nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo này thì ngoài số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp, người nộp thuế phải tự xác định số tiền chậm nộp (= số ngày chậm nộp x 0,03%/ngày); nộp đầy đủ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục Thuế tỉnh Tiền Giang theo số điện thoại: 073.33976577 địa chỉ: số 900 Lý Thường Kiệt, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để được hướng dẫn cụ thể.

Trường hợp có vướng mắc về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp, đề nghị tổ chức, cá nhân liên hệ với cơ quan ban hành văn bản tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang để được xem xét giải quyết cụ thể.

Cục Thuế tỉnh Tiền Giang thông báo để tổ chức, cá nhân được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở TN&MT;
- Lưu: VT, TTKT3, HKDCN. (5b)

KT. CỤC TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC THUẾ
TỈNH
TIỀN GIANG
TỔNG CỤC THUẾ
Nguyễn Quốc Sơn

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số C1-02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: TGI612424
Số: 0028289

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tiền mặt Chuyển khoản
Loại tiền: VND USD Khác:.....

Số tham chiếu: 11220240261003654

Người nộp thuế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH
VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Mã số thuế: 1200100814

Địa chỉ: Số 4A đường 30/4, Phường 1

Quận/Huyện: Thành phố Mỹ Tho

Tỉnh, TP: Tiền Giang

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

trích TK số: 118000013684

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN TK tạm thu

TK thu hồi hoàn thuế GTGT

Vào tài Khoản KBNN: VP KBNN Tiền Giang

Tỉnh, TP: Tiền Giang

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước

Thanh tra tài chính

Thanh tra Chính phủ

Cơ quan có thẩm quyền khác

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Tiền Giang

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	8916063187020001	23/01/2024	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan địa phương cấp phép. Ghi chú: TB so 594.		2,803,498	564	1254
2	8916063187010001	23/01/2024	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan địa phương cấp phép.		2,803,498	564	1254

Tổng tiền	5,606,996		
-----------	-----------	--	--

Tổng số tiền ghi bằng chữ: NĂM TRIỆU SÁU TRĂM LẼ SÁU NGHÌN CHÍN TRĂM CHÍN MƯƠI SÁU ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán Kế toán trưởng

✓ Người ký :	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG
✓ Ngày ký :	30/05/2024 16:09:30

✓ Người ký :	Tổng cục Thuế
✓ Ngày ký :	30/05/2024 16:09:26

✓ Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
✓ Ngày ký :	30/05/2024 16:09:45

[Quay lại](#)

[In GNT](#)

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt Chuyển khoản

Loại tiền: VND USD Khác:.....

Mẫu số C1- 02/NS

(Ban hành kèm theo Thông tư số

84/2016/TT-BTC

của Bộ Tài chính)

Mã hiệu: TGI732425

Số: 0012196

Số tham chiếu: 11220250321769855

Người nộp thuế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Mã số thuế: 1200100814

Địa chỉ: Số 4A đường 30/4, Phường 1

Quận/Huyện: Thành phố Mỹ Tho

Tỉnh, TP: Tiền Giang

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

trích TK số: 118000013684

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN

TK tạm thu

TK thu hồi hoàn thuế GTGT

Vào tài Khoản KBNN: Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII

Tỉnh, TP: Tiền Giang

Mở tại NH ủy nhiệm thu: Vietinbank - CN Tiền Giang

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước

Thanh tra tài chính

Thanh tra Chính phủ

Cơ quan có thẩm quyền khác

Cơ quan quản lý thu: Tỉnh Tiền Giang - Chi cục Thuế khu vực XVII

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	8920073829210001	03/04/2025	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan địa phương cấp phép. Ghi chú: TB 142/TB-CCTKV17.		2,803,498	564	1254
Tổng tiền					2,803,498		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: HAI TRIỆU TÁM TRĂM LẼ BA NGHÌN BỐN TRĂM CHÍN MƯƠI TÁM ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỢ TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

✓ Người ký :	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG
✓ Ngày ký :	14/05/2025 14:27:31

✓ Người ký :	CỤC THUẾ
✓ Ngày ký :	14/05/2025 14:29:50

✓ Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
✓ Ngày ký :	14/05/2025 14:31:20

Quay lại

In GNT



Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt Chuyển khoản

Loại tiền: VND USD Khác:.....

Mẫu số C1- 02/NS

(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: TGI732425
Số: 0012287

Số tham chiếu: 11220250321791680

Người nộp thuế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH
VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Mã số thuế: 1200100814

Địa chỉ: Số 4A đường 30/4, Phường 1

Quận/Huyện: Thành phố Mỹ Tho

Tỉnh, TP: Tiền Giang

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

trích TK số: 118000013684

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN

TK tạm thu

TK thu hồi hoàn thuế GTGT

Vào tài Khoản KBNN: Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII

Tỉnh, TP: Tiền Giang

Mở tại NH ủy nhiệm thu: Vietinbank - CN Tiền Giang

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước

Thanh tra tài chính

Thanh tra Chính phủ

Cơ quan có thẩm quyền khác

Cơ quan quản lý thu: Tiền Giang - Chi cục Thuế khu vực XVII

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	8920073829220001	03/04/2025	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan địa phương cấp phép. Ghi chú: TB 142/TB-CCTKV17.		2,803,498	564	1254
Tổng tiền					2,803,498		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: HAI TRIỆU TÁM TRĂM LẼ BA NGHÌN BỐN TRĂM CHÍN MƯƠI TÁM ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

<input checked="" type="checkbox"/>	Người ký :	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG
<input checked="" type="checkbox"/>	Ngày ký :	14/05/2025 15:42:49

<input checked="" type="checkbox"/>	Người ký :	CỤC THUẾ
<input checked="" type="checkbox"/>	Ngày ký :	14/05/2025 15:45:08

<input checked="" type="checkbox"/>	Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
<input checked="" type="checkbox"/>	Ngày ký :	14/05/2025 15:46:35

Quay lại

In GNT

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3249 /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang khai thác nguồn nước dưới đất công trình giếng khoan tại ấp 4, xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 82/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Bảng giá tính thuế đối với tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2025;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (gia hạn) số 106/GP-UBND ngày 19/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;

Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 9632/TTr-SNN&MT ngày 26/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang, địa chỉ: số 4A, đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp; mã số thuế: 1200100814 theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (gia hạn) số 106/GP-UBND ngày 19/5/2022 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác nước: Giếng khoan PA2 tại Trạm cấp nước Phú An 2.

2. Mục đích và lưu lượng sử dụng nước của công trình: cấp nước phục vụ sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ cho Nhân dân, tổng lưu lượng nước sử dụng: 990 m³/ngày đêm, chế độ khai thác: 365 ngày/năm.

3. Mục đích và lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền: cấp nước phục vụ sinh hoạt cho Nhân dân, lưu lượng nước sử dụng: 830,412 m³/ngày đêm.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác nước dưới đất: 6.000 đồng/m³.

5. Số tiền phải nộp 01 ngày: 6.477,214 đồng.
6. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền: từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 18/5/2026 là 322 ngày.
7. Tổng số tiền phải nộp: 2.085.663 đồng (bằng chữ: hai triệu không trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng).
8. Phương án nộp tiền: một lần cho cả thời gian phê duyệt.
9. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền thực hiện theo Thông báo của Thuế tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Thuế tỉnh Đồng Tháp có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước gửi đến Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang theo quy định, xử lý việc chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang có trách nhiệm phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của Thuế tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện gian lận trong việc kê khai, tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước hoặc kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có nhu cầu điều chỉnh việc tăng, giảm số lần nộp, số tiền phải nộp cho mỗi lần nộp thì phải có văn bản gửi Thuế tỉnh Đồng Tháp.

Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ thì Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang phải lập hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng Thuế tỉnh và Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *men*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Nguyên.

KT. CHỦ TỊCH *men*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

THÔNG BÁO NỘP TIỀN
Về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Thông báo lần đầu Thông báo lần thứ hai trở đi
 Thông báo điều chỉnh, bổ sung

Căn cứ Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định về việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và cấp tiền khai thác tài nguyên nước.

Căn cứ Quyết định số: 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Cty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang.

Thuế tỉnh Đồng Tháp thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ:

- Tên người nộp thuế: Cty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang.
- Mã số thuế: 1200100814
- Địa chỉ: Số 4A Đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.
- Điện thoại: , Email:
- Tên đại lý thuế (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Email:

II. THÔNG TIN VỀ KHU VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC:

- Tên khu vực tài nguyên nước: PA2 tại Trạm cấp nước Phú An 2.
- Địa chỉ khu vực tài nguyên nước: ấp 4, xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp.
- Quy mô khai thác: 830,412 m³ / ngày đêm
- Thời gian được cấp phép khai thác: từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 18/5/2026 là 322 ngày

III. THÔNG TIN VỀ THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN THUẾ:

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp: 2.085.663 đồng.

(Viết bằng chữ: Hai triệu không trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng).

2. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo này.

IV. THÔNG TIN NỘP NGÂN SÁCH (NNT, ngân hàng, kho bạc nhà nước phải ghi đầy đủ các thông tin dưới đây trên chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước):

1. Tên người nộp thuế: Cty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang.
2. Mã số thuế: 1200100814
3. Tài khoản thu ngân sách nhà nước của kho bạc nhà nước: Kho bạc nhà nước khu vực XVIII - Phòng Nghiệp vụ 2, Tài khoản 7111.
4. Tên cơ quan quản lý thu: Thuế tỉnh Đồng Tháp, Mã cơ quan thu: 1056205
5. Tên chương: : Mã chương:
6. Tên nội dung kinh tế (tiểu mục): 1254, Mã tiểu mục:
7. Tên địa bàn hành chính: tỉnh Đồng Tháp, Mã địa bàn hành chính:.....
8. Mã định danh hồ sơ (nếu có):.....

Trường hợp người nộp thuế chậm nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo này thì ngoài số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp, người nộp thuế phải tự xác định số tiền chậm nộp (= số ngày chậm nộp x 0,03%/ngày); nộp đầy đủ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Thuế tỉnh Đồng Tháp theo số điện thoại: 0273.3976577 địa chỉ: số 900 Lý Thường Kiệt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp để được hướng dẫn cụ thể.

Trường hợp có vướng mắc về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp, đề nghị tổ chức, cá nhân liên hệ với cơ quan ban hành văn bản tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp để được xem xét giải quyết cụ thể.

Thuế tỉnh Đồng Tháp thông báo để tổ chức, cá nhân được biết và thực hiện. *Như*

Nơi nhận:

- Như mục I;
- Sở NN&MT tỉnh;

-Thuế cơ sở;

-Lưu: VT, CNTK.(5b) *2*

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**



Nguyễn Quốc Sơn



Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt Chuyển khoản

Loại tiền: VND USD Khác:.....

Mẫu số C1- 02/NS

(Ban hành kèm theo Thông tư số

84/2016/TT-BTC

của Bộ Tài chính)

Mã hiệu: 262011800A

Số: 0009051

Số tham chiếu: 11220260365433054

Người nộp thuế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH

VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Mã số thuế: 1200100814

Địa chỉ: Số 4A đường 30/4, Phường Mỹ Tho

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP: Tỉnh Đồng Tháp

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Tỉnh, TP:

Quận/Huyện:

trích TK số: 118000013684

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN

TK tạm thu

TK thu hồi hoàn thuế GTGT

Vào tài Khoản KBNN: Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII - Phòng Nghiệp vụ 2

Tỉnh, TP: Tỉnh Đồng Tháp

Mở tại NH ủy nhiệm thu: VTB-NH TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước

Thanh tra tài chính

Thanh tra Chính phủ

Cơ quan có thẩm quyền khác

Cơ quan quản lý thu: Thuế Tỉnh Đồng Tháp 01

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	8908273947440001	13/01/2026	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan địa phương cấp phép. Ghi chú: TB số 160/TB-DTH.		2,085,663	564	1254
Tổng tiền					2,085,663		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: HAI TRIỆU KHÔNG TRĂM TÁM MƯƠI LĂM NGHÌN SÁU TRĂM SÁU MƯƠI BA ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng


✓ Người ký :	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG
✓ Ngày ký :	14/03/2026 09:57:47

✓ Người ký :	CỤC THUẾ
✓ Ngày ký :	14/03/2026 09:57:48

✓ Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
✓ Ngày ký :	14/03/2026 09:58:02

Quay lại

In GNT

 PTN-QT20-PL02 Lần ban hành: 1 (05/10/2018)	UBND TỈNH TIỀN GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM CTY TNHH MTV CẤP NƯỚC TG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	Số: 2165, 2166 /KQTN Tiền Giang, ngày 23 tháng 9 năm 2022 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. THÔNG TIN MẪU:

Khách hàng: CNCN Phía Tây – VPCN Cai Lậy	Tên mẫu: Nước giếng chưa xử lý
Vị trí lấy mẫu: Trạm cấp nước Phú An	Mã số mẫu:
1. Trạm Phú An 1, ấp 5 xã Phú An	2165-01/130922
2. Trạm Phú An 2, ấp 6 xã Phú An	2166-01/130922
Ngày lấy mẫu: 13/9/2022	Ngày nhận mẫu: 13/9/2022
Người lấy mẫu: Nguyễn Minh Chí	Ngày thử nghiệm: 13/9/2022
Tình trạng mẫu: - Mẫu tại mỗi vị trí được chứa trong bình nhựa 1 lít. - Mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng.	

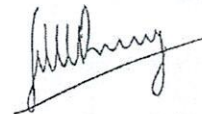
2. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM: trang sau

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Nghĩa

P. PHÒNG KỸ THUẬT



Lê Thị Thanh Dung

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do Phòng Thử nghiệm lấy.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Cty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 4A, đường 30/4, Phường 01, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
 Điện thoại: (0273) 3873425



UBND TỈNH TIỀN GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CTY TNHH MTV CẤP NƯỚC TG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2165, 2166 /KQTN Tiền Giang, ngày 23 tháng 9 năm 2022

PTN-QT20-PL02
Lần ban hành:
1 (05/10/2018)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	PHƯƠNG PHÁP	KẾT QUẢ		QUY CHUẨN QCVN 09:2015/BTNMT
			1	2	
1.	pH*	TCVN 6492:2011	7.50 (27.9°C)	7.63 (28.2°C)	5.5-8.5
2.	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B	0.38	0.23	
3.	Hàm lượng Clorua (mg/l)*	TCVN 6194:1996	103.52	5.67	≤ 250
4.	Độ cứng (tổng Canxi, Mg) (mg CaCO ₃ /l)*	TCVN 6224:1996	177	110	≤ 500
5.	Hàm lượng sắt (mg/l)	Hach 2165	0.15	0.14	≤ 5
6.	Hàm lượng mangan (mg/l)	Hach 2260	0.055	0.049	< 0,5
7.	Hàm lượng Amonia (mg N-NH ₄ ⁺ /l)	Hach 2400	0.19	0.20	≤ 1
8.	Coliform tổng số (MPN/100ml)	TCVN 6187:1996	KPH	KPH	≤ 3
9.	Ecoli (MPN/100ml)	TCVN 6187:1996	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

1. Các chữ viết tắt: KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng.
2. Chỉ tiêu vi sinh kiểm tại PTN Bình Đức.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu *: các phép thử được công nhận.

1. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
2. Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do Phòng Thử nghiệm lấy.
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Cty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 4A, đường 30/4, Phường 01, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
Điện thoại: (0273) 3873425



UBND TỈNH TIỀN GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 CTY TNHH MTV CẤP NƯỚC TG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2787, 2788, 2789/KQTN Tiền Giang, ngày 17 tháng 10 năm 2023

PTN-QT20-PL02
 Lần ban hành:
 1 (05/10/2018)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 1245

1. THÔNG TIN MẪU:

Khách hàng: CNCN phía Tây – VPCN Cai Lậy	Tên mẫu: Nước giếng chưa xử lý
Vị trí lấy mẫu:	Mã số mẫu:
1. Giếng TCN Phú An 1	2787-02/101023
2. Giếng TCN Phú An 2	2788-02/101023
3. Giếng TCN Bình Phú	2789-02/101023
Ngày lấy mẫu: 10/10/2023	Ngày nhận mẫu: 10/10/2023
Người lấy mẫu: Nguyễn Minh Chí	Ngày thử nghiệm: 10-12/10/2023
Tình trạng mẫu: - Mẫu tại mỗi vị trí được chứa trong bình nhựa 1 lít. - Mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng.	

2. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM: trang sau



Nguyễn Công Nghĩa

P. PHÒNG KỸ THUẬT

Lê Thị Thanh Dung

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do Phòng Thử nghiệm lấy.
- Phiếu được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Cty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang

Địa chỉ: Số 4A, đường 30/4, Phường 01, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
 Điện thoại: (0273) 3873425



UBND TỈNH TIỀN GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CTY TNHH MTV CẤP NƯỚC TG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2787, 2788, 2789/KQTN Tiên Giang, ngày 17 tháng 10 năm 2023

PTN-QT20-PI.02
Lần ban hành:
1 (05/10/2018)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	PHƯƠNG PHÁP	KẾT QUẢ			QUY CHUẨN QCVN 09:2023/BTNMT
			1	2	3	
1.	pH*	TCVN 6492:2011	7.78 (25.3°C)	7.81 (25.3°C)	7.76 (25.3°C)	5.8-8.5
2.	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B	0,53	0,21	0,20	
3.	Hàm lượng Clova (mg/l)*	TCVN 6194:1996	102	4,96	17,0	≤ 250
4.	Độ cứng (tổng Canxi, Mg) (mg CaCO ₃ /l)*	TCVN 6224:1996	115	67	87	≤ 500
5.	Hàm lượng sắt (mg/l)	Hach 2165	0,14	0,10	0,14	≤ 5
6.	Hàm lượng mangan (mg/l)	Hach 2260	0,061	0,054	0,028	< 0,5
7.	Hàm lượng Amonia (mg N-NH ₃ /l)	Hach 2400	0,08	0,06	0,04	≤ 1
8.	<i>E.coli</i> (MPN/100ml)	TCVN 6187:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
9.	<i>Coliform</i> tổng số (MPN/100ml)	TCVN 6187:1996	KPH	KPH	KPH	≤ 3
10.	TDS (mg/l)	SMEWW 2540C	529	338	367	≤ 1500

Ghi chú:

- Các chữ viết tắt: KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng.
- Chỉ tiêu vi sinh kiểm tại PTN Bình Đức.
- Các chỉ tiêu đánh dấu *: các phép thử được công nhận.



- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do Phòng Thử nghiệm lấy.
- Không được trích sao một phần phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Cty TNHH MTV Cấp nước Tiên Giang.

Địa chỉ: Số 4A, đường 30/4, Phường 01, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
Điện thoại: (0273) 3873425



UBND TỈNH TIỀN GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 CTY TNHH MTV CẤP NƯỚC TG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1363, 1364, 1365/KQTN Tiên Giang, ngày 22 tháng 5 năm 2024

PTN-QT20-PL02
 Lần ban hành:
 1 (05/10/2018)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 1245

1. THÔNG TIN MẪU:

Khách hàng: CNCN phía Tây – VPCN Cai Lậy	Tên mẫu: Nước giếng chưa xử lý
Vị trí lấy mẫu:	Mã số mẫu:
1. Giếng Phú An 1	1363-01/140524
2. Giếng Phú An 2	1364-01/140524
3. Giếng Bình Phú	1365-01/140524
Ngày lấy mẫu: 14/5/2024	Ngày nhận mẫu: 14/5/2024
Người lấy mẫu: Nguyễn Minh Chí	Ngày thử nghiệm: 14-19/5/2024
Tình trạng mẫu: - Mẫu tại mỗi vị trí được chứa trong bình nhựa 1 lít. - Mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng.	

2. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM: trang sau



Nguyễn Công Nghĩa

P. PHÒNG KỸ THUẬT

(Handwritten signature)

Lê Thị Thanh Dung

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do Phòng Thử nghiệm lấy.
- Không được trích sao mặt phần phiếu kết quả thử nghiệm này nên không có sự đồng ý bằng văn bản của Cty TNHH MTV Cấp nước Tiên Giang.

Địa chỉ: Số 4A, đường 30/4, Phường 01, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
 Điện thoại: (0273) 3873425



UBND TỈNH TIỀN GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 CTY TNHH MTV CẤP NƯỚC TG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1363, 1364, 1365/KQTN Tiền Giang, ngày 22 tháng 5 năm 2024

PTN-QT20-PL02
 Lần ban hành:
 1 (05/10/2018)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	PHƯƠNG PHÁP	KẾT QUẢ			QUY CHUẨN QCVN 09:2023/BTNMT
			1	2	3	
1.	pH*	TCVN 6492:2011	7,77 (26,7°C)	7,94 (26,8°C)	7,87 (26,8°C)	5,8-8,5
2.	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B	0,46	0,16	0,19	
3.	Hàm lượng Clorea (mg/l)	TCVN 6194:1996	94,3	7,09	16,3	≤ 250
4.	Độ cứng (lồng Canxi, Mg) (mg CaCO ₃ /l)	TCVN 6224:1996	112	68	87	≤ 500
5.	Hàm lượng sắt (mg/l)	Hach 8008	0,18	0,10	0,13	≤ 5
6.	Hàm lượng mangan (mg/l)	Hach 8149	0,066	0,054	0,025	< 0,5
7.	Hàm lượng Amonia (mg N-NH ₄ ⁺ /l)	Hach 8038	0,22	0,16	0,15	≤ 1
8.	E.coli (MPN/100ml)	TCVN 6187:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
9.	Coliform tổng số (MPN/100ml)	TCVN 6187:1996	KPH	KPH	KPH	≤ 3
10.	TDS (mg/l)	SMEWW 2540C	528	334	353	≤ 1500

Ghi chú:

- Các chữ viết tắt: KPH: không phát hiện, LOD: giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng.
- Chỉ tiêu vi sinh kiểm tại PTN Bình Đức.
- Các chỉ tiêu đánh dấu *: các phép thử được công nhận.

1. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 2. Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do Phòng Thử nghiệm lấy.
 3. Không được trích sao môi phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Cty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang.
 Địa chỉ: Số 4A, đường 30/4, Phường 01, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
 Điện thoại: (0273) 3873425



VIMCERTS 324

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trụ sở chính: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ PTN: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733.979.200 - 02733.979.205

Ngày: 08/01/2026

Số: 006.2026/KQ-TTQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Tên khách hàng:** Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang;
- Địa chỉ:** Số 4A, đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp;
- Tên mẫu:** Nước dưới đất (Phụ lục đính kèm từ trang 10);
- Ngày nhận mẫu:** 27/12/2025;
- Ngày phân tích:** 29/12/2025;
- Tình trạng mẫu:** 02 chai nhựa 02 lít, 01 chai nhựa 01 lít, 01 chai nhựa 0,5 lít; không cố định (mỗi mã mẫu);
- Mã số phiếu nhận:** 2391225-DV;
- Kết quả:** Từ trang 2.

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu;
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả;
- (1): Kết quả được nuôi cấy trong 24h đầu tiên;
- KPH: Không phát hiện;
- (*): Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- MDL/LOD: Giới hạn phát hiện;
- (s/c): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ, VIMCERTS 180);
- Mẫu do khách hàng mang đến Trung tâm và phân tích theo yêu cầu của khách hàng. Kết quả không sử dụng quan trắc môi trường.

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Thái Thị Ngọc Thảo

GIÁM ĐỐC



Trần Ái Khanh



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trụ sở chính: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ PTN: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733.979.200 - 02733.979.205

VIMCERTS 324

Ngày: 08/01/2026

Số: 006.2026/KQ-TTQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP	KẾT QUẢ				
				2391225- DV.1G/NN	2391225- DV.2G/NN	2391225- DV.3G/NN	2391225- DV.4G/NN	2391225- DV.5G/NN
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,95 (27,4°C)	7,85 (27,4°C)	8,17 (27,5°C)	8,23 (27,5°C)	7,97 (27,5°C)
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	TTQT.SOP-HT-05	434	629	313	239	251
3	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,79	1,08	0,70	0,54	0,85
4	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 Cl ⁻ .B:2023	104	239	14,4	11,9	16,1
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,22	0,22	0,11	0,12	0,12
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH (MDL=0,015)	0,086	0,052	KPH (MDL=0,015)	0,054
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2023	KPH (MDL=0,015)	0,17	0,15	KPH (MDL=0,015)	0,13
8	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6665:2011	0,065	0,173	0,026	0,044	0,038
9	Mangan (Mn)	mg/L	TCVN 6665:2011	0,028	0,143	0,016	KPH (MDL=0,015)	0,029
10	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) ^(s/c)	mg/L	TCVN 6224:1996	101,1	173,4	32,9	24,9	29,9
12	Asen (As) ^(s/c)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,014	0,022	0,013	0,016	0,015



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trụ sở chính: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ PTN: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733.979.200 - 02733.979.205

VIMCERTS 324

Ngày: 08/01/2026

Số: 006.2026/KQ-TTQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP	KẾT QUẢ				
				2391225-DV.6G/NN	2391225-DV.7G/NN	2391225-DV.8G/NN	2391225-DV.9G/NN	2391225-DV.10G/NN
1	pH	-	TCVN 6492:2011	8,13 (27,5°C)	8,31 (27,5°C)	8,28 (27,5°C)	8,31 (27,5°C)	8,26 (27,5°C)
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	TTQT.SOP-HT-05	245	255	317	282	275
3	Chi số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,66	0,35	0,63	0,63	0,63
4	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 Cl ⁻ .B:2023	9,66	7,44	14,4	12,2	8,24
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,11	0,056	0,064	0,13	0,12
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,044	KPH (MDL=0,015)	0,048	KPH (MDL=0,015)	0,041
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2023	0,14	0,032	0,15	KPH (MDL=0,015)	0,12
8	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6665:2011	0,037	KPH (MDL=0,015)	0,027	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)
9	Mangan (Mn)	mg/L	TCVN 6665:2011	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)	0,016	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)
10	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) ^(s/c)	mg/L	TCVN 6224:1996	25,5	27,4	28,6	27,0	26,2
12	Asen (As) ^(s/c)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,011	<0,005 (*)	0,011	0,0075	0,0070



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trụ sở chính: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ PTN: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733.979.200 - 02733.979.205

VIMCERTS 324

Ngày: 08/01/2026

Số: 006.2026/KQ-TTQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP	KẾT QUẢ				
				2391225- DV.11G/NN	2391225- DV.12G/NN	2391225- DV.13G/NN	2391225- DV.14G/NN	2391225- DV.15G/NN
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,97 (27,4°C)	8,21 (27,4°C)	7,96 (27,4°C)	7,88 (27,4°C)	8,04 (28,7°C)
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	TTQT.SOP-HT-05	737	393	240	239	232
3	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186: 1996	1,55	1,08	0,66	0,70	0,70
4	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 Cl ⁻ .B: 2023	312	56,4	9,31	8,15	KPH (MDL=2,5)
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,29	0,19	0,19	KPH (MDL=0,015)	0,17
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,064	0,042	0,069	KPH (MDL=0,015)	0,026
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2023	0,32	0,19	0,16	KPH (MDL=0,015)	0,20
8	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6665:2011	0,018	KPH (MDL=0,015)	0,030	0,490	KPH (MDL=0,015)
9	Mangan (Mn)	mg/L	TCVN 6665:2011	0,221	0,019	KPH (MDL=0,015)	0,493	KPH (MDL=0,015)
10	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) ^(s/c)	mg/L	TCVN 6224:1996	219,2	38,5	104,3	108,9	103,3
12	Asen (As) ^(s/c)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,022	0,0094	0,0095	0,011	0,011



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trụ sở chính: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ PTN: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733.979.200 - 02733.979.205

VIMCERTS 324

Ngày: 08/01/2026

Số: 006.2026/KQ-TTQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP	KẾT QUẢ				
				2391225-DV.16G/NN	2391225-DV.17G/NN	2391225-DV.18G/NN	2391225-DV.19G/NN	2391225-DV.20G/NN
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,95 (27,4°C)	7,87 (27,4°C)	8,00 (27,4°C)	8,01 (27,4°C)	7,94 (27,4°C)
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	TTQT.SOP-HT-05	236	240	241	245	244
3	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,63	0,95	0,76	0,63	0,41
4	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 Cl ⁻ .B:2023	2,92	6,03	9,93	9,22	18,2
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,18	0,17	0,18	0,21	0,15
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH (MDL=0,015)	0,034	0,052	0,042	KPH (MDL=0,015)
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2023	KPH (MDL=0,015)	0,18	0,16	0,21	KPH (MDL=0,015)
8	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6665:2011	0,030	0,021	0,032	KPH (MDL=0,015)	0,036
9	Mangan (Mn)	mg/L	TCVN 6665:2011	0,043	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)
10	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) ^(s/c)	mg/L	TCVN 6224:1996	100,3	106,2	103,8	75,8	123,0
12	A-sen (As) ^(s/c)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,011	0,011	0,0099	0,011	0,014



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trụ sở chính: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ PTN: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733.979.200 - 02733.979.205

VIMCERTS 324

Ngày: 08/01/2026

Số: 006.2026/KQ-TTQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP	KẾT QUẢ				
				2391225- DV.21G/NN	2391225- DV.22G/NN	2391225- DV.23G/NN	2391225- DV.24G/NN	2391225- DV.25G/NN
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,95 (27,4°C)	7,85 (27,4°C)	7,84 (27,4°C)	7,81 (27,4°C)	8,14 (27,4°C)
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	TTQT.SOP-HT-05	229	291	227	225	234
3	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,57	0,44	0,54	0,66	0,60
4	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 Cl ⁻ .B:2023	KPH (MDL=2,5)	62,0	6,74	KPH (MDL=0,015)	9,13
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,16	0,039	0,16	0,17	0,12
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH (MDL=0,015)	0,026	0,046	0,024	0,050
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ E:2023	KPH (MDL=0,015)	0,19	0,17	0,11	0,054
8	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6665:2011	0,053	0,044	0,037	0,040	0,020
9	Mangan (Mn)	mg/L	TCVN 6665:2011	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)	0,034	KPH (MDL=0,015)
10	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) ^(s/c)	mg/L	TCVN 6224:1996	112,2	128,0	122,8	115,4	101,3
12	Asen (As) ^(s/c)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,014	0,016	0,013	0,011	0,010



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trụ sở chính: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ PTN: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733.979.200 - 02733.979.205

Ngày: 08/01/2026

VIMCERTS 324

Số: 006.2026/KQ-TTQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP	KẾT QUẢ				
				2391225-DV.26G/NN	2391225-DV.27G/NN	2391225-DV.28G/NN	2391225-DV.29G/NN	2391225-DV.30G/NN
1	pH	-	TCVN 6492:2011	8,10 (27,4°C)	8,06 (27,4°C)	7,97 (27,3°C)	8,02 (27,3°C)	7,89 (27,9°C)
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	TTQT.SOP-HT-05	240	234	244	243,5	244
3	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,70	0,76	0,70	0,89	1,08
4	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 Cl ⁻ .B:2023	6,38	17,3	13,3	7,27	9,66
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,14	0,14	0,098	0,18	0,082
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,024	0,042	0,050	0,069	KPH (MDL=0,015)
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2023	0,048	0,15	0,16	0,22	0,084
8	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6665:2011	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)	0,016	0,022	KPH (MDL=0,015)
9	Mangan (Mn)	mg/L	TCVN 6665:2011	0,022	0,022	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)
10	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) ^(s/c)	mg/L	TCVN 6224:1996	79,5	80,3	64,7	56,4	71,2
12	Asen (As) ^(s/c)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0081	0,0092	0,0085	0,0083	0,011



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trụ sở chính: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ PTN: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733.979.200 - 02733.979.205

VIMCERTS 324

Ngày: 08/01/2026

Số: 006.2026/KQ-TTQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP	KẾT QUẢ				
				2391225- DV.31G/NN	2391225- DV.32G/NN	2391225- DV.33G/NN	2391225- DV.34G/NN	2391225- DV.35G/NN
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,79 (28,0°C)	7,86 (27,9°C)	7,95 (28,0°C)	7,76 (27,9°C)	7,94 (28,0°C)
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	TTQT.SOP-HT-05	391	241	239	229	233
3	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,54	0,57	0,38	0,51	0,51
4	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 Cl ⁻ .B:2023	106	4,34	9,84	4,87	10,4
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,16	KPH (MDL=0,015)	0,10	0,14	KPH (MDL=0,015)
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,071	KPH (MDL=0,015)	0,024	0,052	KPH (MDL=0,015)
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ E:2023	0,15	0,060	0,12	0,13	KPH (MDL=0,015)
8	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6665:2011	0,030	0,061	0,024	0,026	0,023
9	Mangan (Mn)	mg/L	TCVN 6665:2011	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)	0,025	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)
10	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) ^(s/c)	mg/L	TCVN 6224:1996	112,6	68,0	85,7	88,2	107,9
12	Asen (As) ^(s/c)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,012	0,013	0,010	0,013	0,0091



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trụ sở chính: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ PTN: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733.979.200 - 02733.979.205

VIMCERTS 324

Ngày: 08/01/2026

Số: 006.2026/KQ-TTQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP	KẾT QUẢ				
				2391225-DV.36G/NN	2391225-DV.37G/NN	2391225-DV.38G/NN	2391225-DV.39G/NN	2391225-DV.40G/NN
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,90 (28,0°C)	8,10 (27,9°C)	7,96 (27,9°C)	8,16 (27,9°C)	7,88 (28,0°C)
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	TTQT.SOP-HT-05	445	270	244	273	374
3	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,89	0,60	0,85	0,70	1,30
4	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 Cl ⁻ .B:2023	136	51,6	15,6	7,89	60,6
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,28	0,19	0,21	KPH (MDL=0,015)	0,054
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,068	0,056	KPH (MDL=0,015)	0,053	KPH (MDL=0,015)
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2023	0,16	0,18	0,056	0,13	KPH (MDL=0,015)
8	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6665:2011	KPH (MDL=0,015)	0,027	KPH (MDL=0,015)	0,019	0,016
9	Mangan (Mn)	mg/L	TCVN 6665:2011	0,040	0,035	0,024	0,018	0,029
10	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) ^(s/c)	mg/L	TCVN 6224:1996	117,4	69,2	58,6	32,6	63,7
12	Asen (As) ^(s/c)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,015	0,013	0,014	0,011	0,0076



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trụ sở chính: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ PTN: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733.979.200 - 02733.979.205

Ngày: 08/01/2026

Số: 006.2026/KQ-TTQT

VIMCERTS 324

PHỤ LỤC

STT	KÝ HIỆU MẪU	MÃ SỐ MẪU	ĐỊA ĐIỂM KHÁCH HÀNG LẤY MẪU
1	24	2391225-DV.1G/NN	Trạm Khu 3, Khu 3, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp.GK3
2	25	2391225-DV.2G/NN	Trạm Thiện Trung, ấp Mỹ Tường, xã Mỹ Thiện, tỉnh Đồng Tháp.GK1
3	26	2391225-DV.3G/NN	Trạm Thiện Trung, ấp Mỹ Tường, xã Mỹ Thiện, tỉnh Đồng Tháp.GK3
4	27	2391225-DV.4G/NN	Trạm Mỹ Trung, ấp Mỹ Thị A, xã Mỹ Thiện, tỉnh Đồng Tháp. GK1
5	28	2391225-DV.5G/NN	Trạm Mỹ Trung, ấp Mỹ Thị A, xã Mỹ Thiện, tỉnh Đồng Tháp. GK2
6	29	2391225-DV.6G/NN	Trạm Mỹ Trung, ấp Mỹ Thị A, xã Mỹ Thiện, tỉnh Đồng Tháp. GK3
7	30	2391225-DV.7G/NN	Trạm Hậu Phú 1, xã Hậu Mỹ, tỉnh Đồng Tháp.GK1
8	31	2391225-DV.8G/NN	Trạm Hòa Khánh, ấp Hòa Phúc, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp.GK3
9	32	2391225-DV.9G/NN	Trạm An Thái Đông, ấp Thái Hòa, xã Mỹ Lợi, tỉnh Đồng Tháp. GK1
10	33	2391225-DV.10G/NN	Trạm An Thái Đông, ấp Thái Hòa, xã Mỹ Lợi, tỉnh Đồng Tháp. GK6
11	34	2391225-DV.11G/NN	Trạm An Thái Trung, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp. ATT1
12	35	2391225-DV.12G/NN	Trạm Tân Thanh, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp. GK1
13	36	2391225-DV.13G/NN	Nhà máy nước Cai Lậy, 225 Hồ Hải Nghĩa, phường Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp. GK1
14	37	2391225-DV.14G/NN	Trạm Cai Lậy 1, đường Thanh Tâm, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp. CL1
15	38	2391225-DV.15G/NN	Trạm Cai Lậy 3, Quốc lộ 1A, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp. GK1
16	39	2391225-DV.16G/NN	Trạm Cai Lậy 2, đường 868, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp. CL2
17	40	2391225-DV.17G/NN	Trạm Cai Lậy 2, đường 868, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp. CL3
18	41	2391225-DV.18G/NN	Trạm Cai Lậy 5, đường Cao Đăng Chiếm, phường Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp. GK1



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trụ sở chính: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ PTN: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733.979.200 - 02733.979.205

Ngày: 08/01/2026

Số: 006.2026/KQ-TTQT

VIMCERTS 324

PHỤ LỤC

STT	KÝ HIỆU MẪU	MÃ SỐ MẪU	ĐỊA ĐIỂM KHÁCH HÀNG LẤY MẪU
19	42	2391225-DV.19G/NN	Trạm Nhị Mỹ, quốc lộ 1, phường Nhị Quý, tỉnh Đồng Tháp. GK2
20	43	2391225-DV.20G/NN	Trạm Mỹ Phước Tây 1, xã Thạnh Phú, tỉnh Đồng Tháp. GK5
21	44	2391225-DV.21G/NN	Trạm Mỹ Phước Tây 2, ấp Kinh 12, phường Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp. GK4
22	45	2391225-DV.22G/NN	Trạm Tân Phước, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp. GK2
23	46	2391225-DV.23G/NN	Trạm Tân Bình (Phường 3), phường Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp. GK1
24	47	2391225-DV.24G/NN	Trạm Tân Bình (ấp 5), phường Thanh Hòa, tỉnh Đồng Tháp. GK4
25	48	2391225-DV.25G/NN	Trạm Tân Bình (ấp 6), phường Thanh Hòa, tỉnh Đồng Tháp. GK1
26	49	2391225-DV.26G/NN	Trạm Tân Hội 1, ấp Tân Phong, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Tháp. GK2
27	50	2391225-DV.27G/NN	Trạm Tân Hội 2, ấp Tân Hòa, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Tháp. GK1
28	51	2391225-DV.28G/NN	Trạm Thanh Hòa 1, khu phố Thanh Hiệp, phường Thanh Hòa, tỉnh Đồng Tháp. GK2
29	52	2391225-DV.29G/NN	Trạm Thanh Hòa 2, khu phố Thanh Hưng, phường Thanh Hòa, tỉnh Đồng Tháp. GK1
30	53	2391225-DV.30G/NN	Trạm Bình Phú, ấp Bình Quới, xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp. CL3
31	54	2391225-DV.31G/NN	Trạm Phú An 1, quốc lộ 1, xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp. PA1
32	55	2391225-DV.32G/NN	Trạm Phú An 2, huyện lộ 63, xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp. PA2
33	56	2391225-DV.33G/NN	Trạm Mỹ Thành Nam, ấp 7, xã Mỹ Thành, tỉnh Đồng Tháp. GK1
34	57	2391225-DV.34G/NN	Trạm Phú Nhuận, ấp Phú Lợi, xã Mỹ Thành, tỉnh Đồng Tháp. GK1
35	58	2391225-DV.35G/NN	Trạm Tam Bình, ấp Bình Thuận, xã Ngũ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp. GK4



VIMCERTS 324

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUẢN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trụ sở chính: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ PTN: Số 264A Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733.979.200 - 02733.979.205

Ngày: 08/01/2026

Số: 006.2026/KQ-TTQT

PHỤ LỤC

STT	KÝ HIỆU MẪU	MÃ SỐ MẪU	ĐỊA ĐIỂM KHÁCH HÀNG LẤY MẪU
36	59	2391225-DV.36G/NN	Trạm Tam Bình, ấp Bình Thuận, xã Ngũ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp. GK1
37	60	2391225-DV.37G/NN	Trạm Long Trung, huyện lộ 62, xã Long Tiên, tỉnh Đồng Tháp. GK3
38	61	2391225-DV.38G/NN	Trạm Hội Xuân, ấp Hội Trí, xã Hiệp Đức, tỉnh Đồng Tháp. GK1
39	62	2391225-DV.39G/NN	Trạm An Hữu, xã An Hữu, Đồng Tháp GK1
40	63	2391225-DV.40G/NN	Trạm Đông Hòa Hiệp, ấp An Lợi, xã Cái Bè, Đồng Tháp. GK1

Phường Mỹ Phước Tây, ngày 10 tháng 4 năm 2026

**DANH SÁCH NHÂN DÂN XÃ BÌNH PHÚ
DỪNG NƯỚC SINH HOẠT (XÃ PHÚ AN CŨ)**

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
CƠ QUAN, HÀNH CHÍNH, CHÙA				
1	05015906	Đình Thần Phú Sơn	áp 4 - xa Phu An - H.CL	
2	05102948	NHA VAN HOA LIEN AP 4	875A AP 4 PHU AN CLTG	
TRƯỜNG HỌC				
3	05016890	Trường TH Phú An	Áp 5 xã Phú An - Cai Lậy - TG	
4	05016056	Trường TH Phú An	Áp 5 xã Phú An - Cai Lậy - TG	
5	05016527	Trường Mầm Non Phú An	Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	
6	05016550	Trường TH Phú An	Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	
CÔNG TY, NGÂN HÀNG, DNTN				
7	05014988	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây D	Số 170/1 Bình Giã, P8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng T	
8	05015995	Bùi Mai Linh	875A - Áp 5 - PA	
9	05016035	NGUYỄN VĂN BAY	Số 226, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai lậy	
10	05016041	PHẠM THỊ THOÀ	Số 220, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
11	05016042	NGUYỄN THỊ MỸ HỒNG	AP5 PA	
12	05016050	TÀNG QUỐC CƯỜNG	Số 214, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
13	05016052	LÊ THANH TÔNG	áp 4 - xa Phu An - H.CL	
14	05016055	LÊ THỊ SÁU	Số 209, Áp 4, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
15	05016064	PHẠM THỊ BÈ HAI	áp 4 - xa Phu An - H.CL	
16	05016078	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	Ap 4-PA	
17	05016083	TRẦN THỊ KIM DUNG	Ap 4 - PA	
18	05016096	PHAN THỊ KIM PHƯỢNG	Ap 4 - PA	
19	05016110	LÊ VĂN HÙNG	P AN	
20	05016116	CÔNG TY TNHH GLORYING	Tỉnh lộ 875 -Ap 4 - Xa Phu An - Cai Lay	
21	05016122	NGUYỄN VĂN LÂM	AP 4-PA	
22	05016125	LÂM GIA NGHĨA	AP 4 - PA	
23	05016160	TRẦN THỊ BÔNG	269-Ap4-PA	
24	05016172	Lê Minh Tiên	Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
25	05016182	Dương Quốc Tùng	Ap 5	
26	05016183	Nguyễn Thanh Tâm	AP5 PA	
27	05016192	Nguyễn Thị Thái Cường	Ap 5 - PA	
28	05016240	Võ Ngọc Huệ	Số 96, Áp 5, xã Phú An	
29	05016246	Trương Thị Bích Vàng	AP5 PA	
30	05016327	Công Ty TNHH MTV Du Thuyền VICTORIA	Số 49, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	
31	05016343	Công Ty TNHH MTV Du Thuyền VICTORIA	Số 49, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	
32	05016345	Công Ty TNHH MTV Du Thuyền VICTORIA	Số 49, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	
33	05014989	Công ty TNHH Thương mại Dịch	QL1A, áp Quý Thanh, xã Tân Hội, TXCL, TG	
34	05014990	Nguyễn Thị Hương	áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
35	05014993	Nguyễn Thị Hương	Số 249, áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
36	05014994	Tran Thi Tham	PHU AN	
37	05014995	Lê Thị Thành	Số 320, áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
38	05015040	Bùi Văn Hoàng	Số 331, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
39	05015047	Phạm Văn Thanh	Số 336, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
40	05015056	Công ty TNHH TMDV Hữu Nghị	Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	
41	05015057	Đoàn Thị Anh Phượng	Số 308, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
42	05014979	DNTN Phước Hòa	Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
43	05014982	Huỳnh Cẩm Hương	áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
44	05101757	Nguyễn Thị Bé Tám	Số 530, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
45	05102324	LÊ THỊ THANH HÀ	Ấp 4, xã Phú An	
46	05102387	ĐẶNG VĂN MƯỜI	AP 5-PHU AN	
47	05016860	Phan Van Luyen	Ap 6-PA	
48	05016873	Pham Tan Dung	500-AP 6	
49	05015607	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thuro	So 06 Dinh Bo Linh, Phuong2, TP.My Tho, Tien Giang	
50	05015626	Nguyễn Văn Minh	AP 5 PA	
51	05015628	Ngo Minh Huan	PHU AN	
52	05015643	Nguyen Thi Bup	Ap 5 - PA	
53	05015645	Ngo Minh Tan	Ap 5 - PA	
54	05015653	Tran Phong Truong	AP5 PA	
55	05015664	Đỗ Văn Vui	Ấp 5, xã Phú An	
56	05015667	Công ty TNHH TM Nam Anh	PHU AN	
57	05015670	Lê Thị Chín	Ấp 5, xã Phú An	
58	05015677	Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP	Số 95-95A đường Ấp Bắc, phường 5, TP Mỹ Tho, TG	
59	05201661	TRẦN VĂN BẠC		
60	05201719	NGUYỄN HỮU HẬU		
61	05016535	Nguyễn Văn Sửu	AP5-LPA	
62	05015996	Ha Thai Hon	Ap 4 - Phu An	
63	05016010	Huynh Thi Ngoc Dung	Ap 4	
64	05016026	NGUYỄN VĂN THU	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
65	05016036	TRẦN THỊ HOA	224 AP5	
66	05016044	ĐẶNG VĂN PHONG	P AN	
67	05016063	TRẦN THỊ KIM DUNG	Ap 4 - PA	
68	05016075	NGUYỄN NGỌC NHỰT	PHU AN-CL	
69	05016085	TRẦN VĂN CHIẾU	Ap 4-Phu An-CL	
70	05016114	NHÀ NGHỈ ĐÔNG NAM	Ấp 4, xã Phú An	
71	05016115	LÊ VĂN ĐUM	P AN	
72	05016148	HỒ THỊ TÁT	Ấp 4, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
73	05016154	NGUYỄN THỊ CHÍNH	AP 4 PA	
74	05016156	NGUYỄN THỊ BÉ LÀNH	Số 190 Ấp 4, Phú An	
75	05016158	LÊ THANH XUÂN	Ấp 4, xã Phú An	
76	05016169	Nguyễn Hồng Quang	AP 5 PA	
77	05016202	Lê Văn Dum	AP 5-PA	
78	05016216	Nguyễn Văn Khoa	750-AP 5-PA-CAI LAY	
79	05016515	Tô Ngọc Soan	579 PA	
80	05016525	Nguyễn Thị Hoa	Ap 5-Phu An-Cai Lay	
81	05016887	Nguyễn Văn Chiêm	Ấp 6, xã Phú An	
82	05104668	Nguyễn Thành Út	ẤP 5 - PHÚ AN - HCL	
83	05015121	Đặng Văn Chi	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
84	05015122	Ngô Văn Lạc	Số 311, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
85	05015609	NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VI	SO 152-DINH BO LINH-P2-TP.MY THO-TG	
86	05015623	Công ty Cổ Phần Thương Mại Bá	AP 5 PA	
87	05015685	Nguyễn Thị Sáu	Ấp 4, xã Phú An	
88	05015692	Thai Tan Bui	Ap 4	
89	05015709	Nguyễn Văn Nghiệp	Ấp 4, xã Phú An	
90	05015711	Trần Tấn Khiết	Ấp 4 - xã Phú An	
91	05015712	Trương Mâm Non Tư Thục Ngôi	Ấp 4, Phú An, huyện Cai Lậy	
92	05015713	Trần Thị Lợi	Số 144, Ấp 4 - xã Phú An	
93	05015729	Vo Minh Son	AP 4-PA -CL	
94	05015736	Tran Thi Bich Giang	Ap 4-Phu An	
95	05015741	PHAM TAN DAT	AP 4- Phu An-CL	
96	05015526	Pham Thanh Nghia	AN THAI-AC-CL	
97	05015124	Tran Van Minh	AP 5 PA	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
98	05015127	Huỳnh Văn Hào	Số 731, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
99	05015146	Dang Van Chi	AP 5 PA	
100	05015157	Đặng Mai Thị Thu Vân	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
101	05015168	Nguyễn Văn Xưa	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
102	05015206	Nguyễn Thị Chơn	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
103	05015207	Nguyen Van Sanh	AP 6 PA	
104	05015211	Công ty TNHH MTV Huệ Huệ	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
105	05015216	Nguyễn Phúc Hiền	Số 562, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
106	05015219	Công ty TNHH ILK	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
107	05015220	Trần Văn Thum	Số 559, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
108	05015248	Trần Minh Tùng	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
109	05015250	Nguyễn Văn Ba	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
110	05015359	Công ty cổ phần Thương Mại Mỹ	Số 67, đường Lê Lợi, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
111	05202366	NGUYỄN THỊ KIM THOÀ		
112	05300092	HUỲNH THỊ BẠCH DIỆP		
113	05200368	CÔNG TY TNHH PHÚ BÌNH AN	ẤP 6, PHÚ AN, CAI LẬY	
114	05200623	LÊ THỊ ANH ĐÀO		
115	05200916	CTY TNHH XNK NÔNG SẢN VẠN AN		
116	05200187	Nguyễn Thị Lùng		
117	05014975	DNTN Khánh Vy TG	Số 244, Ấp 4, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
118	05016032	Cty CPDP Calapharco(TTDP số 1	ẤP 4, PHÚ AN	
119	05300255	Trạm Y TẾ BÌNH PHÚ		
120	05015132	Công ty TNHH TIM - CN Tiền G	ẤP 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	
121	05015140	CÔNG TY TNHH 21ST CENTURY B&R TRADE EXPERTISE AND INVESTMENT	ẤP 5, PHÚ AN, CAI LẬY	
122	05015141	Cty TNHH SX TMDV Tam Thuận Phát	ẤP 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
123	05015123	DNTN Phương Nguyễn Anh	ẤP 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
124	05014940	Công ty TNHH Tập đoàn đầu tư Hoa Sen - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	Quốc lộ 1A, ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	
125	05201500	DNTN THƯƠNG MẠI THANH QUANG		
SINH HOẠT GIA ĐÌNH				
126	05015150	Nguyễn Thị Kim Huệ	Số 351, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
127	05015192	Phạm Văn Ut	Số 577, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
128	05015238	Hà Văn Nhường	ẤP 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
129	05015442	Phạm Văn Mới	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
130	05015549	Lê Tân Nghiệp	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
131	05015602	Nguyen Van Lap	255 AP 5	
132	05015651	Dương Thị Lệ Thủy	206-ẤP 4-PA	
133	05015698	Cao Vu Thanh	AP4 PA	
134	05015785	Nguyễn Văn Hoàng	ấp 4, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
135	05015825	Trương Văn Cộp Em	Số 354, Ấp 4, xã Phú An	
136	05015865	NGUYEN THỊ THƯƠNG	401- AP 4 - PHU AN - HUYỆN CAI LẬY	
137	05015905	Huỳnh Van Soai	AP 4 PA	
138	05101761	Nguyễn Công Bằng	Số 540, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
139	05102319	LY THI TUYET LAN	AP 4-PHU AN	
140	05200186	NGUYEN THỊ HONG HOA	ẤP 5, PHÚ AN	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
141	05200564	NGUYEN TAN HUNG	Ap 5, Phú An	
142	05200994	NGO TAN THANH	Ap 5, Phú An	
143	05104836	PHẠM THỊ HAO	AP 4 - PHU AN - H CAI LAY	
144	05105187	LUƠNG THỊ THUY	AP 6 - PHU AN - HUYỆN CAI LẬY	
145	05014998	Lê Văn Thọ	Sô 223, áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
146	05015038	Trần Thị Nga	Sô 327, Ap 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
147	05015082	Lê Văn Dư	Sô 753, Ap 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
148	05015929	Duong Van Dieu	AP 4	
149	05015969	Nguyen Van Nam	PA	
150	05016012	Nguyen Thi Be Chuc	Ap 4	
151	05016066	TRẦN NGỌC NGHIA	252-AP4-PA	
152	05016112	NGO HUU HANH	AP 5 - PHU AN	
153	05016163	NGUYEN THỊ HONG	Ap 4 - PA	
154	05016209	Trần Văn Thiêm	AP 5 PAN	
155	05016252	Nguyễn Văn Tư	633 PA	
156	05016292	Nguyễn Thị Ngô	AP 5 XA PHU AN-H CL	
157	05016333	Trần Ngọc Tuyết	Ap 5, Phú An	
158	05016375	Nguyễn Văn Quý	Ap 5 - Phú An	
159	05016415	Nguyễn Văn Ut	AP5-PA	
160	05016455	Ngô Văn Hiều	Ap 5 - Phu An	
161	05016495	Trần Văn Thảo	Ap 5-Phu An	
162	05016539	Nguyễn Văn Sáu	AP5-PA	
163	05016580	Trương Văn Hoan	Ap 5, xã Phú An	
164	05016620	Nguyễn Văn Thanh	523 AP 5	
165	05016660	Phạm Văn Bé	Ap 5 - PA	
166	05016700	Nguyễn Đình Phúc	Ap 6, xã Phú An	
167	05016740	Trần Thị Năm	Sô 655, Ap 6, xã Phú An	
168	05016780	Nguyễn Thị Mạnh	Sô 694, Ap 5, xã Phú An	
169	05016820	Lê Văn Y	432- AP 5-Phu An-Cai Lay	
170	05201430	LA THỊ NHAN	Ap 5, Phú An	
171	05201915	DUƠNG VĂN NAM	Ap 5, Phú An	
172	05103915	TRAN VAN TU	AN THAI AN CU	
173	05104321	Trần Văn Cẩm	AP 4 PHU AN	
174	05300643	NGUYEN THỊ TAM	Ap 5, Phú An	
175	05102790	LE THI BACH DUYEN	AP 5 PHU AN CAI LAY	
176	05103140	NGUYEN THỊ MONG TRINH	TO 5 AP 5 PHU AN CAI LAY TG	
177	05016843	Nguyễn Văn Kê	Sô 483, Ap 5, xã Phú An	
178	05016885	Nguyen Van Loi	HL63 - Ap 6 -PA	
179	05016927	Đoàn Văn Suôi	Ap 6-Phú An	
180	05016967	Phạm Văn Thanh	206, Ap 6, Phú An	
181	05017007	Võ Thị Anh	Sô 448, Ap 6, xã Phú An	
182	05202354	TRAN VAN KHIT	Ap 5, Phú An	
183	05100808	Nguyễn Văn Thông	AP 5	
184	05101060	TRẦN VAN VU	AP 4	
185	05015155	Phạm Bạch Vân	Ap 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
186	05015197	Phan Văn Tạo	Sô 55, Ap 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
187	05015243	Nguyễn Thị Đây	Ap 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
188	05015497	Phạm Thị Duong	PHU AN	
189	05015554	Lê Thị Nhanh	Sô 910, áp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
190	05015610	Nguyen Van Sa	246-AP 5 -Phu An- Cai Lay	
191	05015657	PHAM THI TAT	AP 5 - PA	
192	05015703	Phùng Cao Sơn	Áp 4-Phu An	
193	05015750	HỒ THỊ TÙNG	138 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
194	05015790	LÊ THỊ PHỤNG	508 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
195	05015830	Tran Thi Tiep	AP4 PAN	
196	05015870	NGUYỄN VĂN DŨNG	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
197	05015911	Nguyen Phuc Tinh	AP4 PAN	
198	05101767	Nguyễn Văn Tâm	áp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
199	05102390	TRƯỜNG MINH HÙNG	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
200	05200233	TRẦN NGỌC SANG	Ấp 5, Phú An	
201	05200602	NGUYỄN THANH LONG	Ấp 5, Phú An	
202	05201036	LÊ VĂN HÙNG	Ấp 5, Phú An	
203	05104902	PHẠM MINH CẢNH	ẤP 4 - PHÚ AN - H CẢI LẬY	
204	05105275	TRẦN THỊ THANH THỦY	AN THÁI - AN CƯ - H CẢI BÈ	
205	05015003	Ngô Hoàng Văn	AP 5 - PA	
206	05015044	Nguyễn Thị Kim Hưng	Số 334, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
207	05015087	Nguyễn Thị Loan	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
208	05015934	Phạm Văn Tư	Ấp 4, xã Phú An	
209	05015974	Ngo Van Hong	310 PA	
210	05016071	TRẦN QUANG HIỀN	259 - Ấp 4 - PA	
211	05016120	LÃNG HOÀNG HẠNH	Ấp 4- PA	
212	05016168	Nguyễn Văn Định	AP 5 PA	
213	05016214	Bùi Thanh Hải	AP 5 P AN	
214	05016257	Nguyễn Văn Phải	AP 5 - PHU AN	
215	05016297	Mai Thị Ba Đen	Ấp 5	
216	05016338	Nguyễn Văn Tâm	46 P AN	
217	05016380	Trần Văn Éch	AP 5 PA	
218	05016420	Nguyễn Văn Kỳ	AP 5 - PHU AN	
219	05016460	Nguyễn Trường Giang	AP 5-PA	
220	05016500	Tạ Văn Hùng	Số 667, xã Phú An	
221	05016544	Lê Văn Tiến	Ấp 5-Phu An	
222	05016585	Phan Văn Bé Ba	Số 537, Ấp 5, xã Phú An	
223	05016625	Phạm Văn Việt	AP 5 PA	
224	05016665	Trần Văn Nguyệt	AP5.LPA	
225	05016705	Nguyễn Văn Nước	Ấp 6, xã Phú An	
226	05016745	Lê Văn Năm	Số 674, Ấp 6, xã Phú An	
227	05016785	Đặng Văn Hồ	Số 409, Ấp 5, xã Phú An	
228	05201501	NGUYỄN THỊ HIỆP	Ấp 5, Phú An	
229	05201952	VÔNG THANH ĐỨC	Ấp 5, Phú An	
230	05300704	ĐẶNG THỊ CHI	Ấp 5, Phú An	
231	05103929	TRAN MINH DUONG	AP 5 PHU AN	
232	05104349	LÊ VĂN SƠN	416 TỔ 11 ẤP 5	
233	05102827	Võ Thị Mười	Ấp 6, xã Phú An	
234	05103317	Nguyễn Minh Vương	AP 5 PHU AN CAILAY TG	
235	05016848	Lê Văn Quyền	Ấp 5 - PA	
236	05016892	Phạm Thị Huệ	614-Ấp 6-Phu An-CL	
237	05016932	Võ Văn Chuông	Số 451, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
238	05016972	Luong Van Be	697-Ấp 6-PA	
239	05202373	NGUYỄN THỊ ANH HỒNG	Ấp 5, Phú An	
240	05100824	Nguyễn Minh Tú	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
241	05101304	NGUYỄN THANH TUẤN	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CẢI LẬY	
242	05015156	Nguyễn Văn Nhã	Số 358, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
243	05015198	Nguyễn Văn Sừ	Số 573, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
244	05015244	Nguyễn Văn Hậu	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
245	05015504	Nguyễn Văn Bé	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
246	05015555	Trần Văn Mùm	Số 906, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
247	05015611	Tran Thi Lang	A5 PA	
248	05015658	Nguyen The Sang	AP 5 PA	
249	05015704	TRƯƠNG CẨM HỒNG	308 PA	
250	05015751	Phạm Thị Mên	Số 136, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
251	05015791	HUỲNH THỊ KIM CHINH	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
252	05015831	Phạm Văn Dũng	Số 358, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
253	05015871	Mai Van Nam	409 AP4 PA	
254	05101768	Nguyễn Văn Hai	Số 535, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
255	05102392	LE HAI DUONG	AP 4-PHU AN	
256	05200234	TRẦN VĂN SƠN	ẤP 5, Phú An	
257	05200609	NGUYỄN HỮU THÔNG	ẤP 5, Phú An	
258	05201037	LÊ THỊ LÊ	ẤP 5, Phú An	
259	05104905	HỒ VĂN THUẬN	ẤP 4 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
260	05105276	TRẦN THỊ MỸ LINH	AN THÁI - AN CƯ - H CÁI BÈ	
261	05015004	Trần Đình Tài	Số 324, ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
262	05015045	Đoàn Thị Ánh Phương	ẤP 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
263	05015088	Nguyễn Thị Tiến	ẤP 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
264	05015935	Nguyen Thi Huong	AP 4	
265	05015975	Nguyễn Hữu Minh	Số 313, Ấp 4, xã Phú An	
266	05016072	NGUYỄN THỊ BÉ NHỎ	AP5 PA	
267	05016121	VĂN KIM NGUYỆT	AP 4-PA-CL	
268	05016170	Đoàn Thị Khuê	AP 5 PA	
269	05016215	Hà Thị Phương Châu	ẤP 5, xã Phú An, huyện Cai lậy	
270	05016258	Đặng Văn Ngoi	Ap 5	
271	05016298	Nguyễn Văn Hồng	AP 6 - PHU AN	
272	05016339	Nguyễn Thị Thu Vân	AP 5 - PA	
273	05016381	Đặng Thị Hạnh	Ap 5-PA	
274	05016421	Nguyễn Thị Ba	113-Ap 5-Phu An	
275	05016461	Ngô Văn Ca	137-AP5-PA-CAI LAY	
276	05016501	Huỳnh Thị Tu	Ap 5 - Phu An	
277	05016545	Lê Văn Được	AP 5 - PA	
278	05016586	Lê Văn Thôn	536 PAN	
279	05016626	Nguyễn Thị Lang	ẤP 5, xã Phú An	
280	05016666	Trần Ngọc Nhân	466 AP 5	
281	05016706	Nguyễn Văn Út	Số 613, Ấp 6, xã Phú An	
282	05016746	Huỳnh Mỹ Lệ	ẤP 6 - Phú An	
283	05016786	Đặng Văn Mười	ẤP 5, xã Phú An	
284	05201502	TRẦN HỮU PHÚC	ẤP 5, Phú An	
285	05201957	LÊ VĂN CA	ẤP 5, Phú An	
286	05300708	ĐẶNG VĂN BÉ CHÍNH	ẤP 5, Phú An	
287	05103930	NGUYEN THI BE	AP 5 PHU AN	
288	05104350	Đặng Hồng Châu	TỔ 11 ẤP 5	
289	05102828	Phan Văn Minh	ẤP 5 - Phú An	
290	05103318	LE MONG HA	328 TO 9 AP 5 PHU AN CAI LAY TG	
291	05016849	Nguyễn Thị A	Số 431 ấp 4, Phú An	
292	05016893	PHAM MINH CANH	AP 6 - PHU AN	
293	05016933	PHAM THI DUOC	AP 6 - PA	
294	05016973	TRAN THANH PHUONG	AP 6 - PA	
295	05300025	NGUYỄN VĂN PHÚ	ẤP 5, Phú An	
296	05100825	Dương Thị Anh	Số 497, Ấp 5, xã Phú An	
297	05101305	Phạm Văn Sáu	Số 378, Ấp 4, xã Phú An	
298	05015158	Nguyen Van Tung	Ap 6 - PA	
299	05015199	Nguyễn Văn Kiệt	Số 572, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
300	05015245	Nguyễn Thị Sáu	Số 604, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
301	05015505	Phạm Văn Sơn	Số 815, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
302	05015556	Võ Thị Kim Ba	Số 904, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
303	05015612	Nguyen Thi Chinh	PHU AN	
304	05015659	Duong Van Hung	Ap 5 - PA	
305	05015705	Nguyễn Tấn Đạt	Ấp 4 - xã Phú An	
306	05015752	Phan Văn Thanh	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
307	05015792	HUỲNH THANH TRIẾT	509 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
308	05015832	Pham Van Quon	AP 4 PAN	
309	05015872	Nguyen Thi Kim Long	AP 4 PA	
310	05101769	Nguyễn Văn Bảy	Số 554, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
311	05102509	TRUONG THI KIM THUY	AP 5-PHU AN	
312	05200235	NGUYỄN THỊ MUÔI	Ấp 5, Phú An	
313	05200617	ĐINH VĂN LẬP	Ấp 5, Phú An	
314	05201038	NGUYỄN VĂN CHÍNH	Ấp 5, Phú An	
315	05104906	NGUYỄN THỊ THÀNH	ẤP 4 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
316	05105360	HUỲNH VĂN CÔNG	ẤP 5 -PHÚ AN - H CAI LẬY	
317	05015005	Đặng Thị Tuyết Nga	Số 324, ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
318	05015046	Võ Văn Tươi	Số 135, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
319	05015089	Nguyễn Thị Hoa	Số 746, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
320	05015936	TRẦN THỊ DUYÊN	446 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
321	05015976	Nguyễn Hữu Đoàn	Số 314, Ấp 4, xã Phú An	
322	05016073	TRẦN THỊ BÉ	Ấp 4, Phú An	
323	05016123	NGUYỄN THỊ HIỀN	P AN	
324	05016171	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Số 170, Ấp 5, Phú An	
325	05016217	Võ Thái Bảo Châu	P AN	
326	05016259	Nguyễn Thị Hữu	Số 637, Ấp 5, xã Phú An	
327	05016299	Phạm Văn Thương	689 PA	
328	05016340	Nguyễn Công Khai	47 P AN	
329	05016382	Trần Văn Cau	Ap 5 - PA	
330	05016422	Nguyễn Hai Ho	ap 5 - xa Phu An - H.CL	
331	05016462	Ngô Thị Minh Dao	AP 5-PA	
332	05016502	Phạm Mạnh Tuấn	Ấp 5, xã Phú An	
333	05016546	Ngô Thị Phụng	AP 5 - PA	
334	05016587	Nguyễn Thị Đàng	535 PAN	
335	05016627	Trần Thị Ba	Ấp 5, xã Phú An	
336	05016667	Nguyễn Văn Tuấn	Số 435 Ấp 5, Phú An	
337	05016707	Nguyễn Quốc Thái	ẤP 6 - PHÚ AN - H,CAI LẬY	
338	05016747	Nguyễn Văn Phụng	653-AP 6-Phu An-Cai Lay	
339	05016787	Đặng Văn Ba	Số 411, Ấp 5, xã Phú An	
340	05201518	NGÔ THỊ NHẬT NGHĨA	Ấp 5, Phú An	
341	05202013	HÀ MỸ HẰNG	Ấp 5, Phú An	
342	05103931	HA THI KIM LOAN	AP 5 PHU AN	
343	05104351	NGUYỄN THÀNH SƠN	291 ẤP 4	
344	05102839	NGUYEN THI PHUONG	AN THAI - AN CU	
345	05103324	Trần Thị Bé Ba	99 TO 3 AP 5 PHU AN CLTG	
346	05016850	Huỳnh Trọng Khanh	Ấp 5, Phú An	
347	05016894	Mai Chí Huệ	Số 515, Ấp 6, xã Phú An	
348	05016934	Tran Thi Be	To 13-Ap 6-Phu An-CL	
349	05300032	NGÔ VĂN KHIÊM	Ấp 5, Phú An	
350	05100826	Dương Minh Hòa	Ấp 4, xã Phú An	
351	05101306	Nguyễn Thị Thắm	Số 398, Ấp 4, xã Phú An	
352	05015152	Nguyễn Văn Chiến	Số 356, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
353	05015194	Huỳnh Kế Dậy	Số 575, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
354	05015240	Nguyễn Văn Thừa	Số 362, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
355	05015459	Trần Thị Hạnh	Số 932, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
356	05015551	Đoàn Trọng Nghĩa	Số 912, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
357	05015604	TRẦN VĂN KIẾT	ẤP 5 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
358	05015654	Chung Van Hai	875A - ap 6 - Phu An	
359	05015700	Tran Thi Tam	Ap 4 - PA	
360	05015747	Mai Thành Y	Ấp 5, xã Phú An	
361	05015787	Phạm Văn Út	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
362	05015827	Phạm Thị Ki	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
363	05015867	NGUYỄN THỊ XÊ	400 - ẤP 4 PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
364	05015908	Nguyễn Van Tu	AP 4	
365	05101763	Nguyễn Thị Nga	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
366	05102386	LUONG HONG KIET	AP 4-PHU AN	
367	05200203	ĐỖ PHÚ QUÍ	Ấp 5, Phú An	
368	05200578	DƯƠNG HOÀNG YÊN	Ấp 5, Phú An	
369	05201017	Trần Thị Ngọc Bích	Ấp 5, Phú An	
370	05104854	NGUYỄN VĂN XEM	ẤP 5 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
371	05105204	Nguyễn Văn Mười	ẤP 5 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
372	05015000	Huỳnh Thị Cẩm Hương	ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
373	05015041	Nguyễn Thị Bé	Số 332, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
374	05015084	Phan Thúy Liễu	Số 750, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
375	05015931	Pham Tuan Quoc	Ap 4	
376	05015971	Pham Van Man	AP 4-PA-CAI LAY	
377	05016014	PHAM THI BE BA	AP 4 - PA	
378	05016068	LÊ THỊ HOA	AP4.PHU AN	
379	05016117	Nguyễn Văn Hùng	Số 214, Phú An	
380	05016165	Truong Thị Tiệp	AP 5 PA	
381	05016211	Đặng Thế Huy	AP 5 PA	
382	05016254	Nguyễn Văn Trừ	Ap 5 - Phu An	
383	05016294	Lê Văn Công	Ap 5-Phu An -CL	
384	05016335	Nguyễn Văn Nam	44-AP5-PA	
385	05016377	Võ Hồng Hải	80/3-Ap 5-PA	
386	05016417	Cổ Văn Qua	AP5	
387	05016457	Ngô Kim Chi	Ap 5 - PA	
388	05016497	Trần Thị Phôi	P AN	
389	05016541	Phạm Văn Nhân	AP 5 PAN	
390	05016582	Lê Văn Tích	538 P AN	
391	05016622	Nguyễn Văn Lâm	Ấp 5, xã Phú An	
392	05016662	Nguyễn Văn Hai	470 AP 5	
393	05016702	Nguyễn Thị Sáng	Số 614, Ấp 5, xã Phú An	
394	05016742	Huỳnh Thị Hai	657-AP 6-Phu An-Cai Lay	
395	05016782	Nguyễn Văn Thanh	Số 693 Ấp 6 - Phú An	
396	05016822	Phạm Thanh Tuấn	Số 740, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
397	05201454	DƯƠNG VĂN HỒN	Ấp 5, Phú An	
398	05201925	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Ấp 5, Phú An	
399	05103917	Đặng Văn Chiêu	ẤP 5 PHÚ AN	
400	05104336	Lê Thị Tại	ẤP 5 PHÚ AN	
401	05300645	NGUYỄN VĂN BÉ HAI	Ấp 5, Phú An	
402	05102808	Nguyễn Thanh Tú	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
403	05103267	VO VAN BINH	AP 6 PHU AN	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
404	05016845	Nguyễn Văn Hiệp	Ấp 5, Phú An	
405	05016888	Nguyễn Thị Hết	Số 519, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
406	05016929	Pham Ngoc Hy	489-AP 6	
407	05016969	Doan Van Suoi	Số 467, Ấp 6, xã Phú An	
408	05017009	Phạm Văn Biểu	Số 430, Ấp 6, xã Phú An	
409	05202356	NGUYỄN VĂN CHÍNH	Ấp 5, Phú An	
410	05100821	Nguyễn Minh Tuấn	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
411	05101062	TRAN NGOC THUAN	AP 4	
412	05101935	Trần Huỳnh Quốc Thái	Ấp 4, xã Phú An	
413	05102512	VO THI KIM LOAN	AP 4-PHU AN	
414	05015161	Nguyễn Thị Hà	Số 610, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
415	05015251	Võ Thị Thanh Hiền	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
416	05015509	Nguyen Thi Giao	PHU AN	
417	05015560	Phan Thị Tô	Số 965, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
418	05015615	Nguyen Van Nga	AP 5 PA	
419	05015662	PHAN TRÍ ĐẠT	ẤP 5 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
420	05015708	Huynh Huu Khanh	Ap 4 - PA	
421	05015755	Nguyen Van Dung	AP 4 PA	
422	05015795	Hồ Thị Ân	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
423	05015835	Nguyen Huu Cong	PHU AN	
424	05015875	NGUYỄN VĂN THÂN	452- ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
425	05200273	HỒ NGUYỄN BẢO SANG	Ấp 5, Phú An	
426	05200645	NGUYỄN VĂN KHAI	Ấp 5, Phú An	
427	05201056	Võ Văn Thuận	Ấp 5, Phú An	
428	05104921	Phạm Thị Ngọc Thu	ẤP 6, PHÚ AN, CAI LẬY	
429	05105375	NGUYỄN VĂN HOA	ẤP 6 - PHÚ AN - h CAI LẬY	
430	05015008	Lê Đăng Khoa	Số 340, ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
431	05015050	Nguyễn Tân Thạnh	Số 314, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
432	05015092	Nguyễn Văn Tùng	Số 743, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
433	05015939	Nguyễn Văn Hi	Số 438, Ấp 4, xã Phú An	
434	05015979	Nguyễn Văn Bé	Số 317, Ấp 4, xã Phú An	
435	05016077	MAC THỊ HUYỀN	Ấp 4, Phú An	
436	05016127	LÃNG HOÀNG HẠNH	AP4 PAN	
437	05016175	Nguyễn Thị Tư	AP5 P AN	
438	05016220	Nguyễn Văn Hiền	AP 5 PA	
439	05016262	Trần Văn Ngon	641 PA	
440	05016302	Lê Thị Lệ	692 PAN	
441	05016344	Phan Văn Duong	56 P AN	
442	05016385	Võ Văn Lập	75- AP 5-PA-CL	
443	05016425	Nguyễn Văn Huy	118 AP 5	
444	05016465	Ngô Thị Lạc	AP 4 PAN	
445	05016505	Trần Thị Hoa	AP 5 - PA	
446	05016549	Lê Thị Tám	Ap 4 - Phu An	
447	05016590	Nguyễn Hoàng Trừ	ẤP 5-PHU AN -CAI LAY	
448	05016630	Nguyễn Minh Hải	Số 506, Ấp 5, xã Phú An	
449	05016670	Nguyễn Thị Út	Số 438 Ấp 5, Phú An	
450	05016710	Nguyễn Văn Em	Số 615, Ấp 6, xã Phú An	
451	05016750	Ngô Văn Minh	Số 670, Ấp 6, xã Phú An	
452	05016790	Trần Văn Hồng	Số 407, Ấp 5, xã Phú An	
453	05201529	ĐINH VĂN BỨT	Ấp 5, Phú An	
454	05202062	PHẠM THANH THẾ	Ấp 5, Phú An	



STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
455	05103934	HA THI KHUYEN	295 AP 5 PHU AN	
456	05104434	Tô Thị Ngọc Sen	LỘ PHÚ AN ÁP 5	
457	05102843	NGUYỄN THỊ TÂM	ÁP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
458	05103368	PHAN NGOC HANH	TỔ 9 AP 5 PHU AN CAI LAY TG	
459	05016853	Trần Văn Kinh	Số 547, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
460	05016897	Tran Cong Day	Ap 6-Phu An-CL	
461	05016937	Vo Van Phi	To 13-Ap 6-Phu An-CI	
462	05016977	Luong Thi Ut	476-Ap 6-PA	
463	05300050	CAO VĂN THANH	Ấp 5, Phú An	
464	05100849	Trần Minh Tấn	AP 5	
465	05101309	Ngô Thị Kim Oanh	Ấp 5, Phú An	
466	05015160	Nguyễn Thị Phương	Số 611, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
467	05015201	Nguyễn Hà Tiên	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
468	05015249	Trần Minh Tùng	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
469	05015508	Đặng Hữu Nghĩa	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
470	05015559	Trần Thanh Hùng	Số 905, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
471	05015614	Nguyễn Thị Bé	ÁP 5, PHÚ AN, CAI LẬY	
472	05015661	Do Van Nhi	AP 5 PA	
473	05015707	Dương Văn Tấn	Ấp 4, xã Phú An	
474	05015754	Ho Van De	134 AP4 PA	
475	05015794	Huynh Thanh Nhan	510 AP 4	
476	05015834	HUYNH VAN HAI	AP 5 XA PHU AN-H CL	
477	05015874	NGUYEN THI THUONG	AP 4 - PA	
478	05101934	Nguyễn Ngọc Huệ	Ấp 6 - Phú An	
479	05102511	NGUYEN THI DO	AP 5	
480	05200256	NGÔ THỊ ANH THƯ	Ấp 5, Phú An	
481	05200644	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG	Ấp 5, Phú An	
482	05201049	TRẦN THỊ HẠNH	Ấp 5, Phú An	
483	05104917	PHẠM VĂN MÃN	ÁP 6 - PHÚ AN Ì - H CAI LẬY	
484	05105374	LÊ THỊ CẨM TÚ	ÁP 5 - PHÚ AN - h CAI LẬY	
485	05015007	Võ Kim Hà	Số 312, ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
486	05015049	Le Van Sau	315-Ap 5-Phu An-CL	
487	05015091	Trần Thị Bón	Số 744, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
488	05015938	Cao Văn Tam	Ấp 4, xã Phú An	
489	05015978	Phạm Văn Thôi	Ấp 4, xã Phú An	
490	05016076	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	AP 5 PA	
491	05016126	HUỶNH THỊ KIM PHƯƠNG	AP 4	
492	05016174	Vương Bích Phương	AP 5 PA	
493	05016219	Tạ Kim Hoa	606-Ap5-PA	
494	05016261	Trần Văn Diệu	640 PA	
495	05016301	Nguyễn Thị Loan	691 PA	
496	05016342	Lý Thị Bầy	Ap 5- PA	
497	05016384	Nguyễn Văn Hà	PHU AN-CAI LAY	
498	05016424	Nguyễn Văn Hai	AP5 PA	
499	05016464	Nguyễn Thị Bầy	Ap 5-Phu An	
500	05016504	Võ Tấn Phú	Ap 4	
501	05016548	Đặng Thị Như Liên	AP 5 - PA	
502	05016589	Cao Thiện Cường	Ấp 5, xã Phú An	
503	05016629	Phạm Kim Sơn	Số 505, Ấp 5, xã Phú An	
504	05016669	Nguyễn Ngọc Em	Số 437 Ấp 5 - Phú An	
505	05016709	Ngô Trần Thế Hiền	Số 620 Ấp 6 - Phú An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
506	05016749	Nguyễn Văn Hân	675 - ẤP 6 - PHÚ AN - H. CAI LẬY	
507	05016789	Nguyễn Văn Trương	Ấp 5, xã Phú An	
508	05201527	NGÔ MINH LỢI	Ấp 5, Phú An	
509	05202020	NGUYỄN TRẦN BẢO NGUYỄN	Ấp 5, Phú An	
510	05103933	HA VAN NEM	294 AP 5 PHU AN	
511	05104406	NGUYEN VAN THUONG	AP6 PHU AN	
512	05102842	LÊ VĂN AN	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
513	05103339	NGUYEN VAN UT	290 AP 4 PHU AN CLTG	
514	05016896	NGUYEN THI MY	AP 6 - PHU AN	
515	05016936	VO THANH CONG	AP 6 - PA	
516	05016976	NGUYEN VAN TAM	AP 6 - PA	
517	05300049	NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG	Ấp 5, Phú An	
518	05100848	Hà Ngọc Trân	AP 5	
519	05101308	NGUYỄN THỊ TIÊM	AP 4-PHU AN	
520	05015162	Nguyễn Thị Tư	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
521	05015203	Trần Văn Thương	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
522	05015252	Nguyễn Thị Bé	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
523	05015511	Ho Thi Ngoc Bang	An Thai - An Cu - CB	
524	05015561	Trần Thị Chín	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
525	05015616	Nguyen Van Hung	AP 5 PA	
526	05015663	VÕ VĂN NHỦ	201 - ẤP 5 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
527	05015710	Nguyen Thi Kim Anh	Ấp 4 - xã Phú An	
528	05015756	Ho Thanh Vu	AP 4 PA	
529	05015796	Hồ Thị Trí	Số 511, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
530	05015836	Huỳnh Văn Ôn	Số 388, Ấp 4, xã Phú An	
531	05015876	Ho Thu Thu	456-Ap 4-Phu An	
532	05101936	Nguyễn Văn Tư	Ấp 4, xã Phú An	
533	05200274	LƯƠNG THỊ XUÂN MAI	Ấp 5, Phú An	
534	05200687	NGUYỄN VĂN MINH	Ấp 5, Phú An	
535	05201057	Nguyễn Thị Huệ	Ấp 5, Phú An	
536	05104926	CHÂU THỊ KIỀU	AP 4 PHÚ AN	
537	05105384	PHAN THỊ VIỆT	ẤP 4 PA	
538	05015009	Nguyễn Thị Nhi	ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
539	05015051	Tran Thi Hieu	PHU AN	
540	05015093	Nguyễn Văn Điều	Số 742/21, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
541	05015940	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Số 436, Ấp 4, xã Phú An	
542	05015980	Doan Van Thanh	287-AP4-PA	
543	05016023	TRƯƠNG THỊ BÍCH VÀNG	AP5 PA	
544	05016079	NGUYỄN NGỌC QUÊ	AP5 PA	
545	05016128	NGUYỄN THỊ BÉ	Số 208, Ấp 4, xã Phú An	
546	05016176	Ngô Thị Nhung	PHU AN	
547	05016221	Hồ Thanh Nghĩa	AP 5 - PA	
548	05016263	Hà Văn Sáu	642 PA	
549	05016303	Lê Văn Mười	Ap 5	
550	05016346	Đặng Văn Mười	AP 5 PA	
551	05016386	Võ Văn Teo	AP5 PA	
552	05016426	Nguyễn Văn Que	Ap 6	
553	05016466	Lê Văn Bi	LPA- Ap 4 - PA	
554	05016506	Trương Văn Hùng	663 PA	
555	05016551	Dương Văn Thọ	Ap 5- Phu an	
556	05016591	Nguyễn Văn Mười	Số 531, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
557	05016631	Nguyễn Công Hồng	Số 509, Ấp 5, xã Phú An	
558	05016671	Nguyễn Văn Quan	439 AP 5	
559	05016711	Nguyễn Thanh Vũ	Ấp 6 - Phú An	
560	05016751	Trần Thị Mỹ Anh	Ấp 6, Phú An	
561	05016791	Phạm Văn Đức	Số 406 Ấp 5, Phú An	
562	05201548	PHẠM CÔNG VĂN	Ấp 5, Phú An	
563	05103935	HA VAN CHINH	702 AP 5 PHU AN	
564	05104443	HỒ VĂN NHÂN	ẤP 4 PHÚ AN	
565	05102844	NGUYEN THE HIEN	AP 5 PHU AN CAI LAY	
566	05103369	TRUONG VAN DU	316 AP 5 PHU AN CAI LAY TG	
567	05016854	Lê Thị Ngọc Xuân	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
568	05016898	Lương Văn Bình	Ấp 6, xã Phú An	
569	05016938	Vo Van Quay	454- Ấp 6-Phu An	
570	05016978	Luong Van Nho	470-Ấp 6-PA	
571	05300055	LÂM KIM HẰNG	Ấp 5, Phú An	
572	05100850	Ngô Thị Mai	ẤP 5, PHÚ AN, CAI LẬY	
573	05101310	Ngô Văn Thờ	Ấp 4, xã Phú An	
574	05015159	Trần Thế Tuyên	Ấp 6, xã Phú An	
575	05015200	Nguyễn Minh Dũng	Số 571, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
576	05015246	Lê Thị Đẹp	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
577	05015507	Đặng Văn Thập	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
578	05015557	Nguyễn Thanh Phong	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
579	05015613	Nguyen Ngoc An	AP5 P AN	
580	05015660	Do Van Nhung	AP 5 P A	
581	05015706	Nguyễn Văn Dũng	Ấp 4 - xã Phú An	
582	05015753	Phan Thi Thao	AP 4 PA CL	
583	05015793	Pham Van Dung	Ap 5	
584	05015833	Phạm T Phương Duyên	Số 360, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
585	05015873	Do Thi Nho	Ap 4 - Phu AN	
586	05101933	LE THI SUONG	AP 5	
587	05102510	Nguyễn Thị Thương	AP 5	
588	05200240	CAO CÔNG THOẠI	Ấp 5, Phú An	
589	05200631	PHẠM THỊ RẦY	Ấp 5, Phú An	
590	05201048	TRẦN THỊ DIỄM THÚY	Ấp 5, Phú An	
591	05104907	HỒ VĂN THI	ẤP 4 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
592	05105361	NGUYỄN KIM NGỌC	AN THÁI - AN CƯ - H CAI BÈ	
593	05015006	Phạm Đông Vũ	ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
594	05015048	Nguyễn Văn Vinh	Số 337, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
595	05015090	Phạm Văn Hoàng	Số 745, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
596	05015937	Hồ Văn Thiệt	Số 448, Ấp 4, xã Phú An	
597	05015977	Nguyen Van Thu	Ap 4	
598	05016074	HỒ VĂN HOÀNG	P NA AP5	
599	05016124	NGUYỄN THỊ TÁM	211- Ấp 4-Phu An	
600	05016173	Nguyễn Hữu Vinh	P AN	
601	05016218	Lê Thị Tư	Ap 5 - PA	
602	05016260	Ngô Thị Minh Phụng	Số 231, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
603	05016300	Nguyễn Văn Dư	690 PA	
604	05016341	Hồ Thị Hương	AP5 PA	
605	05016383	Trương Văn Lu	76 AP5 PA	
606	05016423	Lê Thị Khoa	117-AP5-PA	
607	05016463	Ngô Văn Tuong	AP5 PA	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
608	05016503	Võ Thị Ngọc Sương	33 PA	
609	05016547	Dương Văn Năm	Ấp 5, Phú An	
610	05016588	Nguyễn Thị Tiêm	Số 534, Ấp 5, xã Phú An	
611	05016628	Nguyễn Văn Bo	504 AP 5	
612	05016668	Nguyễn Thị Hoa	Số 436 Ấp 5, Phú An	
613	05016708	Nguyễn Văn Hải	Số 622 Ấp 6 - Phú An	
614	05016748	Nguyễn Thị Kim Hoa	Ap 6 - Phu An	
615	05201519	NGÔ MINH CHIẾN	Ấp 5, Phú An	
616	05202014	TRẦN PHƯỚC TRƯỜNG	Ấp 5, Phú An	
617	05103932	VO VAN CHINH NHO	AP 5 PHU AN	
618	05104391	Nguyễn Văn Hồng	ẤP 5 PHÚ AN	
619	05102841	Nguyễn Thị Bé Sáu	AP 5 PHU AN CAI LAY TG	
620	05103338	PHAM VAN CHON	578 TO 16 AP 6 PHU AN CLTG	
621	05016895	Tran Van My	Ap 6-Phu An-Cl	
622	05016935	VO THANH NHAN	AP 6 - PA	
623	05016975	Luong Van Hoang	475-Ap 6-Pa	
624	05300035	HỒ BẠCH DUY	Ấp 5, Phú An	
625	05100827	LE THI NGUYET YEN	AP 4	
626	05101307	Quách Thị Kim Á	Ấp 4, xã Phú An	
627	05101941	Nguyễn Thị Hồng Linh	AP 5	
628	05015115	Cao Thị Sánh	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
629	05015165	TRẦN VĂN THÀNH	Số 602, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
630	05015208	Phạm Thị Nga	Số 567, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
631	05015270	Phạm Văn Tám	Số 548, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
632	05015515	Phạm Văn Minh	Số 820, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
633	05015569	Ngô Thị Đông	Số 366, xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè	
634	05015619	Ngo Thi Ba	AP 5 PA	
635	05015668	Le Hong Cam	Ap 5 - PA	
636	05015716	Huynh Thi Ngoan	875"A"-Ap 4-PA	
637	05015759	Nguyen Cong Minh	AP4 PA	
638	05015799	Nguyễn Văn Quýt	Số 515, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
639	05015839	Pham Van Thum	614-Ap 6-Phu An	
640	05015879	Ho Trong Phong	Ap 4	
641	05200349	VÕ THÁI BẢO LỘC	Ấp 5, Phú An	
642	05200728	VÕ VĂN CANG	Ấp 5, Phú An	
643	05201067	Nguyễn Thị Thắm	Ấp 5, Phú An	
644	05104956	Đặng Văn Cường	ẤP 5 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
645	05105443	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	ẤP 5, PHÚ AN, H CAI LẬY, TG	
646	05015012	Trần Thị Phương Lan	ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
647	05015054	Nguyễn Thị Kim Thu	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
648	05015096	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
649	05015943	NGUYỄN THỊ TUYẾT	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
650	05015983	ĐOÀN VĂN LÊ	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
651	05016027	TRƯƠNG KIM VÂN	233 P AN	
652	05016082	NGUYỄN HOÀNG HẢI	875B AP 4	
653	05016131	NGUYỄN VĂN HỒNG	P AN	
654	05016179	Ngô Thị Mai	AP5 PA	
655	05016224	Trần Thị Châu	ap 5 - xa Phu An - H.CL	
656	05016266	Mai Văn Thum	AP 5,PA	
657	05016306	Ngô Văn Hùng	696 AP 5	
658	05016349	Nguyễn Văn Triết	54 PHU AN	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
659	05016389	Nguyễn Thanh Hải	Ap 5	
660	05016429	Nguyễn Văn Hoa	AP 5	
661	05016469	Phạm Văn Em	Ap 5	
662	05016509	Nguyễn Thanh Chương	AP5-PA-CAI LAY	
663	05016554	Nguyễn Văn Tám	595/Ap 5 - LPA- Phú An	
664	05016594	Nguyễn Thị Nuôi	529 PAN	
665	05016634	Lê Ngọc Dề	AP 5 - PHU AN	
666	05016674	Phạm Văn Xiêu	Số 442 Ấp 5 - Phú An	
667	05016714	Nguyễn Văn Mẫn	Số 624 Ấp 6 - Phú An	
668	05016754	Võ Thị Ba	Số 661 Ấp 6 - Phú An	
669	05016794	Đặng Văn Bé	AP 5-PA	
670	05201581	HUYNH THANH TÂN	Ấp 5, Phú An	
671	05103938	HUYNH THI TUYET MAI	AP 5 PHU AN	
672	05104521	PHẠM THỊ NGÀ	ẤP 6 PHÚ AN CAI LẬY	
673	05102911	NGUYEN VAN BE	AP 5 PHU AN	
674	05103392	Nguyễn Thị Tao	AP 5 PHU AN	
675	05016857	Phan Văn Trung Thanh	AP 6-PA	
676	05016901	Võ Văn hiếu	Số 449, Ấp 6, xã Phú An	
677	05016941	Nguyen Thi Sau	AP 6-PA	
678	05016981	Tran Van Ri	472-Ap 6-PA	
679	05300097	NGUYỄN THỊ THỊNH	Ấp 5, Phú An	
680	05100853	Tô Thị Mộng Phương	AP 5	
681	05101320	Từ Văn Hùng	Ấp 6 - Phú An	
682	05101946	HỒ THỊ NGỌC	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
683	05015119	NGÔ THỊ LỆ THUY	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
684	05015170	Huỳnh Văn Mười	Số 594, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
685	05015213	Nguyen Thi Thu Thuy	565 AP 6	
686	05015280	Ngô thị To	Số 557, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
687	05015525	Phạm Văn Mười	Số 937, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
688	05015575	Trần Ru Bi	Số 967, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
689	05015624	Nguyen Thanh Doan	AP5 PA	
690	05015673	Nguyen Tan Hung	875A- Ấp 4- PA	
691	05015720	Duong Thi Hoai My	AP 4 PA	
692	05015763	Nguyễn Văn Chạy	Số 494, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
693	05015803	Đỗ Văn Tại	Số 322, Ấp 4, xã Phú An	
694	05015843	Võ Hoàng Ân	Số 383, Ấp 4, xã Phú An	
695	05015883	Tran Van Ut	Ap 4	
696	05200367	PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG	Ấp 5, Phú An	
697	05200740	NGUYỄN THỊ TIÊM	Ấp 5, Phú An	
698	05104972	NGUYỄN THỊ BÉ BA	ẤP 5 - PHÚ AN- CAI LẬY	
699	05105502	VÕ VĂN CÔNG	ẤP 5, PHÚ AN, H CL	
700	05015016	Quách Hoàng Khiêm	Số 346, ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
701	05015060	Tran Ngoc Nga	AP 5 PA	
702	05015100	Nguyễn Văn Truyền	Số 515, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
703	05015947	Nguyễn Thị Mười	Ấp 4-Phú An	
704	05015987	NGUYEN KHAC DIEP	AP 4 - PA	
705	05016031	TRẦN VĂN TỰ	AP 5 PA	
706	05016088	TRƯƠNG CẨM HỒNG	Ap 4 - PA	
707	05016135	NGUYỄN CHÍ DŨNG	AP 4-Phu An-Cai Lay	
708	05016185	Nguyễn Thị Hoàng	Số 288, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
709	05016228	Nguyễn Văn Đệ	AP 4 PA	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
710	05016270	Đặng Đình Phú	Ap 5	
711	05016310	Truong Văn Thái	AP 5 - PA	
712	05016353	Nguyễn Thị Liễu	Ap 5-Phu An -CL	
713	05016393	Nguyễn Minh Tuấn	72 AP 5 PA	
714	05016433	Đỗ Thị Ánh Châu	AP 5 PA	
715	05016473	Phạm Văn Non	AP 4 - PHU AN	
716	05016513	Nguyễn Văn Thiên	01 PA	
717	05016558	Lê Thị Kiên	Ấp 5, xã Phú An	
718	05016598	Võ Thị Bé	Số 525, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
719	05016638	Nguyễn Hoàng Ân	Ấp 5, xã Phú An	
720	05016678	Nguyễn Thanh Phong	Số 445 Ấp 5 - Phú An	
721	05016718	Nguyễn Văn Em	LPA - Ấp 6 - PA	
722	05016758	Nguyễn Thị Quyên	665-AP 6-PA-CL	
723	05016798	Phạm Văn Hải	AP 5 PA	
724	05201135	TẠ THỊ TUYẾT KIM	Ấp 5, Phú An	
725	05201648	NGUYỄN THỊ ÚT	Ấp 5, Phú An	
726	05103942	NGUYEN THI HA	AP 5 PHU AN	
727	05104525	PHAN VĂN NHIỀU	131 PHU AN CAI LAY TG	
728	05102915	NGUYEN THI THAM	302 TO 9 AP 5 PHU AN	
729	05103444	HỒ VĂN THÔNG	AP 4 PHU AN CAI LAY TG	
730	05016862	Ngô Phước Hữu	Ấp 6- Phú An	
731	05016905	Võ Văn Em	Số 444, Ấp 6, xã Phú An	
732	05016945	Lương Văn Thăng	Số 484, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
733	05016985	Huỳnh Văn Ngọc	700-Ap 6-PA	
734	05300144	LƯ TRẦN KIÊN	Ấp 5, Phú An	
735	05100689	Ngô Duy Vạn	Ấp 4, xã Phú An	
736	05100935	Nguyễn Văn Tho	AP 5	
737	05101470	Dương Quốc Bảo	AP 5	
738	05015114	Nguyễn Văn Phong	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
739	05015164	Huỳnh Văn Vạng	Số 603, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
740	05015205	Trần Văn Tuấn	Số 569, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
741	05015269	Huỳnh Lệ Hằng	Số 547, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
742	05015514	Nguyễn Hồng Thái	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
743	05015566	Nguyễn Hồng Hạnh	Số 948, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
744	05015618	Ngo Van Phuong	AP 5 PA	
745	05015666	Pham Thi Kim Thuy	Phu An	
746	05015715	Nguyen Thi Nguyet	P AN	
747	05015758	Nguyen Ho Hai	Ap 4 - PA	
748	05015798	Hồ Minh Sơn	Số 514, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
749	05015838	Pham Van Hum	384 AP 4	
750	05015878	Truong Thi Thanh	455-Ap 4-Phu An	
751	05101940	VƯƠNG PHÚ	AP 4-PHU AN	
752	05200327	BÙI LÊ TÂN	Ấp 5, Phú An	
753	05200703	QUÁCH QUANG THANH	Ấp 5, Phú An	
754	05201059	Nguyễn Hữu Nghĩa	Ấp 5, Phú An	
755	05104955	Huỳnh Văn Mười	ẤP 6 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
756	05105407	VÕ HỮU THÀNH	ẤP 6, PHÚ AN, CL, TG	
757	05015011	Nguyễn Thị Kim Hồng	ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
758	05015053	Nguyễn Thị Mên	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
759	05015095	NGUYEN THI HONG PHUONG	AP 5 - PA	
760	05015942	Nguyễn Văn Thanh	Số 442, Ấp 4, xã Phú An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
761	05015982	Nguyễn Văn Tới	Số 318, Ấp 4, xã Phú An	
762	05016025	NGUYỄN VĂN NGA	ap 5 - xa Phu An - H.CL	
763	05016081	NGUYỄN VĂN CHÁNH	AP4 PAN	
764	05016130	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	AP4 PA	
765	05016178	Phan Văn Cẩm	PHU AN	
766	05016223	Truong Minh Nhựt	AP 5 PA	
767	05016265	Hà Văn Toàn	644 PA	
768	05016305	Trần Thị Thắm	Số 711, Ấp 5, xã Phú An	
769	05016348	Nguyễn Văn Quý	53 PHU AN	
770	05016388	Võ Văn Út	Ap 5 - xa Phu An - H.Cai Lay	
771	05016428	Nguyễn Thị Mỹ Nương	119-AP5-PA	
772	05016468	Phạm Thị Lệ	Ap 5	
773	05016508	Lê Văn Hòn	660 PA	
774	05016553	Mai Thanh Hiền	AP 5-PAN	
775	05016593	Lê Thị Bé Ba	Số 530, Ấp 5, xã Phú An	
776	05016633	Nguyễn Thị Hoàng Châu	Ap 5 - PA	
777	05016673	Huỳnh Văn Tư	Số 441 Ấp 5 - Phú An	
778	05016713	Võ Thị Hồng	Ấp 6 - Phú An	
779	05016753	Nguyễn Văn Hưng	Số 660 Ấp 6 - Phú An	
780	05016793	Đặng Thị Bé Bảy	Số 404, Ấp 5, xã Phú An	
781	05201570	CAO THỊ DIỄM	Ấp 5, Phú An	
782	05103937	Cung Anh Vũ	701 AP 5 PHU AN	
783	05104486	BÙI HỮU NGHĨA	AN THIÊN AN CƯ CBTG	
784	05102847	NGUYỄN HÙNG MINH	AP 4-PHU AN	
785	05103391	Nguyễn Thị Bé Hai	AP5 PHU AN	
786	05016856	Nguyen Thanh Nhan	546-Ap 6-PA	
787	05016900	Trần Thanh Phong	Ấp 6, Phú An	
788	05016940	Vo Van Tien	AP 6-PA	
789	05016980	Nguyen Van Tam	471-Ap 6-PA	
790	05300096	NGUYỄN THỊ THỦY HƯƠNG	Ấp 5, Phú An	
791	05100852	Bùi Văn Hồng	AP 5	
792	05101317	TRAN VAN NGHIA	AP 4-PHU AN	
793	05101944	NGUYEN VAN TUC	AP 4-PHU AN	
794	05015117	Nguyễn Ngọc Tâm	Số 424, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
795	05015167	Phạm Văn Nhân	Số 600, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
796	05015210	Phạm Văn Bình	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
797	05015278	Huỳnh Thanh Hùng	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
798	05015519	Nguyễn Văn Thọ	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
799	05015572	Đình Thanh Nhã	Số 952, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
800	05015621	Nguyen Thi Oanh	AP 5 PA	
801	05015671	Lê Phước Tươi	Ap 4 - PA	
802	05015718	Huỳnh Quốc Huy	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
803	05015761	Nguyễn Thị Sang	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
804	05015801	Nguyen Thi Sau	875A AP 4	
805	05015841	Quách Văn Mười	Số 381, Ấp 4, xã Phú An	
806	05015881	Tran van Truc	Ap 4	
807	05200360	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	Ấp 5, Phú An	
808	05200731	NGUYỄN THANH ĐIỀN	Ấp 5, Phú An	
809	05104958	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	ẤP 4 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
810	05105472	NGUYỄN NGỌC MINH	ẤP 4, PHÚ AN, H CAI LẬY, TG	
811	05015014	Trần Đình Phương	Số 410, ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
812	05015058	Trần Thị Vân	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
813	05015098	Lưu Minh Hiền	Số 739, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
814	05015945	Nguyễn Thị Mai	Ấp 4, xã Phú An	
815	05015985	Nguyễn Văn Lợi	Số 321, Ấp 4, xã Phú An	
816	05016029	PHẠM VĂN ĐÔNG	Số 231, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
817	05016086	NGUYỄN MỘNG HƯƠNG	PHU AN	
818	05016133	TRẦN THỊ LỰU	Ấp 4, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
819	05016181	Lê Văn Phương	Ap 5	
820	05016226	Chu Tiến Dũng	Ap 5	
821	05016268	Nguyễn Văn Bé	AP 5.PA	
822	05016308	Chung Văn Hoàng	Ap 5-Phu An	
823	05016351	Nguyễn Văn Sơn	Số 56, Ấp 5, Phú An	
824	05016391	Hà Thị Tam	73 PAN	
825	05016431	Lê Văn Chiến	Ap5-PA	
826	05016471	Lê Văn Chín	AP 5-Phu An-Cai Lay	
827	05016511	Trương Văn Hùng	661 PHU AN	
828	05016556	Lê Trí Nhiều	Ap 5-Phu An	
829	05016596	Nguyễn Hồng Minh	Số 527, Ấp 5, xã Phú An	
830	05016636	Lương Văn Sáng	AP5-LPA	
831	05016676	Huỳnh Văn Quốc	444 AP 5	
832	05016716	Nguyễn Thanh Lâm	Số 630 Ấp 6 - Phú An	
833	05016756	Nguyễn Văn Bảy	663-AP 6-PA-CL	
834	05016796	Phạm Văn Bé Ba	Số 401, Ấp 5, xã Phú An	
835	05201092	Lê Thị Thúy Quyên	Ấp 5, Phú An	
836	05201624	NGUYỄN VĂN LÂM	Ấp 5, Phú An	
837	05103940	Nguyễn Văn Minh	AP 5 PHU AN	
838	05104523	PHẠM VĂN TIỀN	514 ẤP 6 PHÚ AN	
839	05102913	PHẠM THỊ TUYẾT	AP 5 PHU AN	
840	05103431	Võ Chí Cường	LO PHU AN CAI LAY TG	
841	05016859	Phạm Thị Sáu	Số 553, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
842	05016903	Võ Thanh Vũ	Ấp 6, xã Phú An	
843	05016943	Võ Văn Châu	Ấp 6, Phú An	
844	05016983	Huỳnh Thanh Hai	Ap 6-PA	
845	05300132	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Ấp 5, Phú An	
846	05100933	Trần Thị Mai	Ấp 5, xã Phú An	
847	05101468	Trần Thị Kiều	AP 5	
848	05101949	TRAN THI SAU	AP 6-PHU AN	
849	05015120	Nguyễn Văn Mười Hai	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
850	05015171	Phạm Văn Sáu	Số 595, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
851	05015214	Le Thi Trang	564 AP 6	
852	05015282	Huỳnh Thị Diệu Ngân	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
853	05015527	ĐOÀN TRỌNG DŨNG	AN THAI - CAI BE	
854	05015576	Trần Bas Tô	Số 966, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
855	05015625	Nguyen Thi Xuan Hoa	Ap 5	
856	05015674	LÊ THANH TÙNG	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
857	05015721	Nguyen Thi Thu	149 P AN	
858	05015764	Nguyen Thi Be	PHU AN	
859	05015804	Đỗ Văn Tùng	Ấp 4, xã Phú An	
860	05015844	Phạm Văn Yên	Số 379, Ấp 4, xã Phú An	
861	05015884	Tran Van Phuc	Ap 4	
862	05200380	NGUYỄN THỊ HOA	Ấp 5, Phú An	



STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
863	05200752	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	Ấp 5, Phú An	
864	05104982	ĐOÀN THỊ SA	AN THÁI - AN CƯ - H CÁI BÈ	
865	05105503	NGUYỄN MỸ GIÀU	ẤP AN THÁI, AN CƯ, H CL	
866	05015017	Phạm Thị Pho	Số 347, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
867	05015061	Tran Ngoc Tuyet	Ap 6 - PA	
868	05015101	Nguyễn Văn lâu	Số 514, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
869	05015948	Nguyen Thi Chinh	AP 4 PA	
870	05015988	Nguyen Van Phuoc	AP 4 PA	
871	05016033	NGUYỄN VĂN MÃNH	Số 227, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
872	05016089	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG MA	AP 4 XA PHU AN-H CL	
873	05016136	LÊ THỊ KHÉO	Ap 4-PA	
874	05016186	Nguyễn Văn Đức	Số 287, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
875	05016229	Huỳnh Trọng Nghĩa	Ấp 5, Phú An	
876	05016271	Lê Hoàng Minh	Ap 6	
877	05016311	Nguyễn Chí Thông	AP 5-PA-CL	
878	05016354	Ngô Văn Hoàng	58-Ap 5- PA-Cai Lay	
879	05016394	NGUYỄN THỊ NGA EM	Ap 5	
880	05016434	Phạm Minh Chan	122 PAN	
881	05016474	Nguyễn Văn Phước	342 P AN	
882	05016514	Nguyễn Văn Thiên	Ap 5 -	
883	05016559	Nguyễn Thị Hồng Vân	Ap 5	
884	05016599	Nguyễn Văn Nền	Ấp 5, Phú An	
885	05016639	Nguyễn Tiến Dũng	Ấp 5, xã Phú An	
886	05016679	Nguyễn Văn Vá	Số 456 Ấp 5 - Phú An	
887	05016719	Nguyễn Văn Kiệt	Ấp 6 - Phú An	
888	05016759	Nguyễn Thị Diệu	Ấp 6 - Phú An	
889	05016799	Nguyễn Văn Bầy	504 - ẤP 5 - PHÚ AN - H,CAI LẬY	
890	05201142	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Ấp 5, Phú An	
891	05201649	BUI MINH HẢI	Ấp 5, Phú An	
892	05103943	CHUNG NGOC HAI	AP 5 PHU AN	
893	05104526	PHAN VAN HAI	133 PHU AN CL TG	
894	05102916	HA THI THUY	TO 9 AP 5 PHU AN	
895	05103455	NGUYEN VAN CHIEM	AP 6 PHU AN CLTG	
896	05016863	Trần Thị Cúc	Ấp 6, xã Phú An	
897	05016906	Trần Văn Mười	Số 446, Ấp 6, xã Phú An	
898	05016946	LUONG VAN BANG	AP 6 - PHU AN	
899	05016986	Nguyen Thi Dau	699-Ap 6-PA	
900	05300170	TRẦN BÌNH HIẾU NGHĨA	Ấp 5, Phú An	
901	05100690	Ngô Thị Thu Trang	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
902	05100936	Đặng Ngọc Thành	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
903	05101473	TRAN THI TUONG	AP 4-PHU AN	
904	05102151	NGUYEN VAN THU	AP 4-PHU AN	
905	05015129	Ngô Văn Quan	Số 732, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
906	05015175	Lê Thị Ân	Số 589, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
907	05015221	Nguyễn Văn Trung	Số 558, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
908	05015288	Nguyễn Văn Bé	Số 565, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
909	05015531	Nguyễn Văn Khen	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
910	05015580	Trần Thanh Hồng	Số 956, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
911	05015631	Nguyen Quoc Trung	AP 5 PA	
912	05015679	Phạm Thị Hồng	Số 317, Ấp 4, xã Phú An	
913	05015725	Nguyễn Văn Thảo	Số 145, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
914	05015768	Pham Thi My	P AN	
915	05015808	Quách Thị Phụng	Ấp 4, xã Phú An	
916	05015848	Trần Văn Nguyệt	Số 374, Ấp 4, xã Phú An	
917	05015888	VÕ THÀNH LÂN	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
918	05200386	TRƯƠNG THỊ HIỀN	Ấp 5, Phú An	
919	05200766	NGÔ MINH TIỀN	Ấp 5, Phú An	
920	05105042	NGÔ THANH NHÃ	ẤP 5 - XÃ PHÚ AN - H CAI LẬY	
921	05105529	PHẠM VĂN KÊ	ẤP5, XAPHÚ AN , TX CAI LẬY	
922	05014959	Huỳnh Văn Tâm	ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
923	05015021	Cô Văn Chương	Số 341, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
924	05015065	Nguyễn Thị Tiêm	Số 726, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
925	05015105	Nguyễn Văn Đước	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
926	05015912	Tran Van Yen	Ap 4-Phu An	
927	05015952	Huỳnh Trí Thức	Số 394, Ấp 4, xã Phú An	
928	05015992	MAI THỊ THANH NHÀN	ẤP 5 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
929	05016039	NGUYỄN VĂN DÂN	AP5 PA	
930	05016093	CAO THỊ KIM CÚC	Ap 4 - PA	
931	05016140	NGUYỄN VĂN NHƯỜNG	172 P AN	
932	05016190	Nguyễn Văn Định	AP 4 - PA	
933	05016233	Lê Văn Ca	Ap 5 - xa Phu An - H.Cai Lay	
934	05016275	Nguyễn Văn Chương	Số 673, Ấp 5, xã Phú An	
935	05016315	Nguyễn Thị Chinh	ap 5 - xa Phu An - H.CL	
936	05016358	Đào Văn Kinh	Ấp 5-Phú An	
937	05016398	Lê Văn Cường	AP 5 PAN	
938	05016438	Nguyễn Hai Ho	115-LPA - Ap 5 - PA	
939	05016478	Nguyễn Văn Pha	366 AP 4	
940	05016519	Nguyễn Văn Tiến	AP5 PAN	
941	05016563	Phạm Thị Tư	552- AP 5-PA	
942	05016603	Lê Thị Chay	Ấp 5, xã Phú An	
943	05016643	Nguyễn Văn Bé Bảy	Ấp 5, xã Phú An	
944	05016683	Huỳnh Văn Nhon	450 AP 5	
945	05016723	Nguyễn Thị Thiệt	Ấp 6 - Phú An	
946	05016763	Nguyễn Văn Dục	Số 667 ấp 6 - Phú An	
947	05016803	Nguyễn Thị Kim Châu	Số 413, Ấp 5, xã Phú An	
948	05201180	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Ấp 5, Phú An	
949	05201721	BÙI THỊ THU THỦY	Ấp 5, Phú An	
950	05104009	Võ Nhật Thuận	AP 5 PHU AN	
951	05104610	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	Ấp 5 - xã Phú An - CL	
952	05102959	Trương Quốc Thới	AP 5 PHU AN CAI LAY TG	
953	05103501	Trần Văn Choi	AP 6 PHU AN	
954	05016826	Nguyễn Văn Tài	Ấp 5, xã Phú An	
955	05016867	Võ Văn Út	Số 493, Ấp 6, xã Phú An	
956	05016910	Trần Thanh Vũ	Số 436, Ấp 6, xã Phú An	
957	05016950	LUONG THI SU	AP 6 - PHU AN	
958	05016990	Trần Văn Phong	Số 969, Ấp 6, xã Phú An	
959	05300202	LÊ THỊ THANH TÂM	Ấp 5, Phú An	
960	05100694	Nguyễn Tấn Thành	Ấp 5, xã Phú An	
961	05100940	Nguyễn Văn Bé	AP 5	
962	05101478	NGUYEN THI KIM BA	AP 4-PHU AN	
963	05101942	NGUYEN THI NHUONG	AP 6-PHU AN	
964	05015116	Nguyễn Văn Xuân	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
965	05015166	Trần Văn Sinh	Số 601, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
966	05015209	Phạm Thị Yến	Số 567, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
967	05015516	Nguyễn Thành Tâm	Số 821, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
968	05015570	Huỳnh Văn Tăng	Số 951, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
969	05015620	Ngo Van Nhon	A5 P AN	
970	05015669	NGUYỄN TÂN HUNG	153 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
971	05015717	NGO MINH QUYEN	AP 4 - PA	
972	05015760	Hồ Thị Năm	Số 125, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
973	05015800	Le Van Hung	875A AP4	
974	05015840	Nguyễn Văn Có	Ấp 4, xã Phú An	
975	05015880	Ho Thi Lai	AP 4-PA-CAI LAY	
976	05200352	LÊ THỊ LIÊU	Ấp 5, Phú An	
977	05200730	TRƯƠNG VĂN TRIỆU	Ấp 5, Phú An	
978	05104957	VÕ THỊ XA LY	ẤP 4 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
979	05105444	PHẠM THỊ PHƯƠNG	ẤP 4, PHÚ AN, H CAI LẬY, TG	
980	05015013	Trần Thị Ngọc Cầu	Số 319, ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
981	05015055	Hà Văn Út	Số 304, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
982	05015097	Nguyễn Văn Chon	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
983	05015944	Nguyen Thi Sau	442.AP4 PA	
984	05015984	Võ Bá Thiên	Ấp 4, xã Phú An	
985	05016028	PHẠM VĂN THIÊN	AP 5	
986	05016084	TRẦN THỊ NHUNG	P AN	
987	05016132	NGUYỄN VĂN SEN	P AN	
988	05016180	Trần Văn Cường	Ap 5 - PA	
989	05016225	Nguyễn Văn Tấn	AP5-PA	
990	05016267	Nguyễn Thị Trúc Ngân	AP 5 - PHU AN	
991	05016307	Phạm Thị Hoa	61/3-AP 5	
992	05016350	Nguyễn Văn Tu	PHU AN	
993	05016390	Hà Thị Út	79.AP 5	
994	05016430	Phùng Công Sơn	Ap 5-Phu An-CL	
995	05016470	Phạm Văn Vân	AP 4 - PA	
996	05016510	Dương Văn Hai	659 PA	
997	05016555	Lê Văn Sơn	Số 593, Ấp 5, xã Phú An	
998	05016595	Trần Thị Bé	Số 528, Ấp 5, xã Phú An	
999	05016635	Mai Hồng Dân	507 AP 5	
1000	05016675	Huỳnh Văn Thái	443 AP 5	
1001	05016715	Trần Văn Nhật	625 - Ap 6 - Pa	
1002	05016755	Nguyễn Văn Bình	Số 662, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1003	05016795	Phạm Thị Hai	Số 400, Ấp 5, xã Phú An	
1004	05201599	LÊ THỊ KIM LAN	Ấp 5, Phú An	
1005	05103939	DANG VAN DIEP	AP 5 PHU AN	
1006	05104522	VÕ THỊ NGA	AN THÁI AN CƯ CBTG	
1007	05102912	NGO MINH CHIEN	TO 9 AP 5 PHU AN	
1008	05103393	NGUYEN VAN CHINH	AP 6 PHU AN	
1009	05016858	Ngô Tấn Sáu	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1010	05016902	Lương Văn Sang	Ấp 6, xã Phú An	
1011	05016942	Võ Văn Sánh	Ấp 6-Phú An	
1012	05016982	Huỳnh Van Lanh	701-Ap 6-PA	
1013	05300108	BÙI THỊ THU ĐIỂM	Ấp 5, Phú An	
1014	05100854	Đặng Văn Thanh	AP 5	
1015	05101467	LE THI CHON	AP 5	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1016	05102154	NGUYEN VAN THANH	AP 4-PHU AN	
1017	05015131	Ngô Thị Chiêm	Số 733, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1018	05015177	Nguyễn Văn Nay	Số 588, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1019	05015223	Phạm Văn Tạo	Số 555, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1020	05015290	Nguyễn Thị Dung	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1021	05015533	Lê Nhật Hòa	Số 931, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1022	05015583	Huỳnh Hữu Phước	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1023	05015633	PHAN THỊ VINH	ẤP 5 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1024	05015681	BÙI THỊ BÉ	P AN	
1025	05015727	Nguyễn Văn Lộc	Số 144, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1026	05015770	NGUYEN VAN PHUOC	ap 4 - xa Phu An - H.CL	
1027	05015810	Đỗ Văn Thái	Số 344, Ấp 4, xã Phú An	
1028	05015850	Trần Anh Vũ	Số 372, Ấp 4, xã Phú An	
1029	05015890	Ly Huu Thanh	AP 4 PA	
1030	05200422	NGUYỄN THÁI NGỌC	Ấp 5, Phú An	
1031	05200805	LÊ HOÀNG HẢI	Ấp 5, Phú An	
1032	05105075	HỒ THỊ MƯỜI	ẤP 4 - PHÚ AN	
1033	05105547	TRẦN VĂN RĂNG	ẤP 4 PHU AN	
1034	05014974	Nguyễn Tuấn Lữ	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1035	05015023	LÊ THỊ CẨM TÚ	AP 5 - PHU AN	
1036	05015067	Nguyễn Văn Ánh	Số 727, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1037	05015107	Nguyễn Thị Phận	Số 387, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1038	05015914	Nguyen Thi Tam	Ap 4- PA	
1039	05015954	Pham Van Muoi	AP4-PA	
1040	05015994	Nguyễn Thị Ngọc Chi	Ấp 4 - Phú An	
1041	05016043	MAI THANH HẢI	Số 218, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai lậy	
1042	05016095	TRƯƠNG ANH MINH	P AN	
1043	05016142	NGUYỄN THỊ THUY	875B -Ap 4 -Phú An	
1044	05016193	Nguyễn Thị Khi	AP5 PA	
1045	05016235	Hà Thị Lan Anh	P AN	
1046	05016277	Phạm Văn Dây	AP5 PA	
1047	05016317	Đỗ Thị Hằng	09B AP 5	
1048	05016360	Nguyễn Thị Năm	Ap 5 - Phu An	
1049	05016400	NGUYỄN LÊ CẢNH	LPA -Phu An	
1050	05016440	Phùng Thị Thúy Phượng	AP 5-PA-CAI LAY	
1051	05016480	Quách Văn Năm	368 AP4 PA	
1052	05016521	Nguyễn Văn Phú	575 PA	
1053	05016565	Phạm Thị Thu Hà	Số 551, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1054	05016605	Lê Thị Kiêm	AP 5 - PHU AN	
1055	05016645	Nguyễn Thị Mười Hai	Ấp 5, xã Phú An	
1056	05016685	Bùi Thị Da	452 AP 5	
1057	05016725	Nguyễn Văn Tám	Số 634 Ấp 6 - Phú An	
1058	05016765	Ngô Văn Minh	Số 670, Ấp 6, xã Phú An	
1059	05016805	Nguyễn Văn Lờ	Ấp 5 - Phú An	
1060	05201252	MAI THỊ THU THẢO	Ấp 5, Phú An	
1061	05201731	DƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	Ấp 5, Phú An	
1062	05300461	BÙI HOÀNG DŨNG	Ấp 5, Phú An	
1063	05104012	PHAM THI MEN	AN THAI AN CU	
1064	05102991	Lê Hoàng Hải	AP 5 PHU AN CAI LAY TG	
1065	05103509	NGUYEN THI BACH TUYET	AN THAI AN CU CBTG	
1066	05016828	Nguyễn Thanh Sơn	Ấp 5, xã Phú An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1067	05016869	Trần Văn Bảy	Số 496, Ấp 6, xã Phú An	
1068	05016912	Huynh Van Tam	435-Ap 6-Phu An	
1069	05016952	Luong Thị Vân	Ấp 6, xã Phú An	
1070	05016992	Trần Thị Sáu	Số 528, Ấp 6, xã Phú An	
1071	05300239	NGUYỄN THỊ KIM THÚY	Ấp 5, Phú An	
1072	05100696	Trương Thị Kim Thuận	Số 443, Ấp 6, xã Phú An	
1073	05100942	Nguyễn Văn Ba	AP 5	
1074	05101480	Võ Thị Dưỡng	Ấp 6, xã Phú An	
1075	05102156	Bùi Quốc Trọng	AP 5	
1076	05015134	Bùi Văn Thảo	Số 380, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1077	05015179	Nguyễn Văn Tươi	Số 584, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1078	05015225	Phạm Thị Năm	Số 554, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1079	05015292	Phạm Minh Tuấn	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1080	05015535	Lê Minh Tâm	Số 933, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1081	05015585	Trần Thị Mỹ Nhân	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1082	05015636	Nguyen Thi Bup	AP 5 PA	
1083	05015683	NGUYEN VU HAN	AP 4 - PA	
1084	05015730	Vo Thi Kim Cuc	AP 4 PA	
1085	05015772	Phan Thanh Tùng	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1086	05015812	Nguyễn Trọng Cường	Ấp 4, xã Phú An	
1087	05015852	Cao Văn Tươi	Số 371, Ấp 4, xã Phú An	
1088	05015892	NGUYỄN VĂN TRỌNG	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1089	05200439	TRẦN MINH HOÀNG	Ấp 5, Phú An	
1090	05200820	HUỶNH NGỌC HIẾU	Ấp 5, Phú An	
1091	05105077	ĐẶNG VĂN TĂNG	ẤP 4 - PHÚ AN - CAI LẬY65	
1092	05105549	LA THỊ MAO	ẤP AN THÁI AN CƯ	
1093	05014977	Le Van My	PHU AN	
1094	05015025	Le Thi Nhanh	AP5 PAN	
1095	05015069	Lê Văn Toàn	Số 725, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1096	05015109	Nguyễn Văn Tạo	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1097	05015916	Pham Van Tam	Ap 4-Phu An	
1098	05015956	Nguyễn Thị Út	Số 393, Ấp 4, xã Phú An	
1099	05015998	Vo Thi Thu Ha	Ap 5 - Phu' An	
1100	05016046	NGUYỄN THỊ ĐƯỢC	ap 4 - xa Phu An - H.CL	
1101	05016098	TRƯƠNG THỊ THỦY HƯƠNG	Ap 4 - Phu An	
1102	05016144	NGUYỄN VĂN CẦU	175 P AN	
1103	05016195	Hà Thị Loan Anh	626/18 - Ap 5 - PA	
1104	05016237	Phạm Thị Ngọc Diệp	Ap 5-PA	
1105	05016279	Phạm Văn Mai	PHU AN	
1106	05016319	Nguyễn Hoài Minh	Ap 5	
1107	05016362	Nguyễn Thị Tư	Ấp 5 - Phú An	
1108	05016402	Nguyễn Văn Mẫn	PHU AN	
1109	05016442	Quách Thanh Ngọc	Ap 5 - PA	
1110	05016482	Nguyễn Văn Hòa	Số 365, Ấp 4, xã Phú An	
1111	05016523	Nguyễn Văn Hoàng	26 PA	
1112	05016567	Nguyễn Minh Hương	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1113	05016607	Lê Văn Bảy	Số 586, Ấp 5, xã Phú An	
1114	05016647	Nguyễn Phước Thiện	494 AP 5	
1115	05016687	Phạm Thị Bé	Số 454 Ấp 5 - Phú An	
1116	05016727	Chùa Thiên Đức	AP 6-PA-Phu An-Cai Lay	
1117	05016767	Ngô Văn Dừa	Ấp 6- Phú An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1118	05016807	Phạm Thanh Hoàng	ÁP 5 PA	
1119	05201267	VÕ XUÂN HẢI	Áp 5, Phú An	
1120	05201742	NGÔ TRUNG HIỆU	Áp 5, Phú An	
1121	05104063	NGUYỄN THỊ NGỌC MỸ	ÁP 6, PHÚ AN, CAI LẬY	
1122	05104667	TẠ VĂN HÙNG	ÁP 5 - PHÚ AN - HCL	
1123	05300467	ĐINH VĂN HẢI	Áp 5, Phú An	
1124	05102998	MAI THỊ HOANG	ÁP 5 PHU AN CAI LAY TG	
1125	05103586	NGUYEN TIEN PHUC	516 TO 14 AP 4 PHU AN CLTG	
1126	05016830	Nguyễn Văn Mạnh	Số 493, Áp 5, xã Phú An	
1127	05016871	Phạm Thị Hồng Loan	Áp 6, xã Phú An	
1128	05016914	Trần Thanh Minh	Số 434, Áp 6, xã Phú An	
1129	05016954	Vo Van Hai	Ap 6 - Phu An	
1130	05016994	Văn Thị Bé	Áp 6, xã Phú An	
1131	05202107	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	Áp 5, Phú An	
1132	05300300	THAI TẤN BỬU	Áp 5, Phú An	
1133	05100698	Nguyễn Thanh Được	ÁP 5	
1134	05101043	TRAN XUAN HA	ÁP 4	
1135	05102155	Đỗ Thị Còn	Áp 4, xã Phú An	
1136	05015133	Nguyễn Văn Dè	Số 379, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1137	05015178	Nguyễn Văn Bình	Số 585, Áp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1138	05015224	Đỗ Văn Sao	Số 552, Áp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1139	05015291	Lê Phát Triều	Số 566, áp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1140	05015534	Phạm Thị Bé Ba	Số 929, áp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1141	05015584	Trần Thị Diễm Thùy	Số 970, áp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1142	05015634	Phan Thi Hoa	ÁP 5 PA	
1143	05015682	NGUYEN THI HUYEN SUONG	ÁP 4 - PA	
1144	05015728	Hồ Văn Hòa	Áp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1145	05015771	Trương Thị Ngọc Tuyết	875A- Áp 4 - Pa	
1146	05015811	Trần Văn Phúc	Số 345, Áp 4, xã Phú An	
1147	05015851	Võ Thị Thu Lan	Số 370, Áp 4, xã Phú An	
1148	05015891	Nguyen Thi Tam	Ap 4 - PA	
1149	05200432	BẠCH THỊ KIỀU	Áp 5, Phú An	
1150	05200812	NGUYỄN THỊ MAI THY	Áp 5, Phú An	
1151	05105076	ĐẶNG VĂN TĂNG (2)	ÁP 4 - PHÚ AN - CAI LAY65	
1152	05105548	Lê Minh Tân	ÁP 5 PHU AN	
1153	05014976	Lục Kim Sa	Số 243, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1154	05015024	Trương Thị Lệ	Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1155	05015068	Lê Văn Nghi	Số 724, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1156	05015108	Nguyễn Văn Tùng	Số 388, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1157	05015915	Pham Van Muoi Mot	ÁP 4	
1158	05015955	Nguyễn Thị Hà	Số 417, Áp 4, xã Phú An	
1159	05015997	Huỳnh Văn Bum	161/875A - Áp 4 PA	
1160	05016045	TRƯƠNG HỮU LỘC	Số 217,Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1161	05016097	TRƯƠNG ANH QUỐC HUY	ÁP 5 PA	
1162	05016143	VŨ THÀNH ĐỒ	Ap 4-Phu An-CL	
1163	05016194	Quách Thị Bấy	Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1164	05016236	Phạm Văn Sanh	ÁP 5 PAN	
1165	05016278	Ngô Văn Nhựt	LPA - Áp 6 - PA	
1166	05016318	Nguyễn Văn Thanh	Ap 4 - Phu An	
1167	05016361	Nguyễn Văn Hai	30 A5 PA	
1168	05016401	Nguyễn Văn Bình	ÁP 5 - PHU AN	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1169	05016441	Ngô Thị Ru	P AN	
1170	05016481	Bùi Công Mẫn	Áp 4	
1171	05016522	Nguyễn Văn Hội	574 PA	
1172	05016566	Lê Văn Mười	Áp 5, xã Phú An	
1173	05016606	Lê Văn Dũng	Áp 5, xã Phú An	
1174	05016646	Nguyễn Văn Bé Tư	Số 495, Áp 5, xã Phú An	
1175	05016686	Huỳnh Văn Dũng	Số 453 Áp 5 - Phú An	
1176	05016726	Nguyễn Văn Thương	636-AP 6-Phu An-Cai Lay	
1177	05016766	Trần văn Xinh	Áp 6, Phú An	
1178	05016806	Lê Văn Ham	Số 415, Áp 5, xã Phú An	
1179	05201262	NGUYỄN TÂN TÀI	Áp 5, Phú An	
1180	05201741	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	Áp 5, Phú An	
1181	05104052	LE THI MINH PHUONG	AP 5 PHU AN	
1182	05104666	ĐỖ THỊ KIM LIÊN	ÁP 6 - HÚ AN - HCL	
1183	05300462	TRẦN VĂN ẾCH	Áp 5, Phú An	
1184	05102992	Đỗ Tấn Mầu	Áp 5, Phú An	
1185	05103585	NGUYEN VAN HAN	AP 4 PHU AN CLTG	
1186	05016829	Nguyễn Văn Đôn	Số 756, Áp 5, xã Phú An	
1187	05016870	Tran Van Tuan	498-AP 6	
1188	05016913	Tran Thi Thuy Hang	Ap 6-Phu An	
1189	05016953	Luong Van Sanh	466-Ap 6-Phu An-CL	
1190	05016993	Phạm Thanh Lâm	Số 542, áp 6, xã Phú An	
1191	05202086	NGUYỄN NHỰT QUANG	Áp 5, Phú An	
1192	05300252	NGUYỄN CHÍ TÈO	Áp 5, Phú An	
1193	05100697	Huỳnh Văn Chiến	AP 5	
1194	05101042	Lê Thị Mỹ Châu	Áp 4, xã Phú An	
1195	05101523	LE THI HIEP	AP 4-PHU AN	
1196	05102149	Nguyễn Minh Quang	AP 5	
1197	05015126	Trần Thanh Hồng	AP 5 - PA	
1198	05015173	Nguyễn Văn Hùng	Số 597, Áp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1199	05015217	Nguyễn Hữu Hiền	Áp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1200	05015285	Nguyễn Thị Năm	Số 562, áp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1201	05015529	Phạm Thành Hải	áp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1202	05015578	Trần Thị Hiếu	Số 954, áp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1203	05015629	Le Hoang Hai	AP 5 PA	
1204	05015676	TRAN MINH TUAN	AP 4 - PA	
1205	05015723	Nguyen Van Hoang	148 AP4 PA	
1206	05015766	Nguyễn Hồng Hùng	Số 498, Áp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1207	05015806	Quách Hoàng Út	Áp 4, xã Phú An	
1208	05015846	Phạm Văn Mười Ba	Áp 4, xã Phú An	
1209	05015886	NGUYỄN VĂN HOANH	423 -ÁP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1210	05200384	LÊ THI NGỌC XUÂN	Áp 5, Phú An	
1211	05200761	NGUYỄN TRUNG THUẬT	Áp 5, Phú An	
1212	05104989	Nguyễn Văn Mỹ Phú	ÁP 6 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
1213	05105517	DƯƠNG VĂN HOÀNG	ÁP 4 , PHÚ AN , H CAI LẬY	
1214	05015019	Cô Văn Quý	Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1215	05015063	Nguyễn Văn Ngru	Số 728, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1216	05015103	Đoàn Thị Hồng	Số 517, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1217	05015950	Phạm Văn Hùm	Áp 4, xã Phú An	
1218	05015990	Nguyen Van Hung	AP 4 PA	
1219	05016037	NGUYỄN THANH CHÍ	PHU AN	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1220	05016091	LÊ HỒNG ĐỨC	PHU AN	
1221	05016138	NGUYỄN MINH HƯƠNG	Ấp 4, Phú An	
1222	05016188	Vương Thị Kim Loan	Ấp 4, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1223	05016231	Lê Vũ Anh	P AN	
1224	05016273	Nguyễn Văn Lộc	AP5 PA	
1225	05016313	Nguyễn Văn Đành	Ấp 5, Phú An	
1226	05016356	Phạm Văn Sáu	59-A5-PA-Cai Lay	
1227	05016396	Hà Thị Phương Châu	Ap 5	
1228	05016436	Phạm Thị Anh	LPA - Ấp 6 - Phú An	
1229	05016476	Nguyễn Văn Chan	PAN	
1230	05016517	Tô Ngọc Thủy	577 PA	
1231	05016561	Lê Thị Thanh	Ap 5	
1232	05016601	Lê Thị Nhi	Số 549, Ấp 5, xã Phú An	
1233	05016641	Nguyễn Văn Tám	Số 512, Ấp 5, xã Phú An	
1234	05016681	Nguyễn Văn Huỳnh	446-AP5- PA-CL	
1235	05016721	NGUYỄN VĂN VŨ LINH	Ấp 6 - Phú An	
1236	05016761	Nguyễn Văn Lạc	Ấp 6 - Phú An	
1237	05016801	Nguyễn Tấn Quyền	408 - ẤP 5 - PHÚ AN - H,CAI LẬY	
1238	05201156	PHẠM VĂN HÒA	Ấp 5, Phú An	
1239	05201687	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	Ấp 5, Phú An	
1240	05103945	DANG VAN BE	AP 5 PHU AN	
1241	05104604	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	ẤP 5- PHÚ AN - HCLC	
1242	05102918	NGUYEN THI CHANH	AP 5 PHU AN	
1243	05103498	NGUYỄN THANH BÌNH	AP 4 PHU AN CAI LAY TG	
1244	05016824	Phạm Văn Giỏi	AP 4 - PHU AN	
1245	05016865	Vo Van Muoi	ap 6-Phu an-CL	
1246	05016908	Nguyễn Văn Tiến	Số 438, Ấp 6, xã Phú An	
1247	05016948	Tran Thi Xum	482-Ap 6-Phu An-CL	
1248	05016988	Huynh Van Be	697-Ap 6-PA	
1249	05300182	LÝ HOÀNG TRUNG	Ấp 5, Phú An	
1250	05100692	Đào Thị Thủy	AP 4	
1251	05100938	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Ấp 5, Phú An	
1252	05101476	Nguyễn Văn Hòa	AP 5	
1253	05015125	Nguyễn Văn Tiến	Số 730, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1254	05015172	Đỗ Thị Tương	Số 596, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1255	05015215	Tran Trung Hieu	563 AP 6	
1256	05015283	Nguyễn Thị Thu Thảo	Số 15, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1257	05015528	Nguyễn Hoàng Dân	Số 927, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1258	05015577	Trần Thanh Trung	Số 953, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1259	05015627	Ngo Thi Cuc	AP 5 PA	
1260	05015675	Tran Thi Phan	291-Ap 4-Phu An	
1261	05015722	Tran Thi Tam	147 - ap 4 - xa Phu An - H.CL	
1262	05015765	Châu Trí Sĩ	Số 497, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1263	05015805	Nguyễn Văn Tiên	Số 338, Ấp 4, xã Phú An	
1264	05015845	Pham Van Muoi Mot	Ap 4 - xa Phu An - H.Cai Lay	
1265	05015885	NGUYỄN VĂN LẬP	422 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1266	05102112	NGO VAN SANH	AP AN THAI	
1267	05200383	TRỊNH NGỌC MỸ PHỤNG	Ấp 5, Phú An	
1268	05200753	NGÔ MINH TÂM	Ấp 5, Phú An	
1269	05104988	NGUYỄN CÔNG MINH KIÊN	ẤP 4- PHÚ AN - H CAI LẬY	
1270	05105516	DƯƠNG VĂN LỘC	ẤP 4 , PHÚ AN , H CAI LẬY	



STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1271	05015018	Co Van Thu	AP5 PAN	
1272	05015062	NGUYEN THAI HUNG	AP 6 - PA	
1273	05015102	Nguyễn Khánh Hồng	Số 516, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1274	05015949	Lương Trọng Liên	Số 402, Ấp 4, xã Phú An	
1275	05015989	Cao Văn Ngải	Số 309, Ấp 4, xã Phú An	
1276	05016034	NGUYỄN VĂN LỤC	Số 225, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1277	05016090	NGUYỄN VĂN TƯƠI	PHU AN	
1278	05016137	HUỖNH VĂN MƯỜI	PA	
1279	05016187	Võ Văn Phi	AP 5 PA CL	
1280	05016230	Nguyễn Thị Tư	AP 5-PA-CAI LAY	
1281	05016272	Nguyễn Văn Lập	669 PA	
1282	05016312	Nguyễn Văn Tam	716 AP 5	
1283	05016355	Nguyễn Văn Gon	AP 5 - PA	
1284	05016395	Lê Văn Tam	70-AP5-PA	
1285	05016435	Phan Văn Lai	AP5 P AN	
1286	05016475	Phạm Thị Lệ	Ấp 4- Phú An	
1287	05016516	Tô ngọc Soạn Nhỏ	576 PA	
1288	05016560	Nguyễn Tuấn Khanh	Ấp 5, xã Phú An	
1289	05016600	Lê Thanh Hồng	Ấp 5, xã Phú An	
1290	05016640	Nguyễn Văn Bé	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1291	05016680	Nguyễn Văn Khuynh	448-AP 5-Phu An-Cai Lay	
1292	05016720	Nguyễn Văn Vàng	631-AP 5-PA-CL	
1293	05016760	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Ấp 6 - Phú An	
1294	05016800	Nguyễn Tấn Trí	Ấp 5, xã Phú An	
1295	05201154	LÊ THỊ HỒNG LAM	Ấp 5, Phú An	
1296	05201678	HUỖNH VĂN TÀI	Ấp 5, Phú An	
1297	05103944	CHUNG NGOC CHAU	AP 5 PHU AN	
1298	05104597	BÙI THỊ CẨM TIỀN	ẤP 4 PHÚ AN	
1299	05102917	NGUYEN THI LOAN	AP 5 PHU AN	
1300	05103456	NGUYEN THI DU	AP 6 PHU AN CLTG	
1301	05016864	Trần Văn Xê	Số 538, Ấp 6, xã Phú An	
1302	05016907	Võ Văn Chay	Số 442, Ấp 6, xã Phú An	
1303	05016947	Tran Xuan Hoang	Ap 6-Phu An-CL	
1304	05016987	Huynh Thi The	698-Ap 6-PA	
1305	05300181	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	Ấp 5, Phú An	
1306	05100691	Phạm Văn Nhân	AP 6	
1307	05100937	Huỳnh Thị Ngọc Hạnh	Ấp 6 - Phú An	
1308	05101475	Trần Thị Như Pha	Số 280 ấp 5, Phú An	
1309	05102152	Đoàn Thị Thu	Số 321, Ấp 4, xã Phú An	
1310	05015130	Trần Văn Sang	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1311	05015176	Nguyễn Thanh Thúy	Số 589, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1312	05015222	Phạm Thị Màng	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1313	05015289	Nguyễn Văn Điệp	Số 567, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1314	05015532	Nguyễn Văn Nam	Số 930, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1315	05015582	Phan Kinh Kha	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1316	05015632	Le Van Su	AP 5 PA	
1317	05015680	Dang Thi Loan	Ap 4 - PA	
1318	05015726	Hồ Thị Đường	Số 153, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1319	05015769	Nguyen Van Cua	499 P AN	
1320	05015809	Le Van Du	341 PA	
1321	05015849	Phùng Văn Tâm	Số 373, Ấp 4, xã Phú An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1322	05015889	PHÙNG THỊ KIM PHƯƠNG	Áp 5, Phú An	
1323	05200389	NGUYỄN VĂN PHÚC	Áp 5, Phú An	
1324	05200772	NGÔ THỊ NGUYỆT	Áp 5, Phú An	
1325	05105074	Nguyễn Văn Sang	ÁP 4 - PHÚ AN - CAI LẬY65	
1326	05105546	NGUYỄN VĂN BẦY	ÁP 5 PHU AN	
1327	05014973	Nguyễn Ngọc	Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1328	05015022	Lê Ngọc Giàu	Số 331, áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1329	05015066	Nguyen Van Trieu	Ap 5- PA	
1330	05015106	Nguyễn Văn Mai	Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1331	05015913	NGUYỄN VĂN TIẾT	489 - ÁP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1332	05015953	Cao Huu Ngoat	416.AP4_PA	
1333	05015993	Nguyễn Văn Bình	Áp 4, xã Phú An	
1334	05016040	LÊ THỊ THU THỦY	AP5 PAN	
1335	05016094	Nguyễn Công Minh Kiên	ÁP 4, PHÚ AN, CAI LẬY	
1336	05016141	TRẦN THỊ ANH	An Cu - Cai Be	
1337	05016191	Nguyễn Văn Thanh	AP 5-PA-CL	
1338	05016234	Nguyễn Văn Út	428-AP 5-PA-CAI LẬY	
1339	05016276	Nguyễn Văn Phích	PA	
1340	05016316	Lê Thị Thơm	Ap 5 - PA	
1341	05016359	Đào Văn Nhân	Áp 5-Phú An-Cai Lay	
1342	05016399	Lê Văn Chí	Ap 5 - PA	
1343	05016439	Nguyễn Thị Lành	Áp 5-Phú An	
1344	05016479	Nguyễn Thị Em	Ap 5 - PA	
1345	05016520	Đặng Hào Toàn	Áp 5, Phú An	
1346	05016564	Nguyễn Thị Loan	Áp 5 - Phú An	
1347	05016604	Nguyễn Văn Dậy	Áp 5, xã Phú An	
1348	05016644	Dương Văn Nổi	Số 498, Áp 5, xã Phú An	
1349	05016684	Huỳnh Văn Sĩ	Số 451 Áp 5 - Phú An	
1350	05016724	Huỳnh Văn Kiêm	Số 632 Áp 6 - Phú An	
1351	05016764	Nguyễn Thị Năm	669-AP 6-PA-CL	
1352	05016804	Trần Văn Tư	Áp 5, xã Phú An	
1353	05201244	NGUYỄN THANH TÂM	Áp 5, Phú An	
1354	05201730	HUỲNH THỊ THỦY HƯƠNG	Áp 5, Phú An	
1355	05300438	TRẦN VĂN HAI	Áp 5, Phú An	
1356	05104011	NGUYEN THI BONG	AP 5 PHU AN	
1357	05104616	ĐẶNG MINH SANG	ÁP 5- PHÚ AN - H CL	
1358	05102960	MAI THỊ THU HANG	AP 4 PHU AN CAI LẬY TG	
1359	05103506	Phạm Ngọc Trinh	AN THÁI, AN CƯ, CAI LẬY	
1360	05016827	Nguyễn Văn Dũng	Áp 5, xã Phú An	
1361	05016868	Cao Thi Be	Ap 6-PA	
1362	05016911	HUYNH THỊ MAI	AP 6 - PHU AN	
1363	05016951	Lương Văn Lịch	481-Áp 6-Phú An	
1364	05016991	Trần Thị Bầy	Số 525, Áp 6, xã Phú An	
1365	05300217	TRẦN THỊ HỒNG VÂN	Áp 5, Phú An	
1366	05100695	Trần Ngọc Hoa	AP 5	
1367	05100941	Nguyễn Thị Hai	AP 5	
1368	05101479	Tô Thị Hoa	Áp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1369	05015139	Lương Văn khôì	Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1370	05015184	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	Áp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1371	05015230	Hà Văn Niêm	Số 372, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1372	05015341	Lê Văn Khả	Số 623, áp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1373	05015540	Phạm Văn Nho	Số 917, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1374	05015592	Trần Thị Lạc	Số 976, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1375	05015641	Nguyen Van Hung	AP5 PAN	
1376	05015689	Pham Thi Ngoc Hong	AP 4-PA	
1377	05015735	Phan Dinh Le	AP 4 PA	
1378	05015777	Hồ Thị Hoa	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1379	05015817	Nguyễn Văn Trí	Số 319, Ấp 4, xã Phú An	
1380	05015857	MAI VĂN HÙNG	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1381	05015897	NGÔ VĂN CHƯƠNG	466 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1382	05101663	Nguyễn Văn Phước	Số 531, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1383	05102311	CAO TAN THANH	AP 4-PHU AN	
1384	05105746	TRẦN VĂN TÂM	ẤP 4 PHÚ AN	
1385	05200511	PHAN VĂN CU TOÀN	Ấp 5, Phú An	
1386	05200953	NGUYỄN THỊ TÂM	Ấp 5, Phú An	
1387	05104748	PHẠM THANH TUẤN	ẤP 6 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1388	05105098	ĐÀO VĂN NAM	AN THÁI - AN CƯ - H CAI BÈ	
1389	05105630	HUỶNH THỊ THU THẢO	AN CU	
1390	05014984	Bùi Văn An	Số 249B, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1391	05015030	Nguyễn Văn Năm	Số 651, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1392	05015074	Nguyễn Văn Vũ	Số 719, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1393	05015921	Co Tien Quoc	Ap 4 - PA	
1394	05015961	Nguyen Duy Thang	Ap 4	
1395	05016003	Do Ngoc Van	Ap 5	
1396	05016053	LÊ THỊ CHUÔNG	AP 5 - PA	
1397	05016103	TRẦN THỊ ANH TUYẾT	Ap 4 - Phu An	
1398	05016150	ĐINH NGỌC THANH	AP 4 PA	
1399	05016200	Nguyễn Thị Hạnh	Ap 5 - Phu An	
1400	05016243	Vương Huệ	P AN	
1401	05016284	Phạm Văn Nghiệp	PA	
1402	05016324	Phạm Minh Hoàng	Số 38, Ấp 5, Phú An	
1403	05016367	Nguyễn Thị Le	92 AP 5	
1404	05016407	Nguyễn Văn Sua	101-AP 5-PA	
1405	05016447	Nguyễn Văn Danh	Ap 5 - Phu An	
1406	05016487	Võ Thị Tất	PHU AN-CAI LAY	
1407	05016530	Nguyễn Liên Khoa	573 PA	
1408	05016572	Lê Tấn Thanh	AP 5 - PHU AN	
1409	05016612	Nguyễn Văn Xuân	Số 608, Ấp 5, xã Phú An	
1410	05016652	Phạm Thị Bình	Ấp 5, xã Phú An	
1411	05016692	Huỳnh Văn Đức	Số 458 Ấp 5 - Phú An	
1412	05016732	HUỶNH VŨ THUẬN	Số 517 ẤP 6, PHÚ AN, CAI LẬY	
1413	05016772	Trần Thanh Minh	Số 685 Ấp 6 - Phú An	
1414	05016812	Phạm Văn Đạo	Số 418, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1415	05201358	CAO VĂN THỌ	Ấp 5, Phú An	
1416	05201805	VÕ PHƯỚC HẬU	Ấp 5, Phú An	
1417	05300575	HỒ THỊ TRÍ	Ấp 5, Phú An	
1418	05104161	Trương Thị Huệ	AP 5 PHU AN	
1419	05103063	PHAM THI NHIEN	AP 6 PHU AN CAI LAY TG	
1420	05016835	Phạm Hữu Đức	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1421	05016877	Le Huu Nghia	AP 6-PA	
1422	05016919	Nguyễn Anh Đào	Số 566, Ấp 6, xã Phú An	
1423	05016959	Ngo Phuoc Vinh	642-Ap 6-Phu An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1424	05016999	Phạm Văn Mười	Số 533, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1425	05202137	PHẠM THANH VŨ	Ấp 5, Phú An	
1426	05100799	BÙI VĂN ÚT	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1427	05101048	Nguyễn Văn Thanh	AP 5	
1428	05015135	Bùi Văn Sang	Số 381, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1429	05015226	Phạm Văn Nuôi	Số 374, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1430	05015294	Huỳnh Thị Tám	ấp An Thái, xã An Cư	
1431	05015536	Phạm Văn Hùng	Số 934, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1432	05015586	Nguyễn Văn Long	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1433	05015637	Le Quang Trung	AP 5 PA	
1434	05015684	Lê Ngọc Hưng	Số 299, Ấp 4 - xã Phú An	
1435	05015731	Le Thi Luong	P AN	
1436	05015773	Ho Van Tri	116 AP 4	
1437	05015813	Đỗ Văn Thanh	Số 343, Ấp 4, xã Phú An	
1438	05015853	Nguyễn Hữu Lợi	Ấp 4, xã Phú An	
1439	05015893	NGUYỄN TÂN THANH	465 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1440	05102158	Trương Thanh Nguyên	Ấp 5- Phú An	
1441	05200475	TRẦN THỊ HỒNG	Ấp 5, Phú An	
1442	05200887	LÊ THỊ MẠNH	Ấp 5, Phú An	
1443	05104727	LÂM CHỈ THĂNG	ẤP 4 - PHÚ AN- HCL	
1444	05105078	TRẦN NGỌC THU	ẤP 6 - PHÚ AN - CAI LẬY65	
1445	05105561	LÊ SƠN HÀ	ẤP 4 PHÚ AN	
1446	05014978	Phạm Hùng Mạnh	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1447	05015026	Lê Thị Hồng	Số 249B, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1448	05015070	Phạm Văn Thế	Số 723, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1449	05015110	Nguyễn Văn Bảy	Số 389, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1450	05015917	NGUYỄN THỊ ANH	473 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1451	05015957	Quách Minh Hoàng	Số 216A, Khu 3, TT Cái Bè	
1452	05015999	Quách Văn Út	Ấp 4, xã Phú An	
1453	05016047	LAI TUẤN DÂN	AP5 PA	
1454	05016099	VÕ QUANG TÂN	AP4 PAN	
1455	05016145	ĐẶNG KIM LOAN	Ap 4 - Phu An	
1456	05016196	Tôn Thị Kim Lợi	Ấp 5, xã Phú An	
1457	05016238	Trương Minh Hiệp	Ấp 5 - Phú An	
1458	05016280	Võ Văn Tài	AP5 PAN	
1459	05016320	Trụ Sở Ấp 5	ap 5- Phu An	
1460	05016363	Nguyễn Thị Yên	Ấp 5 - Phú An	
1461	05016403	Le Van Thanh	PHU AN	
1462	05016443	Lê Văn Lang	Ap 6	
1463	05016483	Nguyễn Văn Gin	Ap 4 - Phu An	
1464	05016524	Nguyễn Văn Dũng	24 PA	
1465	05016568	Nguyễn Thị Tân	558 PAN	
1466	05016608	Phạm Thị Sáu	Ap 5-Phu An	
1467	05016648	Huỳnh Thị Ngọc Yên	Ấp 5, Phú An	
1468	05016688	Trần Văn Nguyên	Số 455 Ấp 5 - Phú An	
1469	05016728	Nguyễn Văn Mi	Số 639 Ấp 6 - Phú An	
1470	05016768	Trần Văn Vui	Số 679 Ấp 6, Phú An	
1471	05016808	Nguyễn Thị Phượng	Ấp 5, xã Phú An	
1472	05201301	TRẦN THỊ NGỌC THỦY	Ấp 5, Phú An	
1473	05201765	NGUYỄN CHINH NHÂN	Ấp 5, Phú An	
1474	05104064	VO THI TRIEU	AN THAI AN CU CBTG	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1475	05104680	NGUYỄN THANH LÂM	ẤP 4 - XÃ PHÚ AN - HCL	
1476	05300477	NGUYỄN THỊ NỮ	ẤP 5, Phú An	
1477	05102999	NGUYEN VAN LUAN	AP 5 PHU AN CAI LAY TG	
1478	05103587	NGUYEN VAN QUANG	AN THIEN AN CU	
1479	05016831	Nguyễn Văn Anh	Số 492, Ấp 5, xã Phú An	
1480	05016872	Tran Van Nam	Ap 6 - Phu An	
1481	05016915	Võ Văn Thương	Số 441, Ấp 6, xã Phú An	
1482	05016955	Luong Van Tuan	Ap 6-Phu An	
1483	05016995	Bùi Văn Hữu Đức	ẤP 6, xã Phú An	
1484	05202108	LÊ THỊ NGỌC THANH	ẤP 5, Phú An	
1485	05300344	LÊ THỊ KIM HẠNH	ẤP 5, Phú An	
1486	05100699	Phan Văn Thành	Số 567 Ấp 5, Phú An	
1487	05101044	PHAN THI HOANG	AP 4	
1488	05101674	Tạ Văn Đức	AP 5	
1489	05102314	NGUYỄN THỊ THAN	AP 4-PHU AN	
1490	05015144	Nguyễn Thị Nhan	Số 375, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1491	05015187	Nguyễn Văn Minh	Số 580, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1492	05015233	Ngo Thi Ngoi	367 AP5 PA	
1493	05015387	Nguyễn Thanh Hồng	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1494	05015543	Trần Thị Bé	Số 942, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1495	05015595	Nguyen Van Dep	AN THAI AC	
1496	05015646	Ngo Minh Kiem	P AN	
1497	05015693	Nguyen Van Toan	Ap 4 - Phu An	
1498	05015739	Van Kim Thuy	AP 4 PA	
1499	05015780	Vo Thi Danh	120-Ap 4-PA	
1500	05015820	Đỗ Thị Xe	Số 352, Ấp 4, xã Phú An	
1501	05015860	MAI THỊ VĨNH	412 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1502	05015900	PHẠM VĂN THÀNH	471 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1503	05200165	NGUYỄN THỊ HẰNG	ẤP 5, Phú An	
1504	05200532	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	ẤP 5, Phú An	
1505	05200965	Nguyễn Thị Thu	ẤP 5, Phú An	
1506	05104822	HUYỄN VĂN BỒI	ẤP 4- XÃ PHÚ AN- H CAI LẬY	
1507	05105150	NGUYỄN BÁ LỘC	ẤP 4 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
1508	05105633	HỒ THỊ LÝ	ẤP 4 PHÚ AN	
1509	05015033	Tran Thi Ut	AP5 PAN	
1510	05015077	Cao Hoàng Duy	ẤP 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1511	05015924	Tran Thi Nga	AP 4	
1512	05015964	Phạm Thị Như Ngọc	ẤP 4, xã Phú An	
1513	05016006	Pham Thi Vien	Ap 5	
1514	05016058	NGUYỄN VĂN TRUNG	Ap 4 - PA	
1515	05016106	NGUYỄN THỊ LANG TRANG	275, AP 4	
1516	05016153	DƯƠNG VĂN TÂN	ẤP 4, xã Phú An	
1517	05016204	Ngô Thị Sách	AP 5 PA	
1518	05016247	Nguyễn Văn Tròn	AP5 PA	
1519	05016287	Nguyễn Văn Hải	AP 5	
1520	05016328	Nguyễn Văn Thanh	AP5 PAN	
1521	05016370	Trần Văn Xe	Ap 5 - xa Phu An - H.Cai Lay	
1522	05016410	Nguyễn Văn Tỉnh	104-Ap 5-PA	
1523	05016450	Quách Thị Phương	AP 5	
1524	05016490	Lê Văn Minh	Ap 5-PA	
1525	05016533	Lăng Hoàng Hạnh	Ap 5 - Phu An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1526	05016575	Võ Văn Bình	AP 5 - PHU AN	
1527	05016615	Nguyễn Văn Lệ	Số 605, Ấp 5, xã Phú An	
1528	05016655	Nguyễn Thị Vân	Ấp 5 - Phú An	
1529	05016695	Đoàn Văn Nhe	Số 461 Ấp 5 - Phú An	
1530	05016735	Nguyễn Văn Hồ	Số 649 Ấp 6 - Phú An	
1531	05016775	Nguyễn Văn Phải	Số 687, Ấp 6, xã Phú An	
1532	05016815	Phạm Ngọc Sương	397 AP 5	
1533	05201369	Trương Linh Vũ	Ấp 5, Phú An	
1534	05201848	LÊ VĂN SƠN	Ấp 5, Phú An	
1535	05300594	NGUYỄN THỊ BÂY	Ấp 5, Phú An	
1536	05104227	TRAN VAN NHON	AP 4 PHU AN	
1537	05102513	NGUYEN THI KIM LOAN	AP 6-PHU AN	
1538	05103129	NGUYEN VAN LOI	AP 5 PHU AN	
1539	05016838	Nguyễn Văn A	488-AP5 -PA-CL	
1540	05016880	Phạm Văn Khù	Ấp 6-Phú An	
1541	05016922	Nguyễn Văn Tư	Ấp 6, xã Phú An	
1542	05016962	Nguyen Kim Long	Ap 6-Phu An	
1543	05017002	Phạm Thị Trọng	513/tổ 14 - L 63 - PA	
1544	05202197	NGUYỄN QUỐC TOÀN	Ấp 5, Phú An	
1545	05100802	VOTHI THANH THAO	AP 5	
1546	05101052	PHAN KIM LANG	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1547	05101673	NGUYEN THI PHUNG	AP 4-PHU AN	
1548	05102313	Trương Văn Hùng	AP 5	
1549	05015143	Duong Thi Be	376 AP 5	
1550	05015186	Nguyễn Thị Hằng	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1551	05015232	Nguyễn Thị Bông	Số 370, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1552	05015371	Trần Thanh Phong	Số 902, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1553	05015542	Nguyễn Văn Phụng	Số 944, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1554	05015594	Nguyễn Văn Đẹp	Số 978, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1555	05015644	Ngo Thanh Loi	PHU AN	
1556	05015691	Truong Nguyen Phuong	Ap4 - PA	
1557	05015738	Ngô Văn Cẩm	141, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1558	05015779	PHAM VAN CU EM	AP 4 - PA	
1559	05015819	Nguyen Van Dung	Ap 4-Phu an-CL-TG	
1560	05015859	MAI THỊ RỐT	410 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1561	05015899	PHẠM THỊ THẨM	468 -ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1562	05200157	VÕ VĂN HOÀNG VIỆT	Ấp 5, Phú An	
1563	05200528	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Ấp 5, Phú An	
1564	05200959	LÊ VĂN KIỆT	Ấp 5, Phú An	
1565	05104819	TRẦN TẤN KIỆT	ẤP 4- XÃ PHÚ AN- H CAI LẬY	
1566	05105106	Hồ Thanh Thùy	ẤP 6 - PHÚ AN - H CAI CẬY	
1567	05105632	NGÔ VĂN HẢI	AP 6 PHU AN	
1568	05014986	Trương Văn Hoan	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1569	05015032	Ngo Van Bon	Ap 5 - PA	
1570	05015076	Trần Văn Phước	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1571	05015923	Nguyễn Văn Thương	AP 4 - PHU AN	
1572	05015963	Nguyễn Văn Bảy	Ấp 4, xã Phú An	
1573	05016005	Nguyễn Văn Xê	Số 320, Ấp 4, xã Phú An	
1574	05016057	TRẦN PHONG THANH	AP 5 PA	
1575	05016105	NGUYỄN THỊ THU HIẾU	AP 4 - PHU AN	
1576	05016152	Hồ Bích Thủy	P AN	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1577	05016203	Võ Văn Hùng	AP 5 PA	
1578	05016286	Phạm Thị Chính	AP 5 PA CL	
1579	05016326	Nguyễn Văn Thảo	AP 5 PAN	
1580	05016369	Nguyễn Thị Thanh	ap 5 - xa Phu An - H.Cai Lay	
1581	05016409	Nguyễn Thanh Long	103-Ap 5-PA	
1582	05016449	Trần Văn Mừng	AP 5 - PA	
1583	05016489	Trần Văn Tuấn	AP5 PA	
1584	05016532	Nguyễn Văn Bằng	04 PA	
1585	05016574	Võ Văn Tý	544-A5-PA-Cai Lay	
1586	05016614	Nguyễn Thị Minh	Số 606, Ấp 5, xã Phú An	
1587	05016654	Nguyễn Văn Đen	Ap 5 -Pa	
1588	05016694	Trần Văn Sinh	Số 460 Ấp 5 - Phú An	
1589	05016734	Nguyễn Văn Tùng	Ap 6- Phu An	
1590	05016774	Ngô Văn Khá	Số 688, Ấp 6, xã Phú An	
1591	05016814	Huỳnh Thị Kim Em	398-Ấp 5 - Phú An	
1592	05201365	NGUYỄN NGỌC TUYẾT	Ấp 5, Phú An	
1593	05201832	NGUYỄN VĂN TÂM	Ấp 5, Phú An	
1594	05104198	MAI THI ROT	AP 4 PHU AN CLTG	
1595	05300593	NGÔ THỊ KIM TUYẾN		
1596	05103094	PHAM VAN HIEP	141 AP 5 PHU AN CLTG	
1597	05016837	Nguyễn Hoàng Tân	Ấp 5, xã Phú An	
1598	05016879	Nguyễn Văn Bò	509-Ấp 6-Phú An	
1599	05016921	Nguyễn Thị Hạnh	Số 437, Ấp 6, xã Phú An	
1600	05016961	Nguyen Thi Lan Nien	458-Ap 6-Phu An	
1601	05017001	Phạm Duy Khánh	210- Ap 6 - Phu An	
1602	05202162	BÙI CÔNG TRƯỜNG	Ấp 5, Phú An	
1603	05100801	NGO MINH NHUT	AP 5	
1604	05101050	Lê Thị Phương Thúy	AP 4	
1605	05015136	Ngô Thị Cúc	Số 384, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1606	05015181	Nguyễn Văn Ba	Số 581, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1607	05015227	Hà Văn Hò	Số 350, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1608	05015306	Lê Thị Nhanh	Số 907, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1609	05015537	Võ Thị Tuyết Lan	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1610	05015588	Trần Thị Lanh	Số 214, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1611	05015638	Ngo Huu Phuong	P AN	
1612	05015686	NGUYỄN THỊ THANG	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1613	05015774	Ho Van Tai	Ap 4 - Phu An	
1614	05015814	Cao Thị Khéo	Số 346, Ấp 4, xã Phú An	
1615	05015854	Huỳnh Văn Trung	Số 408, Ấp 4, xã Phú An	
1616	05015894	Doan Van Nghi	Ap 4 - PA	
1617	05101657	NGUYEN THI MAI	AP 6	
1618	05102159	Võ Quốc Mong	AP 5	
1619	05200477	NGUYỄN VĂN PHÚC	Ấp 5, Phú An	
1620	05200909	VÕ THANH TÂM	Ấp 5, Phú An	
1621	05104728	CHUNG VĂN HAI	ẤP 5 - PHÚ AN- HCL	
1622	05105079	VÕ PHƯƠNG KHANH	ẤP 6 - PHÚ AN - CAI LẬY65	
1623	05105562	NGUYỄN THỊ TRÚC NHEN	ẤP 6 PHÚ AN	
1624	05014980	Nguyễn Ngọc	Số 245, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1625	05015027	Trương Văn Cọp	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1626	05015071	Đoàn Văn Thành	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1627	05015111	Phạm Văn Dân	Số 428, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1628	05015918	Pham Ngoc Hien	Ap 4	
1629	05015958	Nguyen Van Dung	Ap 4 - PA	
1630	05016000	Phạm Thị Nga	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1631	05016048	TẶNG CHÂU TIÊN	AP5 PA	
1632	05016100	NGUYỄN TRẦN THANH TÂM	AP4 PAN	
1633	05016146	PHAN TRÍ ĐẠT	An Cu - Cai Be	
1634	05016197	Võ Thị Ánh Tuyết	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1635	05016239	Phạm Thái Bình	Ap	
1636	05016281	Võ Văn Vĩ	Ap 5 -	
1637	05016321	Nguyễn Văn Thanh	36 PA	
1638	05016364	Nguyễn Đức Lộc	28-Ap 5 - PA-Cai Lay	
1639	05016404	Nguyễn Văn Dũng	Ap 6 - phu An	
1640	05016444	Võ Văn Út	AP 4	
1641	05016484	Nguyễn Văn Co	364 P AN	
1642	05016526	Nguyễn Văn Vương	Phú An	
1643	05016569	Nguyễn Thị Nữ	547 PAN	
1644	05016609	Lê Văn Tư	612 AP 5	
1645	05016649	Nguyễn Văn Út	Số 481 Ấp 5, Phú An	
1646	05016689	Huỳnh Văn Viễn	Số 456 Ấp 5 - Phú An	
1647	05016729	Nguyễn Thị Sáu	Số 638 Ấp 6 - Phú An	
1648	05016769	Trần Văn Hòa	680 AP6 PA	
1649	05016809	Phạm Văn Phú	Số 421, Ấp 5, xã Phú An	
1650	05201336	VÕ THANH TRÚC	Ấp 5, Phú An	
1651	05201785	LÊ PHƯỚC TÍNH	Ấp 5, Phú An	
1652	05300481	TẠ MINH HUY	Ấp 5, Phú An	
1653	05104084	Nguyễn Thị Tươi	AP 5 PHU AN	
1654	05104694	NGUYỄN CHÂU SƠN	ẤP 5 - PHÚ AN - HCL	
1655	05103002	Lý Thị Mỹ Hằng	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1656	05103588	NGUYEN VAN LOC	DT 875 AP 4 PHU AN CLTG	
1657	05016832	Nguyễn Văn Dụng	Số 491, Ấp 5, xã Phú An	
1658	05016874	Phạm Tấn Lá	Ấp 6, xã Phú An	
1659	05016916	Thái Văn Trọn	Số 431, Ấp 6, xã Phú An	
1660	05016956	LUONG VAN HOANG	AP 6 - PA	
1661	05016996	Le Van Sang	HL63- Ap 6 - PA	
1662	05202121	NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN	Ấp 5, Phú An	
1663	05300371	DƯƠNG MINH HOÀNG	Ấp 5, Phú An	
1664	05100700	Đỗ Thị Rót	AP 5	
1665	05101045	HO VAN TIEN	AP 4	
1666	05101755	Nguyễn Thị Dum	AP 5	
1667	05102315	Nguyễn Ngọc Dũng	AP 5	
1668	05015145	Võ Tấn Lợi	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1669	05015188	NGUYỄN THANH PHONG	AP5.PHU AN	
1670	05015234	Huỳnh Văn Tước	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1671	05015404	Phan Thị Lài	Số 941, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1672	05015544	Nguyễn Thị Hoanh	Số 923, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1673	05015598	Le T Ngoc Xuan	AP 5 PA	
1674	05015647	Ngô Minh Tân	Ấp 5 - Phú An	
1675	05015694	Tran Van Huynh	AP 4 PA	
1676	05015740	Dang Thi Ngoc Thao	AP 4-PA-Cai Lay	
1677	05015821	LY THI MUOI	AP A - PA	
1678	05015861	Mai Thị E	4-ẤP 4-Phú An	



STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1679	05015901	Tran Thi Nho	Áp 4 - Phú AN	
1680	05200166	LÊ NGỌC HUNG	Áp 5, Phú An	
1681	05200534	LÊ THỊ DIỄM THÚY	Áp 5, Phú An	
1682	05200968	NGUYỄN XUÂN VŨ	Áp 5, Phú An	
1683	05104825	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỀN	ÁP 4- XÃ PHÚ AN- H CAI LẬY	
1684	05105152	NGÔ HOÀNG LUÂN	ÁP 5 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
1685	05105649	NGUYỄN THỊ XƯƠNG	ÁP 5 PHÚ AN	
1686	05014991	Châu Thị Mỹ Lệ	Số 257, áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1687	05015034	Huỳnh Thị Mầu	Số 647, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1688	05015078	Nguyễn Thị Phòng	Số 729, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1689	05015925	NGUYỄN GIA THIỀU	ÁP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1690	05015965	Duong Thi Hien	486 AP4 PA	
1691	05016007	Hồ Thị Át	Số 176, Áp 4, xã Phú An	
1692	05016060	NGUYỄN VĂN TRẠCH	250-AP4-PA	
1693	05016107	NGUYỄN NGỌC HÀ	AP 4-PA-CL	
1694	05016157	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	P AN	
1695	05016205	Ngô Tan Tham	AP 5 PA	
1696	05016248	Lê Thanh Ngọc	AP 5 - PA	
1697	05016288	Nguyễn Thị The	682 AP5 PA	
1698	05016329	Trần Thị Mỹ Tây	Số 695, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1699	05016371	Lê Thị Năm	AP 5 PA	
1700	05016411	Võ Văn Thảo	105 AP 5	
1701	05016451	Trần Hoàng Ngân	AP 5	
1702	05016491	Nguyễn Văn Bé Hai	654 PA	
1703	05016534	Lăng Hoàng Hạnh	Áp 5 - Phú An	
1704	05016576	Võ Thị Thiều	543 PAN	
1705	05016616	Võ Văn Mạnh	Số 604, Áp 5, xã Phú An	
1706	05016656	Nguyễn Văn Đô	Số 476 Áp 5 - Phú An	
1707	05016696	Nguyễn Văn On	Áp 6 - Phú An	
1708	05016736	Nguyễn Trí Thiện	Áp 6 - Phú An	
1709	05016776	Nguyễn Văn Cu Tèo	Áp 6 - Phú An	
1710	05016816	Phạm Văn Năm	Số 343, Áp 5, xã Phú An	
1711	05201378	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	Áp 5, Phú An	
1712	05201867	TRẦN THỊ TUYẾT MAI	Áp 5, Phú An	
1713	05300612	LÊ THỊ SÁU	Áp 5, Phú An	
1714	05104247	Trần Văn E	AP 5 PHU AN	
1715	05102514	Nguyễn Thị Lệ Huyền	Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1716	05103131	NGUYỄN QUỐC THAI	AP 5 PHU AN	
1717	05016839	Nguyễn Văn Vũ	AP 5-PA	
1718	05016881	Nguyễn Thị Thấy	506-Áp 6-Phú An	
1719	05016923	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Áp 6, xã Phú An	
1720	05016963	Nguyen Bao Loc	Áp 6 - PA	
1721	05017003	Nguyen Van Vui	L63 - Phú An	
1722	05202198	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Áp 5, Phú An	
1723	05100804	Đặng Văn Hòa	Áp 6- Phú An	
1724	05101053	LÊ VĂN VIỆT	AP 4	
1725	05101671	Võ Văn Nghiệp	Số 553, áp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1726	05102312	TRẦN THỊ BÍCH THẢO	ÁP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1727	05015142	Nguyễn Thị Cảnh	Khu 1B, TT Cái Bè	
1728	05015185	Nguyễn Văn Mạnh	Áp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1729	05015231	Nguyễn Văn Ngon	Số 369, Áp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1730	05015350	Trần Thị Tuyết Mai	Số 361, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1731	05015541	Phùng Văn Tấn	Số 922, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1732	05015593	Nguyễn Văn Hòn	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1733	05015642	Nguyen Phat Thinh	Ap 5 - PA	
1734	05015690	Trần Kim Liêng	Số 301, Ấp 4 - xã Phú An	
1735	05015737	Nguyen Van Sau	142-AP 4-PA-CAI LAY	
1736	05015778	Ho Van Bay	119 P AN	
1737	05015818	Đỗ Văn Rót	Ấp 4, xã Phú An	
1738	05015858	MAI THỊ THANH	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1739	05015898	NGUYỄN TẤN TOÀN	467 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1740	05105788	HUỲNH VĂN VŨ EM	ẤP 6 PHÚ AN	
1741	05200520	NGUYỄN ANH TUẤN	Ấp 5, Phú An	
1742	05200958	LÊ THỊ CẨM NHUNG	Ấp 5, Phú An	
1743	05104773	BÙI THANH BẠC	ẤP 5 - PHÚ AN- H CAI LẬY	
1744	05105099	Đào Thị Thủy	ẤP 5 -PHÚ AN - H CAI CẬY	
1745	05105631	TRẦN THỊ MỘNG NGỌC	PHU AN	
1746	05014985	Huỳnh Nguyên Đán	Số 241, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1747	05015031	Trần Văn Chiêu	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1748	05015075	Trần Văn Duyên	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1749	05015922	Truong Van Ro	AP 4	
1750	05015962	Phạm Thị Vui	Ấp 4, xã Phú An	
1751	05016004	DO NGOC VE	AP 5 - PA	
1752	05016054	HUỲNH VĂN BÔNG	Số 248, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1753	05016104	HỒ THỊ TỰ	Ap 4 - PA	
1754	05016151	HỒ VĂN BẦY	182-AP6-PA	
1755	05016201	Vương Pho	P AN	
1756	05016244	Nguyễn Ngọc Châu	P AN	
1757	05016285	Nguyễn Văn Trung	ap 5 - xa Phu An - H.CL	
1758	05016325	Lê Văn Bầy	Ấp 5, xã Phú An	
1759	05016368	Trần Thị Dung	Số 91, Ấp 5, xã Phú An	
1760	05016408	Lê Văn Cu	107-Ap5-PA	
1761	05016448	Trần Văn Mi	Ap 5	
1762	05016488	Bùi Thị Bạch Tuyết	AP 5 PA	
1763	05016531	Lê Thị Chon	AP5 P AN	
1764	05016573	Lê Văn Lừa	Ấp 5, xã Phú An	
1765	05016613	Nguyễn Văn Sáu	Số 607, Ấp 5, xã Phú An	
1766	05016653	Phạm Văn Lập	Số 478 Ấp 5 - Phú An	
1767	05016693	Lê Văn Sang	Số 459 Ấp 5 - Phú An	
1768	05016733	Nguyễn Văn Hưng	646-AP 6-PA-CL	
1769	05016773	Nguyễn Thanh Tùng	Số 689, Ấp 6, xã Phú An	
1770	05016813	Phạm Đắc Thắng	Số 414, Ấp 5, xã Phú An	
1771	05201360	NGUYỄN VĂN MINH	Ấp 5, Phú An	
1772	05201813	TRƯƠNG THỊ KIM CHI	Ấp 5, Phú An	
1773	05104197	HỒ THỊ ẮT	AP 4 PHU AN CLTG	
1774	05300592	VÕ THU NGA	Ấp 5, Phú An	
1775	05103064	HO VAN CHINH	875A AP 4 PHU AN CLTG	
1776	05016836	Nguyễn Văn Nở	AP 5-PA-CL	
1777	05016878	Le Huu Nghia	AP 6-PA	
1778	05016920	Phạm Hoàng Vũ	Số 555, Ấp 6, xã Phú An	
1779	05016960	Huynh Van Chon	641-Ap 6-Phu An	
1780	05017000	Phạm Văn Gọn	494 - Ap 6 - Phu An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1781	05202143	LUƠNG THỊ HỒNG ANH	Ấp 5, Phú An	
1782	05100800	Trần Văn Ngon	AP 5	
1783	05101049	LÊ THỊ HƠN	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1784	05015153	Trần Văn Hồng	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1785	05015195	Tran Van Sang	574 AP 6	
1786	05015241	Nguyen Van Thanh	AP 5 PA	
1787	05015486	Nguyen Tan Phat	P AN	
1788	05015552	Nguyễn Văn Mười	Số 908, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1789	05015606	Nguyễn Thanh Dương	Ấp 5, xã Phú An	
1790	05015655	Ngo Thi Tranh	AP 5 PA	
1791	05015701	LE THI MUOI	AP 4 - PA	
1792	05015748	Ho Van Nhon	AP 4 P AN	
1793	05015788	Phạm Văn Tư	Số 506, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1794	05015828	Nguyễn Văn Bạc	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1795	05015868	NGUYỄN MỘT BÌNH	400 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1796	05015909	Nguyen Thi Huynh	AP 4	
1797	05101764	Phạm Kim Ba	Số 549, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1798	05102388	Nguyễn Thị Quý	Số 919, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1799	05200231	TRẦN THỊ THƯƠNG	Ấp 5, Phú An	
1800	05200582	PHAN MAI DẠ LÝ	Ấp 5, Phú An	
1801	05201019	NGUYỄN VŨ NGỌC TRANG	Ấp 5, Phú An	
1802	05104870	Phạm Văn Tài	ẤP 5 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
1803	05105205	LÝ VĂN CHỐ	ẤP 6 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
1804	05015001	Trần Văn Đông	Số 339, ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1805	05015042	Nguyễn Thành Công	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1806	05015085	Nguyễn Văn Nhật	Số 751, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1807	05015932	Nguyen Van Quy	434.AP 4	
1808	05015972	Pham Van Vui	312 PA	
1809	05016069	TRẦN VĂN THANH	258-Ấp 4-Phu An	
1810	05016118	VÕ BÁ NGÀN	AP 4 PAN	
1811	05016166	Nguyễn Văn Hiền	Số 175, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1812	05016212	Vương Bích Phương	AP 5-Phu An-Cai Lay	
1813	05016255	Đặng thị Chánh	AP5 P AN	
1814	05016295	Nguyễn Văn Phấn	687 AP5 PA	
1815	05016336	Nguyễn Văn Út	Ấp 5 - PA	
1816	05016378	Phạm Văn Tân	AP 6 - PHU AN	
1817	05016418	Nguyễn Văn Mười	Ấp 5	
1818	05016458	Trương Hải Âu	AP 5 PA CL	
1819	05016498	Nguyễn Văn Be	35 PA	
1820	05016542	Dương Văn Năm	Ấp 5	
1821	05016583	Lê Văn Đông	P AN	
1822	05016623	Nguyễn Thị Yên	Ấp 5-PA	
1823	05016663	Phạm Thị Sáu	469 AP 5	
1824	05016703	Trần Thị Mười Hai	Ấp 6, xã Phú An	
1825	05016743	Huỳnh Văn Một	số 658 Ấp 6 - Phú An	
1826	05016783	Đặng Văn Dũng	AP 5 PA	
1827	05016823	Nguyễn Văn Dân	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1828	05201487	HỒ VĂN NGUYỄN	Ấp 5, Phú An	
1829	05201926	NGUYỄN THANH NHÀN	Ấp 5, Phú An	
1830	05103927	Nguyễn Thị Lùng	313 AP 5 PHU AN	
1831	05104337	Trần Thị Mai	ẤP 5 PHÚ AN	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1832	05300659	NGUYỄN VĂN CỎ	Ấp 5, Phú An	
1833	05102810	NGUYEN THI UT	875A AP 4 PHU AN CLTG	
1834	05103315	PHAM TUAN KHOA	AP 5 PHU AN CLTG	
1835	05016846	Nguyễn Văn Thanh	Ấp 5, xã Phú An	
1836	05016889	Nguyễn Văn phúc	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1837	05016930	TRAN VAN TU	AP 4 - PA	
1838	05016970	Tran Thi Xuan	467-Ap 6-PA	
1839	05202370	Cty TNHH QUỐC VINH	Ấp 5, Phú An	
1840	05100822	TRẦN THỊ NGUYỆT	AP 4	
1841	05101063	NGUYEN PHUC TON	AP 4	
1842	05015149	Hà Văn Ca	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1843	05015191	Phạm Tuấn Hồng	Số 578, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1844	05015237	Hà Văn Tươi	Số 368, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1845	05015430	Lê Văn An	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1846	05015548	Nguyễn Văn Tiên	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1847	05015601	NGUYỄN MINH SANG	254 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1848	05015650	Trần Đức Duy	206-Ấp 4-PA	
1849	05015697	Lê Văn Rạng	Số 303, Ấp 4 - xã Phú An	
1850	05015744	Nguyễn Thị Bé Hai	PHU AN	
1851	05015784	Nguyễn Thị Côn	Số 504, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1852	05015824	Pham Thi Hui	AP 4 PAN	
1853	05015864	MAI VĂN LÙ	404 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1854	05015904	PHAM VAN NHAN	AP 4 - PHU AN	
1855	05101759	Nguyễn Thị Út	Số 527, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1856	05102318	Nguyễn Thị Tuyết	Số 171, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1857	05200185	NGUYỄN VĂN ỨT	Ấp 5, Phú An	
1858	05200563	NGUYỄN VĂN THÀNH	Ấp 5, Phú An	
1859	05200993	NGÔ VĂN THÁI	Ấp 5, Phú An	
1860	05104835	Phạm Thị Kim Loan	ẤP 5- PHÚ AN - H CAI LẬY	
1861	05105186	TRẦN THỊ KIM CƯƠNG	ẤP 6 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1862	05014997	Lê Thành Công	Số 343, ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1863	05015037	Lê Văn Thái	Số 326, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1864	05015081	Lê Văn Lộc	Số 752, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1865	05015928	NGUYỄN VĂN BÉ	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1866	05015968	Nguyễn Văn Hồng	Ấp 4, xã Phú An	
1867	05016011	NGÔ THỊ KIM PHƯƠNG	410 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1868	05016065	LÊ TUẤN ĐẠT	AP 4 - PA	
1869	05016111	TRƯƠNG THỊ GẮM	505 P AN	
1870	05016162	NGUYỄN VĂN DŨNG	Số 249, Ấp 4, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1871	05016208	Lê Minh Phương	AP 5 PA	
1872	05016251	Trần Văn Trường	632	
1873	05016291	Phạm Văn Tâm	Số 685, Ấp 5, xã Phú An	
1874	05016332	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	AP 5 - PA	
1875	05016374	Nguyễn Thanh Hưng	ap 4 - xa Phu An - H.CL	
1876	05016414	Nguyễn Nhật Thanh	109 AP5 PA	
1877	05016454	Trần Thị Mươi	Ap 4- PA	
1878	05016494	Quách Thị Phượng	656 PA	
1879	05016538	Đỗ Tấn Mậu	AP 5 - PA	
1880	05016579	Võ Văn Thêm	Ap 5	
1881	05016619	Nguyễn Văn Xinh	603 AP 5	
1882	05016659	Phạm Văn Hùng	Ấp 5 - Phú An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1883	05016699	Nguyễn Văn Thu	áp 6 - xa Phu An - H.CL	
1884	05016739	Nguyễn Thị E	Số 654 Ấp 6 - Phú An	
1885	05016779	Nguyễn Văn Năm	Số 692 Ấp 6 - Phú An	
1886	05016819	Nguyễn Minh Nhiều	Ấp 5, xã Phú An	
1887	05201425	PHẠM THỊ HẰNG	Ấp 5, Phú An	
1888	05201906	TRẦN PHÚ CƯỜNG	Ấp 5, Phú An	
1889	05103830	NGUYEN THANH HUNG	441 AN THIEN AN CU	
1890	05104304	LÂM QUỐC TRINH	ẤP 5- PHÚ AN	
1891	05300639	NGÔ THỊ KIM CHI	Ấp 5, Phú An	
1892	05102544	Lê Tấn Lợi	AP 5	
1893	05103139	NGUYEN HUU CONG	TO 5 AP 5 PHU AN CLTG	
1894	05016842	Nguyễn Văn Lèo	Số 484, Ấp 5, xã Phú An	
1895	05016884	Nguyen Thanh Xuan	HL63- Ấp 6- PA	
1896	05016926	Tran Van Ninh	Ap 6-Phu An-CL	
1897	05016966	Nguyen Thanh Phong	Ap 6-Phu An	
1898	05017006	Phạm Thị Ngọc Thanh	Số 524, Ấp 6, xã Phú An	
1899	05202292	LÊ VĂN PHƯỚC EM	Ấp 5, Phú An	
1900	05100807	Nguyễn Văn Hải	Số 361, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1901	05101059	Dương Thị Hồng Hoa	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1902	05101758	Huỳnh Thị Tỷ	Số 542, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1903	05102317	NGUYEN VAN NGOC	AP 4-PHU AN	
1904	05015148	Phạm Văn Quý	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1905	05015190	Phạm Thị Ngọc Nga	Số 578, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1906	05015236	Nguyễn Văn Lùng	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1907	05015421	PHAM THỊ KHANH DIEM	AN THAI - AN CU	
1908	05015547	Ngô Tấn Thuận	Số 913, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1909	05015600	Đỗ Văn Phúc	253 - ẤP 5 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1910	05015649	Dao Thi Kim Hue	AP5-PHU AN-CAI LAY	
1911	05015696	TRỊNH THỊ THUYỀN	Số 303, Ấp 4 - xã Phú An	
1912	05015743	Le Van Phu	AP 4-PA-CAI LAY	
1913	05015783	Nguyễn Văn Tài	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1914	05015823	NGUYEN THI DIEM KIEU	AP 5 - PA	
1915	05015863	NGUYỄN THANH HÒA	405 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1916	05015903	NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1917	05200184	LÊ THỊ CHON	Ấp 5, Phú An	
1918	05200562	NGUYỄN TẤN HOÀNG	Ấp 5, Phú An	
1919	05200983	Đỗ Cẩm Nhung	ẤP 4, PHÚ AN, CAI LẬY	
1920	05104834	VÕ THANH BIÊN	ẤP 5- PHÚ AN - H CAI LẬY	
1921	05105169	PHẠM THỊ BẢY	ẤP 5 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1922	05014996	Lê Phát Đạt	ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1923	05015036	Nguyen Van Thanh	AP 5-PA-CAI LAY	
1924	05015080	Trần Văn Nguu	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1925	05015927	Nguyen Van Thanh	AP 4	
1926	05015967	Nguyễn Văn Hùng	Ấp 4, xã Phú An	
1927	05016009	Lê Trung Hoa	Số 129, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1928	05016062	TRẦN THỊ NIÊN	áp 4 - xa Phu An - H.CL	
1929	05016109	LÊ HOÀNG THANH	AP 4 - PA	
1930	05016161	LÊ VĂN NGHĨA	274/ Ấp 4 - Phu An	
1931	05016207	Nguyễn Văn Vững	AP 5-PA-CL	
1932	05016250	Nguyen Thi Am	631 PA	
1933	05016290	Huỳnh Thị Tám	Ap 5	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1934	05016331	Trần Ngọc Thụy	AP 5 PA	
1935	05016373	Nguyễn Thị Nhi	AP 5-PA	
1936	05016413	Bùi Văn Hai	AP 5	
1937	05016453	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	ẤP 5, PHÚ AN, CAI LẬY	
1938	05016493	Quách Trường Giang	655- LIA- Ap 5 - PA	
1939	05016537	Trần Khắc Thuận	Số 11, Ấp 5, xã Phú An	
1940	05016578	Võ Văn Đường	Số 541, Ấp 5, xã Phú An	
1941	05016618	Trần Văn Thơ	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1942	05016658	Ngô Văn Vô	Số 473 Ấp 5, Phú An	
1943	05016698	Trần Văn Kha	Số 628 Ấp 6 - Phú An	
1944	05016738	Nguyễn Thị Bi	652-AP 6-Phu An-Cai Lay	
1945	05016778	Bùi Nguyễn Công Khanh	Số 691 Ấp 6, Phú An	
1946	05016818	Lê Văn Thảo	Ap 6	
1947	05201424	LÊ THỊ CẨM HỒNG	Ấp 5, Phú An	
1948	05201905	NGUYỄN HÙNG MINH	Ấp 5, Phú An	
1949	05300628	NGUYỄN ANH SƠN	Ấp 5, Phú An	
1950	05103829	LE PHUOC TAI	AP 5 PHU AN CAI LAY	
1951	05104301	NGUYEN VAN SON	AP 6 PHU AN CAI LAY	
1952	05102543	Nguyễn Thị Trúc	AP 5	
1953	05103138	NGUYEN THANH YEN	TO 5 AP 5 PHU AN CLTG	
1954	05016841	Nguyễn Văn Dũng	Số 487, Ấp 5, xã Phú An	
1955	05016883	Trần Văn Don	Số 507, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1956	05016925	Phạm Văn Chúc	Ấp 6, xã Phú An	
1957	05016965	Nguyen Van Nien	458-Ap 6-Phu An	
1958	05017005	Trần Văn Ngọc	Số 529, Ấp 6, xã Phú An	
1959	05202213	TRẦN VĂN RỘNG	Ấp 5, Phú An	
1960	05100806	LE TAN DAT	AP 4	
1961	05101058	Lê Văn Dũng	AP 5	
1962	05015151	Đặng Minh Tâm	Số 352, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1963	05015193	Ngô Thị Chiến	Số 576, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1964	05015239	Lê Công Vinh	Số 360, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1965	05015452	Trần Tấn Thanh	PHU AN	
1966	05015550	Trương Minh Hiệp	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1967	05015603	Le Van Gia	Ap 4 - Phu An	
1968	05015652	Van Hue Man	AP 5 PA	
1969	05015699	Nguyen Van Thom	AP4 PAN	
1970	05015786	Nguyễn Văn Hồng	Số 496, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1971	05015826	Nguyễn Văn Luận	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
1972	05015866	Nguyen Thi Cam Phung	Ap 5 - PA	
1973	05015907	TRẦN VĂN CHÍNH	490 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1974	05101762	Nguyễn Văn Lang	Số 551, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
1975	05102323	ĐẶNG THANH TUẤN	AP 5-PHU AN	
1976	05200202	ĐẶNG LƯU NHẢ	Ấp 5, Phú An	
1977	05200570	LÊ VĂN THANH	Ấp 5, Phú An	
1978	05200996	VÕ MINH TIẾN	Ấp 5, Phú An	
1979	05104837	Tạ Văn Ngợi	ẤP 5 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
1980	05105188	ĐINH THANH SANG	ẤP 5 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
1981	05014999	Đặng Thanh Tòng	Số 321, ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1982	05015039	Lê Văn Lâu	Số 329, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1983	05015083	Đoàn Văn Hải	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
1984	05015930	Nguyen Thi Suong	AP 4	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1985	05015970	Pham Van Can	311 PA	
1986	05016013	Phạm Thị Thu Hà	875A -	
1987	05016067	TRẦN QUỐC VINH	AP 5 - PHU AN	
1988	05016113	NGUYỄN THỊ TIÊM	Ấp 5, Phú An	
1989	05016164	PHẠM THỊ EM	875B- Ấp 4 - PA	
1990	05016210	Trần Văn Phước	AP 5 PA	
1991	05016253	Nguyễn Văn Tính	634 PA	
1992	05016334	Nguyễn Văn Cường	43 P AN	
1993	05016376	Nguyễn Văn Phung	AP 5 PA	
1994	05016416	Nguyễn Thanh Long	AP 5	
1995	05016456	Ngô Văn Chấn	P AN	
1996	05016496	Phan Lý Ba	AP 6 - PA	
1997	05016540	Nguyễn Văn Thảo	Ấp 5, Phú An	
1998	05016581	Nguyễn Thị Tròn	Số 539 Ấp 5, xã Phú An	
1999	05016621	Nguyễn Văn Trung	Số 522 ấp 5, Phú An	
2000	05016661	Nguyễn Văn Chiến	Ấp 5, xã Phú An	
2001	05016701	Lý Văn Bé	Số 605 Ấp 5 - Phú An	
2002	05016741	Huỳnh Văn Mười Ba	656-AP 6-Phu An-Cai Lay	
2003	05016781	Nguyễn Thị Chiêu	Số 691 Ấp 6, Phú An	
2004	05016821	Phạm Văn Nghiêm	Ấp 5, Phú An	
2005	05201438	NGÔ QUANG HÀ	Ấp 5, Phú An	
2006	05201921	LÊ MINH TUẤN	Ấp 5, Phú An	
2007	05103916	MAI VAN HONG	288 AP 4 PHU AN	
2008	05104333	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	ẤP 6 PHÚ AN	
2009	05300644	TỔNG TẤN THÀNH	Ấp 5, Phú An	
2010	05102791	NGUYEN KHAC HUNG	AP 5 PHU AN CAI LAY	
2011	05103204	Nguyễn Văn Thu	46 TO 2 AP 5 PHU AN CLTG	
2012	05016844	Nguyễn Văn Nào	Số 486, Ấp 5, xã Phú An	
2013	05016886	Trần Văn Tại	Số 500, Ấp 6, xã Phú An	
2014	05016928	Tru So Ap 6	Ap 6 - Phu An	
2015	05016968	Nguyễn Thanh Truyền	Số 100, Ấp 1, xã Phú An	
2016	05017008	Pham Ngoc Thanh	Ap 6 - Phu An	
2017	05202355	NGUYỄN VĂN CHÍNH	Ấp 5, Phú An	
2018	05100820	Phạm Văn Tánh	AP 5	
2019	05101061	TRAN VAN DUNG	AP 4	
2020	05101945	Nguyễn Hoàng Sơn	AP 5	
2021	05015118	Nguyen Van Ha	425 AP 5	
2022	05015169	Nguyễn Văn Hào	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2023	05015212	Nguyen Anh Dao	566 -AP 6	
2024	05015279	Huỳnh Ngọc Ân	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2025	05015524	Phạm Văn Ba	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2026	05015574	Trần Hoàng Anh	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2027	05015622	Ngo Minh Khai	AP5 PA	
2028	05015672	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	ẤP 5 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
2029	05015719	Mach Hong Chuong	150 P AN	
2030	05015762	Ho Minh Luu	AP 4-PA	
2031	05015802	Nguyen Thi Muoi	Ap 4 - Phu AN	
2032	05015842	Quách Văn Chính	Số 380, Ấp 4, xã Phú An	
2033	05015882	Nguyen Van Hoang	AP4-PA	
2034	05200361	NGUYỄN THỊ LÂM	Ấp 5, Phú An	
2035	05200736	HỒ VĂN EM	Ấp 5, Phú An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
2036	05104964	Trương Ngọc Hòa	ẤP 5 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
2037	05105501	HUỶNH VĂN CHIẾN	ẤP 5, PHÚ AN, H CL	
2038	05015015	Trần Đình Phương	Số 345, ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2039	05015059	Trần Phong Lưu	ẤP 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2040	05015099	Nguyễn Văn Thanh	Số 513, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2041	05015946	Nguyễn Văn Chính	415.AP4_PA	
2042	05015986	Lê Văn Tạo	ẤP 4, xã Phú An	
2043	05016030	NGUYỄN VĂN SÁU	AP 5 PA	
2044	05016087	NGUYỄN VĂN HÒA	AP5 PAN	
2045	05016134	NGUYỄN VĂN TRO	P AN	
2046	05016184	Nguyễn Thị Kim Thu	Ap 5-Phu An	
2047	05016227	Hồ Thanh Long	Ap 5 -	
2048	05016269	Nguyễn Thị Hương	Ap 5	
2049	05016309	Lê Thị Kim Thủy	ẤP 5, PHÚ AN, CAI LẬY	
2050	05016352	Nguyễn Văn Bảy	57-Ap 5-PA-Cai Lay	
2051	05016392	NGÔ THỊ MINH YẾN	ẤP 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2052	05016432	TRƯƠNG VĂN BẢO	116 -AP 5	
2053	05016472	Nguyễn Văn Đức	AP 4 - PA	
2054	05016512	Lê Văn Chắc	580 PA	
2055	05016557	Nguyễn Văn Thu	Ap 5-Phu An	
2056	05016597	Võ Văn Mười	Số 526, Ấp 5, xã Phú An	
2057	05016637	Nguyễn Văn Minh	Số 508, Ấp 5, xã Phú An	
2058	05016677	Nguyễn Thanh Tùng	Số 445 Ấp 5 - Phú An	
2059	05016717	Nguyễn Thị Lợi	ẤP 6 - Phú An	
2060	05016757	Nguyễn Văn Danh	Số 664, Ấp 6, xã Phú An	
2061	05016797	Đặng Thị Diễm	Số 402, Ấp 5, xã Phú An	
2062	05201100	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	ẤP 5, Phú An	
2063	05201647	NGUYỄN THỊ A	ẤP 5, Phú An	
2064	05103941	NGUYEN NGOC LINH	AP 5 PHU AN	
2065	05104524	NGUYỄN THỊ TIÊM	ẤP 4 PHÚ AN	
2066	05102914	NGUYEN THANH HOANG	TO 9 AP 5 PHU AN	
2067	05103432	Nguyễn Thị Yến	AP 5 PHU AN CAI LAY TG	
2068	05016861	Ngô Phước Vạn	ẤP 6 - Phú An	
2069	05016904	Võ Văn Chơn	Số 447, Ấp 6, xã Phú An	
2070	05016944	Lê Minh Phụng	Số 473, Ấp 6, xã Phú An	
2071	05016984	Nguyễn Tuấn Quốc	ẤP 5 - Phú An	
2072	05300142	NGUYỄN THUY NGOC	ẤP 5, Phú An	
2073	05100688	Võ Hữu Trí	ẤP 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2074	05100934	NGUYEN HUE THE	AP 5	
2075	05101469	Nguyễn Thị Tám	AP 5	
2076	05015137	Ngô Quang Hà	Số 214, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2077	05015182	Phan Bá Hùng	ẤP 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2078	05015228	Hà Văn Đôn	Số 395, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2079	05015327	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2080	05015538	Trần Thị Thu Hằng	Số 941, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2081	05015590	Trần Thanh Nhan	Số 975, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2082	05015639	Huỳnh Thị Thụy Hằng	190 AP 5A	
2083	05015687	Nguyễn Văn Bình	AP 4 PA	
2084	05015733	Le Minh Chanh	Ap 4 - PA	
2085	05015775	Hồ Văn La	ẤP 4-Phú An-CL	
2086	05015815	Nguyễn Văn Suol	Số 349, Ấp 4, xã Phú An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
2087	05015855	Nguyễn Thị Bảy	Ấp 4, xã Phú An	
2088	05015895	Tran Thi Mong Ngoc	AP 4 PA	
2089	05101658	Nguyễn Hữu Thọ	AP 5	
2090	05102160	Nguyễn Thành Luân	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2091	05200480	TRƯƠNG THỊ XUÂN MAI	Ấp 5, Phú An	
2092	05200938	NGUYỄN VĂN TỐT	Ấp 5, Phú An	
2093	05104729	LÊ THÀNH TÂM	ẤP 5 - PHÚ AN- HCL	
2094	05105080	BÙI THỊ CÁN	ẤP 6 - PHÚ AN - CAI LAY65	
2095	05105568	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	AP 4 PHU AN	
2096	05014981	Nguyễn Minh Tân	Số 68, Khu 4, TT Cái Bè	
2097	05015028	Võ Văn Thắng	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2098	05015072	Nguyễn Thị Sáu	Số 721, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2099	05015112	Nguyễn Văn Cẩm	Số 392, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2100	05015919	PHAN VIỆT HÙNG	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
2101	05015959	Nguyễn Thị Lệ	Số 485, Ấp 4, xã Phú An	
2102	05016001	Pham van Ben	389 - PA	
2103	05016049	NGÔ MINH BĂNG	Số 214, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2104	05016101	VỖ THỊ THU HẰNG	AP 4-PA	
2105	05016147	Đặng Văn Tăng	Số 176 Ấp 4, Phú An	
2106	05016198	Võ Hoàng Nam	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2107	05016241	Lê Thị Diễm	629-AP5-PA	
2108	05016282	Phạm Văn Đặng	PA	
2109	05016322	Ngô Văn Sâm	Số 37, Ấp 5, Phú An	
2110	05016365	Lang Hong Hoanh	Ap 5	
2111	05016405	Nguyễn Minh Chanh	AP5 PAN	
2112	05016445	Nguyễn Thị Thanh	128 AP5 PA	
2113	05016485	Bùi Văn Hùng	363 P AN	
2114	05016528	Đặng Hùng Tín	AP 5,PA	
2115	05016570	Võ Thị Chiên	Ấp 5, xã Phú An	
2116	05016610	Nguyễn Văn Xem	AP 5 PA	
2117	05016650	Phạm Văn Lép	Số 479 Ấp 5, Phú An	
2118	05016690	Trần Thị Sầu	Số 457, Ấp 5, xã Phú An	
2119	05016730	Phan Thị Huy	640-AP 6-Phu An-Cai Lay	
2120	05016770	Phạm Nhựt Cơ	Ấp 6, Phú An	
2121	05016810	Cao Thị Hôn	Số 420, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2122	05201339	LÊ VĂN HUỆ	Ấp 5, Phú An	
2123	05201792	NGUYỄN VĂN VÁ	Ấp 5, Phú An	
2124	05104141	Nguyễn Văn Vàng	AP 6 PHU AN CAI LAY TG	
2125	05104695	NGUYỄN VĂN TUẤN	ẤP 5 - PHÚ AN - HCL	
2126	05300534	PHẠM VĂN ĐẠO	Ấp 5, Phú An	
2127	05103030	PHAN THÀNH NGUYỄN	AP 4 PHU AN CLTG	
2128	05103589	Trần Đức Nghĩa	AP 5 PHU AN CLTG	
2129	05016833	Nguyễn Hồng Vũ	Ap 5	
2130	05016875	Phạm Thị Lạc	Ấp 6, xã Phú An	
2131	05016917	Phạm Văn Chiêu	Ấp 6, xã Phú An	
2132	05016957	Lương Thị Bé Sáu	Số 466, Ấp 6, xã Phú An	
2133	05016997	Huỳnh Ngọc Tài	Số 539, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2134	05202122	PHẠM THỊ THỦY	Ấp 5, Phú An	
2135	05300413	ĐẶNG THỊ LÃNG	Ấp 5, Phú An	
2136	05100701	Nguyễn Tấn Vũ	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2137	05101046	Nguyễn Minh Dũng	Số 946, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
2138	05101756	Nguyễn Văn Mười	Số 530, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2139	05102316	Nguyễn Thị Ba	Ấp 6, xã Phú An	
2140	05015147	Nguyễn Thị Lang	Số 348, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2141	05015189	Nguyễn Văn Cò	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2142	05015235	PHẠM THỊ THỦY	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2143	05015420	Trần Thị Thanh Hoa	AN THAI - AN CU	
2144	05015545	Nguyen Thi Lan	AN THAI AC	
2145	05015599	Nguyen Hoang Hoanh	Ap 5 PA	
2146	05015648	NGO THI KIM THUY	AP 5 - PHU AN	
2147	05015695	Nguyen Quang Thao	Ap 4 - Phu An	
2148	05015742	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Ap 4	
2149	05015782	Nguyen Van Tam	50/713 PA	
2150	05015822	Pham Van Hai	AP 4 PAN	
2151	05015862	Mai Van Dung	Ap 4 - PA	
2152	05015902	Nguyen Thi Em	AP 4 PA	
2153	05200171	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Ấp 5, Phú An	
2154	05200548	TU THỊ MỘNG KIỀU	Ấp 5, Phú An	
2155	05200982	NGUYỄN CÔNG HẦU	Ấp 5, Phú An	
2156	05104826	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	ẤP AN THÁI- XÃ AN CƯ- H CÁI BÈ	
2157	05105168	TRẦN THANH TUẤN	ẤP 5 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
2158	05105660	TRẦN THANH LONG	ẤP 4 PHÚ AN	
2159	05014992	Trần Minh Nguyệt	ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2160	05015035	NGUYEN VAN PHICH	AP 5 - PA	
2161	05015079	VO THI BE HAI	AP 5 - PA	
2162	05015966	Huynh Van Thanh	Ap 4-PA	
2163	05016008	Huỳnh Thị Trúc Ly	Ap 4 - Phú An	
2164	05016061	QUÁCH LÊ MỸ	255-AP4-PA-Cai Lay	
2165	05016108	LÊ VĂN SƠN	ap 4 - xa Phu An - H.CL	
2166	05016159	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	Ap 4 - Phu An	
2167	05016206	Ngô Thị Chon	AP5 PA	
2168	05016249	Nguyen Van Pho	AP 5 PA	
2169	05016289	Nguyễn Văn Ngô	683 PA	
2170	05016330	Lê Văn Tiếp	AP 5-PA-CAI LAY	
2171	05016372	Nguyễn Văn Gon	Ap 5 - Phu An	
2172	05016412	Bùi Thị Hồng Hoa	Ap 5 - PA	
2173	05016452	Trần Thị Đàm	132-AP5-PA	
2174	05016492	Phạm Thị Phát	Ap 5 - PA	
2175	05016536	Trần Minh Trí	AP 5 - PA	
2176	05016577	Võ Văn Sanh	Số 542, Ấp 5, xã Phú An	
2177	05016617	Lê Văn Sáng	Ấp 5, Phú An	
2178	05016657	Phạm Văn Hí	Số 474 Ấp 5 - Phú An	
2179	05016697	Nguyễn Văn Chính	Số 462 Ấp 5 - Phú An	
2180	05016737	Nguyễn Thị Nga	651-AP 6-Phu An-Cai Lay	
2181	05016777	Đặng Văn Bé Ba	Số 690 Ấp 6, Phú An	
2182	05016817	Phạm Văn Kê	Số 433, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2183	05201413	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	Ấp 5, Phú An	
2184	05201893	PHẠM TẤN THÀNH	Ấp 5, Phú An	
2185	05300621	NGUYỄN THỊ LANG	Ấp 5, Phú An	
2186	05103714	PHẠM MINH TRÍ	AP 4 PHU AN	
2187	05104279	NGUYEN QUANG MINH	528 AN THAI AN CU	
2188	05102515	Trần Thị Chính	Số 433, Ấp 6, xã Phú An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
2189	05103137	TRAN VAN TAM	TO 5 AP 5 PHU AN CLTG	
2190	05016840	Nguyễn Văn Phương	Số 485, Ấp 5, xã Phú An	
2191	05016882	Phạm Thi Van	497-Ấp 6-Phú An	
2192	05016924	Phạm Văn Hai	Số 428, Ấp 6, xã Phú An	
2193	05016964	Nguyen Van Diep	459-Ap 6-Phu An	
2194	05017004	PHAM VAN DU	AP 6 - PHU AN	
2195	05202199	HUỖNH CÔNG TẠO	Ấp 5, Phú An	
2196	05100805	NGUYEN THI HONG DUNG	AP 4	
2197	05101054	Phạm Hoài Vân An	AP 4	
2198	05015154	Trần Văn Thy	Số 355, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2199	05015196	Tran Van Sau	AP 6.PA	
2200	05015242	Nguyễn Văn Hùng	Số 365, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2201	05015489	Nguyen Thi Giau	PHU AN	
2202	05015553	Nguyễn Văn Hậu	AN THAI-AN CU-CB	
2203	05015608	Dang T Tuyet Hong	AP 5 PA	
2204	05015656	LE TAN DAT	AP 5 - PA	
2205	05015749	Duong Van Hai	137 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
2206	05015789	HUỖNH THANH MINH	507 - ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
2207	05015829	Trần Thị Thương	Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
2208	05015869	Nguyễn Văn Hạnh	AP 4 - PHU AN	
2209	05015910	Nguyen Van Sy	Ap 4 - Phu An - H.CL	
2210	05101765	Trần Trung Dũng	Số 552, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2211	05102389	PHAM THI HONG	AP 4-PHU AN	
2212	05200232	TRẦN THỊ MỸ DUNG	Ấp 5, Phú An	
2213	05200591	PHẠM VĂN THANH	Ấp 5, Phú An	
2214	05201033	HUỖNH VĂN TỰ	Ấp 5, Phú An	
2215	05104884	NGUYỄN THỊ ANH	ẤP 5 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
2216	05105274	TRẦN VĂN THÀNH	AN THÁI - AN CƯ - H CÁI BÈ	
2217	05015002	Trần Văn Luân	Số 323, ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2218	05015043	Phan Văn Thơ	Số 333, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2219	05015086	Phạm Văn An	Số 748, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2220	05015933	Huỳnh Văn Châu	Số 433, Ấp 4, xã Phú An	
2221	05015973	Lê Văn Bình	Ấp 4, xã Phú An	
2222	05016070	TRẦN QUANG SANG	Số 223, Ấp 4, xã Phú An	
2223	05016119	LĂNG HOÀNG HẠNH	Ap 4 - Phú An	
2224	05016167	Phan Thanh Hải	Ap 5	
2225	05016213	Lâm Ngọc Tuyền	Số 615, xã Phú An	
2226	05016256	Nguyễn Thị Giàu	Số 636, Ấp 5, xã Phú An	
2227	05016296	Nguyễn Văn Đức	Ấp 5, xã Phú An	
2228	05016337	Nguyễn Thị Tru	45 P AN	
2229	05016379	Trần Thị Hương	AP 6 - PHU AN	
2230	05016419	Lê Thị Kim Xuyên	AP 5	
2231	05016459	Truong Văn Dũng	Ấp 4-Phú An	
2232	05016499	TẠ VĂN PHÚC	664 PA	
2233	05016543	Truong Thị Dịp	AP 5 - PA	
2234	05016584	Lê Thị Khéo	Ấp 5, xã Phú An	
2235	05016624	Võ Thị Gan	519-AP 5-Phu An-Cai Lay	
2236	05016664	Nguyễn Văn Bé	Số 468, Ấp 5, xã Phú An	
2237	05016704	Nguyễn Văn Nhờ	Số 616, Ấp 6, xã Phú An	
2238	05016744	Nguyễn Văn Vũ Em	AP6-PA	
2239	05016784	Đặng Thị Hạnh	Ấp 5, xã Phú An	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
2240	05201488	LÊ THỊ ĐỜI	Ấp 5, Phú An	
2241	05201941	LÊ THỊ BÔNG	Ấp 5, Phú An	
2242	05103928	TRAN THI TUYET MINH	AP 5 PHU AN	
2243	05104338	Nguyễn Chí Công	ẤP 5 PHÚ AN	
2244	05300663	NGUYỄN MINH TRÍ	Ấp 5, Phú An	
2245	05102811	NGUYỄN TRUNG THÀNH	Số 213, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2246	05103316	LE VAN BE NAM	TO 21 AP 5 PHU AN CLTG	
2247	05016847	Phan Hoài Nhân	Ấp 5, xã Phú An	
2248	05016891	Võ Thị Chính	Số 516, Ấp 6, xã Phú An	
2249	05016931	Dinh Van Lap	AP 6-PA	
2250	05016971	Nguyen Thi Anh	468-Ap 6-Phu An	
2251	05202371	PHẠM MINH BÌNH	Ấp 5, Phú An	
2252	05100823	Nguyễn Thị Kim Oanh	Số 909, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2253	05101064	HO VAN PHONG	AP 4	
2254	05102150	Nguyễn Thị Hà	Số 418, Ấp 4, xã Phú An	
2255	05015128	Đặng Thanh Diệp	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2256	05015174	Nguyễn Văn Đệ	Số 598, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2257	05015218	Phan Thị Bé	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2258	05015286	Nguyễn Văn Thiêm Em	Số 651, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2259	05015530	Võ Long Biên	Số 928, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2260	05015579	Phạm Thị Bé Hai	Số 958, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2261	05015630	Nguyen Thi Bang	AP 5 PA	
2262	05015678	Lê Phước Răng	875A - Ấp 5 - Phú An	
2263	05015724	Le Thanh Dung	AP 4 PA	
2264	05015767	Nguyen Hong Mai	Ap 4 - xa Phu An - H.Cai Lay	
2265	05015807	Quach Thi Phung	AP 4 PA	
2266	05015847	Phạm Văn Mười	Số 377, Ấp 4, xã Phú An	
2267	05015887	NGUYỄN VĂN TRỌNG	424 - ẤP 4 PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
2268	05200385	TRINH NGOC MỸ LIÊN	Ấp 5, Phú An	
2269	05200765	NGUYỄN THỊ THANH TUYẾN	Ấp 5, Phú An	
2270	05104990	Trần Thị Bụi	ẤP 6 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
2271	05105527	PHẠM VĂN HOÀNG	ẤP 5, XÃ PHÚ AN, H CAI LẬY	
2272	05015020	Nguyễn Thị Kim Hồng	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2273	05015064	Nguyễn Văn Hận	Số 312/20, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2274	05015104	Nguyễn Văn Sáu	Số 390, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2275	05015951	Nguyen Thi Ngoc Phat	Ap 4 - Xa Phu An - H.CL	
2276	05015991	Đỗ Văn Tính	Số 324, Ấp 4, xã Phú An	
2277	05016038	NGUYỄN VĂN QUỐC	PHU AN	
2278	05016092	PHẠM THỊ XUÂN	Ap 4 - PA	
2279	05016139	HUỶNH THỊ BẢY	Ap 4	
2280	05016189	Nguyễn Tấn Hùng	P AN	
2281	05016232	Nguyễn Văn Nghệ	PHU AN	
2282	05016274	Nguyễn Văn Hải	672 P AN	
2283	05016314	Nguyễn Thị Thanh Vân	715-AP 5-PA-CL	
2284	05016357	Nguyễn Thị Bi	32-A5-PA-Cai Lay	
2285	05016397	Hà Thị Thúy Vân	AP 5, PHU AN	
2286	05016437	Nguyễn Thị Mậu	P AN	
2287	05016477	Nguyễn Văn Hợp	AP 4-PA-CAI LẬY	
2288	05016518	Nguyễn Văn Tám	Ấp 5, Phú An	
2289	05016562	Đỗ Thị Thúy Huỳnh	Ấp 5, xã Phú An	
2290	05016602	Lê Thanh Hòa	Ấp 5, xã Phú An	



STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
2291	05016642	Huỳnh Thị Đông	Số 500, Ấp 5, xã Phú An	
2292	05016682	Nguyễn Văn Đua	Số 449 Ấp 5 - Phú An	
2293	05016722	Hồ Thanh Thủy	Ấp 6 - Phú An	
2294	05016762	Lê Thị Kim Em	668-AP 6-PA-CL	
2295	05016802	Đình Thanh Hùng	AP 5.PA	
2296	05201166	HUỲNH THỊ NGỌC HẠNH	Ấp 5, Phú An	
2297	05201720	PHẠM THỊ NGỌC CHÂU	Ấp 5, Phú An	
2298	05103946	NGUYEN THI THUY QUYEN	AP 5 PHU AN	
2299	05104609	LÝ THỊ KIM THU	ẤP 6- PHÚ AN- HCL	
2300	05102935	MAI THI MY PHUONG	AP 5 PHU AN CAI LAY TG	
2301	05103500	Trần Văn Hạnh	AP 4 PHU AN CLTG	
2302	05016825	Nguyễn Hoàng Hạnh	755 AP 5	
2303	05016866	Võ Thị Sáu	Ấp 6-Phú An	
2304	05016909	Ly Thanh Nghi	Ap 6-Phu An	
2305	05016949	Luong Van La	Ap 6-Phu An -CL	
2306	05016989	TRAN VAN BONG	AP 6 - PHU AN	
2307	05300189	LÊ PHƯỚC DŨNG	Ấp 5, Phú An	
2308	05100693	Trần Hữu Trí	AP 5	
2309	05100939	Nguyễn Văn Cọp	AP 5	
2310	05101477	NGUYEN VAN LUOC	AP 4-PHU AN	
2311	05015113	Nguyễn Văn Cầm	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2312	05015163	Lương Thị Thu Trang	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2313	05015204	Trần Văn Tư	Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2314	05015253	Phạm Thị Tươi	Số 557, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2315	05015513	Lê Minh Phúc	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2316	05015562	Trần Thị Bảy	Số 901, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2317	05015617	Nguyen Van Mung	AP 5 PA	
2318	05015665	VÕ THỊ BÍCH THUẬN	ẤP 4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
2319	05015714	Nguyen Van Tu	P AN	
2320	05015757	Lê Thành Liêu	128, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
2321	05015797	Võ Thị Năm	Số 513, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
2322	05015837	Nguyễn Thị Diệp	Số 387, Ấp 4, xã Phú An	
2323	05015877	Ho Trong Phong	456-Ap 4-Phu An	
2324	05101937	NGUYEN VAN NO	AP 4-PHU AN	
2325	05200311	TRẦN THỊ NGỌC SƯƠNG	Ấp 5, Phú An	
2326	05200702	LÊ THỊ NUÔI	Ấp 5, Phú An	
2327	05201058	Đặng Mãng Thiện	Ấp 5, Phú An	
2328	05104929	NGUYỄN VĂN MINH	ẤP 5 - PHÚ AN - H CAI LẬY	
2329	05105403	Hồ Thị Kim Thoa	AP AN THIÊN, XÃ AN CƯ, CÁI BÈ, TG	
2330	05015010	Nguyễn Thị Ánh Hồng	ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2331	05015094	Nguyễn Văn Đậu	Số 738, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2332	05015941	Huỳnh Thị Kim Thủy	Số 437, Ấp 4, xã Phú An	
2333	05015981	Nguyễn Văn Niên	Số 319, Ấp 4, xã Phú An	
2334	05016024	TRẦN NGỌC TUYẾT	Phú An	
2335	05016080	TA TUẤN	AP4-PHU AN	
2336	05016129	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	Ap 4 - PA	
2337	05016177	Nguyễn Văn Sang	Ấp 5, Phú An	
2338	05016222	Nguyễn Thị Thu	AP 5 PA	
2339	05016264	Hà Văn Sáu Lùn	643 PA	
2340	05016304	Trần Thị Gái	P AN	
2341	05016347	Nguyễn Văn Truong	AP 5 PA	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
2342	05016387	Nguyễn Thị Tuong	P AN	
2343	05016427	Huỳnh Văn Tư	Ap 6	
2344	05016467	Phạm Ngọc Thuận	AP 5 - PA	
2345	05016507	Trương Thanh Toàn	AP 4	
2346	05016552	Châu Văn Thanh	17/598-Ap 5-Phu An	
2347	05016592	Thái Thị Hiền	Ap 5 - Phu An	
2348	05016632	Nguyễn Thị Lèo	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2349	05016672	Nguyễn Văn Hà	Số 440 Ấp 5 - Phú An	
2350	05016712	Nguyễn Văn Cu	Số 621 Ấp 6 - Phú An	
2351	05016752	Phạm Ngọc Anh	659-AP 6-Phu An-Cai Lay	
2352	05016792	Nguyễn Hoàng Thông	Số 399, Ấp 5, xã Phú An	
2353	05201569	NGUYỄN KHẮC TOÁN	Ấp 5, Phú An	
2354	05103936	Lê Hoàng Minh	AP 5 PHU AN	
2355	05104462	HUỲNH THỊ NĂM	ẤP 6 PHÚ AN	
2356	05102846	LE THI KIM HOANG	875A AP 4 PHU AN CLTG	
2357	05103384	MAI VAN THE	AP 5 PHU AN CAI LAY TG	
2358	05016855	Lý Văn Chớ	Số 548, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2359	05016899	Dang Van Hung	Ap 6-PA	
2360	05016939	Đinh Thị Thu Thủy	452, Ấp 6, Phú An	
2361	05016979	Trần Văn Sáu	Số 686, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai lậy	
2362	05300086	NGUYỄN THỊ KIM EM	Ấp 5, Phú An	
2363	05100851	Nguyễn Thị Le	AP 5	
2364	05101315	NGUYEN VAN PHU	AP 4-PHU AN	
2365	05015138	Lê Thị Thắm	Số 378, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2366	05015183	Nguyễn Văn Hai	Số 582, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2367	05015229	Hà Văn Tỷ	Số 371, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2368	05015328	Lê Thanh Hùng	Số 616, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2369	05015539	PHẠM THỊ THU THỦY	AN THAI - AN CU - TXCL	
2370	05015591	Nguyễn Thị Tiên	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2371	05015640	Nguyen Van Tao	PHU AN	
2372	05015688	Tran Thi Cam Hong	Ap 4- Phu An -Cl	
2373	05015734	Nguyen Thi Thuy Trang	Ap 4 - PA	
2374	05015776	Hồ Thị Thành	Số 118, Ấp 4 - xã Phú An -Huyện Cai Lậy	
2375	05015816	Trần Văn Lép	Số 348, Ấp 4, xã Phú An	
2376	05015856	Mai Van Minh	Ap 4-PA	
2377	05015896	Do Van Het	Ap 4 - PA	
2378	05101660	Phan Văn Cang	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2379	05102161	Trần Kim Thời	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
2380	05105745	NGUYỄN TRUNG THÀNH	ẤP 4 PHÚ AN	
2381	05200506	PHẠM THỊ LOAN	Ấp 5, Phú An	
2382	05200952	NGUYỄN HỒNG PHONG	Ấp 5, Phú An	
2383	05104745	LÊ THỊ PHƯƠNG	ẤP4 - PHÚ AN - HUYỆN CAI LẬY	
2384	05105094	NGUYỄN MINH SƠN	ẤP 4 - PHÚ AN Õ - H CAI LAY	
2385	05105582	Phạm Văn Bé	ẤP 4 PHÚ AN	
2386	05014983	Võ Thị Đào	Số 242, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2387	05015029	Nguyễn Trung Chánh	Số 653, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2388	05015073	Nguyễn Thị A	Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy	
2389	05015920	Nguyen Van Ba	AP 4	
2390	05015960	Duong Van Loc	487-AP4-PA-CAI LAY	
2391	05016002	Le Thi Doi	Ap 5	
2392	05016051	ĐẶNG THANH NGÂN	AP5 PHU AN	

Phường Mỹ Phước Tây, ngày 10 tháng 04 năm 2026

**DANH SÁCH NHÂN DÂN XÃ HỘI CƯ
DÙNG NƯỚC SINH HOẠT (XÃ AN CƯ CŨ)**

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
CƠ QUAN HÀNH CHÍNH				
1	05014950	Văn phòng Công Chứng Mỹ Thuận	ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	
2	05015520	Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	
3	05015605	Ban ATGT huyện Cái Bè	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè, TG	
4	05015517	Công an xã Hội Cư	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
5	05015480	Đội CSGT - trật tự CA huyện Cái Bè	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	
SINH HOẠT GIA ĐÌNH				
6	05014966	Huỳnh Thị Vinh	Số 435, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
7	05015281	Phạm Văn Mới	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
8	05015336	Nguyễn Văn Cù	Số 743, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
9	05015384	Đỗ Công Nghĩa	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
10	05015429	Nguyễn Mỹ Giàu	Số 729, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
11	05015474	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
12	05105073	PHẠM VĂN HẢI	AN THÁI - AN CƯ - CÁI BÈ	
13	05200412	HỒ VĂN TUẤN	An Thái, An Cư, Cái Bè	
14	05101670	Nguyễn Văn Thu	Số 577, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
15	05015300	Trần Thị Thanh Thủy	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
16	05015348	Trần Đức Chung	Số 113A, đường Trưng Nữ Vương, Khu 2, TT Cái Bè	
17	05015394	Huỳnh Thị Kim Phượng	Số 694, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
18	05015439	Võ Thị Bạch Tuyết	Số 734, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
19	05015484	Chung Văn Hiệp	Số 774, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
20	05100702	Huỳnh Văn Tốt	Số 556, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
21	05101672	Võ Thị Niệm	Số 661, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
22	05015301	Trần Thanh Dũng	Số 582, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
23	05015349	Nguyễn Văn Thủy	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
24	05015395	Nguyễn Văn Hoàng	Số 695, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
25	05015440	Nguyễn Hữu Thành	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
26	05015485	Trần Thị Mơi	Số 775, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
27	05100855	Phạm Văn Hải	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
28	05014969	Huỳnh Thị Lập	Số 429, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
29	05101661	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Số 583, ấp An Thái, xã An Cư	
30	05015287	Trần Văn Cường	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
31	05015338	Phạm Huỳnh Đức	A.THAI-AN CU-CB	
32	05015386	Đặng Thị Điện	Số 686, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
33	05015432	Lê Kim Thành	Số 720, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
34	05015476	Nguyễn Văn Luận	Số 769, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
35	05200738	LƯƠNG THỊ HỒNG ANH	An Thái, An Cư, Cái Bè	
36	05014971	Tran Huyen Tuyet	AN CU.CB	
37	05101665	Nguyễn Thị Đông	Số 586, ấp An Thái, xã An Cư	
38	05015295	Nguyễn Thị Vàng	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
39	05015340	Trương Văn Kiến	Số 622, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
40	05015389	Võ Thị Kim Hồng	Số 730, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
41	05015434	Huỳnh Văn Trí	Số 719, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	



STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
42	05015478	Nguyễn Thanh Vân	Số 770, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
43	05200944	HỒ VĂN BÈ BAY	An Thái, An Cư, Cái Bè	
44	05101770	Nguyễn Minh Hiến	Số 361, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
45	05015305	Võ Thị Minh	ấp An Thái, xã An Cư	
46	05015354	Võ Văn Đức	Số 643, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
47	05015399	Võ Minh Đức	Số 699, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
48	05015445	Lê Văn Mẹo	Số 713, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
49	05015492	Lê Văn Trí	Số 785, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
50	05201877	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	An Thái, An Cư, Cái Bè	
51	05101303	Lê Thị Kim Tuyến	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
52	05014972	Truong Van Bay	An Thai - CB	
53	05101666	Đặng Văn Tâm	ấp An Thái, xã An Cư	
54	05015296	Nguyễn Thanh Hoàng	Số 596, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
55	05015342	Lê Trúc Lâm	Số 624, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
56	05015390	Nguyễn Quốc Cường	Số 691, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
57	05015435	Nguyễn Thị Thùy	Số 735, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
58	05015479	Trần Thị Cẩm Hồng	Số 772, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
59	05200995	LÊ VĂN TRINH	An Thái, An Cư, Cái Bè	
60	05101766	Nguyễn Ngọc Ánh	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
61	05015304	Trần Thị Thanh Dung	ấp An Thái, xã An Cư	
62	05015353	Nguyễn Thị Hai	Số 641, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
63	05015398	Nguyễn Văn Mười	Số 698, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
64	05015444	Nguyễn Văn Bi	Số 739, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
65	05015491	Ngô Thanh Ngoan	Số 788, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
66	05201876	NGUYỄN THỊ YẾN	An Thái, An Cư, Cái Bè	
67	05300028	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	An Thái, An Cư, Cái Bè	
68	05101302	Nguyễn Văn Hồng	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
69	05101760	Nguyễn Thị Thu Sương	Số 579, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
70	05015303	Trần Thanh Tùng	Số 585, ấp An Thái, xã An Cư	
71	05015352	Hà Thị Chính	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
72	05015397	Nguyễn Văn Hai	Số 747, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
73	05015443	Nguyễn Hoàng Vũ	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
74	05015490	Nguyễn Văn Xong	Số 792, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
75	05202320	NGUYỄN THỊ ÚT	An Thái, An Cư, Cái Bè	
76	05101065	Võ Hoàng Ân	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
77	05015312	Trương Văn Nhứt	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
78	05015361	Phan Thị Nhỏ	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
79	05015406	Phạm Thị Ngọc	Số 704, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
80	05015450	Nguyễn Quốc Thái	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
81	05015498	Phan Thị Bé	Số 803, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
82	05101483	Nguyễn Huỳnh Ngoan	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
83	05101668	Huỳnh Thị Chơi	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
84	05015298	Nguyễn Văn Hoàng	Số 579, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
85	05015345	Nguyễn Văn Hiến	Số 627, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
86	05015392	TRẦN THỊ BÉ BA	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
87	05015437	Võ Thị Đĩnh	Số 732, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
88	05015482	Phạm Thị Kê	Số 793, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
89	05015315	Phạm Thị An	Số 610, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
90	05015364	Nguyen Van Thiet	AN THAI CB	
91	05015409	Nguyễn Thị Bé Năm	Số 707, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	

STT 92 93
MÃ SỐ KH 050154

1 CHU

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
92	05015454	Nguyễn Văn Diện	Số 476, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
93	05015501	Lê Thị Kim Cúc	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
94	05015313	Trương Văn Hùng	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
95	05015362	Nguyễn Văn Minh	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
96	05015407	Hồ Thị Miêng	Số 705, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
97	05015451	Nguyễn Văn Bảy	Số 742, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
98	05015499	Nguyễn Thị Ánh	Số 805, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
99	05102320	Nguyễn Thị Bé Mười	Số 707, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
100	05015307	Nguyễn Thị Mười	Số 600, ấp An Thái, xã An Cư	
101	05015355	Võ Thị Dung	Số 642, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
102	05015401	Võ Văn Hùng	Số 701, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
103	05015446	Lê Văn Thọ	Số 714, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
104	05015493	Trần Thị Kim Hoa	Số 789, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
105	05201885	NGUYỄN THỊ KIM	An Thái, An Cư, Cái Bè	
106	05101438	Nguyễn Văn Bé	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
107	05101754	Võ Minh Châu	Số 580, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
108	05015302	Trần Thị Thanh Tuyền	Số 581, ấp An Thái, xã An Cư	
109	05015351	Vương Hữu Trí	Số 632, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
110	05015396	Nguyễn Văn Minh	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
111	05015441	Mai Văn Sang	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
112	05015488	ĐẶNG PHƯƠNG DO	ANTHAI CB	
113	05202291	LÊ THỊ TUYẾT	An Thái, An Cư, Cái Bè	
114	05101051	Hồ Thị Cẩm Vân	ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
115	05014943	Đỗ Nguyễn Ái Quốc	Số 452, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
116	05015254	Nguyễn Văn Tròn	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
117	05015318	Nuyễn Thị Xê	Số 176, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
118	05015368	Vo Thi Hong	AN THAI-CB	
119	05015412	Ngô Thị Trinh	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
120	05015457	Nguyễn Văn Bé	Số 749, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
121	05015309	Nguyễn Văn Phương	Số 306, ấp An Thái, xã An Cư	
122	05015358	Nguyễn Hữu Khả	Số 656, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
123	05015403	Trần Thị Bùi	Số 703, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
124	05015448	Phạm Văn Lộc	Số 718, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
125	05015495	Nguyễn Văn Ngon	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
126	05101481	Nguyễn Thành Công	Số 222, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
127	05014944	Hồ Văn Bé Sáu	Số 454, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
128	05015256	Trần Thị Kim Qui	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
129	05015319	Nguyễn Văn Tồn	Số 175, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
130	05015369	BÙI VĂN TÂN	AN THAI - AN CU - TXCL	
131	05015413	Tran Thi Kien	H CU	
132	05015458	Lương Thị Hồng Ánh	Số 750, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
133	05014945	Vũ Sỹ Trường	ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
134	05015258	Nguyễn Chánh Đại	Số 529, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
135	05015320	Trần Văn Chiém	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
136	05015370	Duong Ngoc Thanh	HOI CU CB	
137	05015414	Ngô Văn Hiếu	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
138	05015461	Nguyễn Thị Cúc	Số 752, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
139	05015596	Võ Thanh Biên	Số 640, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
140	05014948	Hồ Văn Bé Chính	ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
141	05015259	Nguyễn Thị Nhung	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	



MÃ SỐ
STT 192 05015
193 05015

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
142	05015321	Nguyễn Thị Lệ	Số 172, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
143	05015372	Nguyễn Ngọc Thương	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
144	05015415	Phạm Văn Tuấn	Số 710, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
145	05015462	Tô Thị Loan	Số 754, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
146	05015597	Đỗ Văn Cường	Số 796, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
147	05015310	Phạm Thanh Dũng	Số 604, ấp An Thái, xã An Cư	
148	05015360	Phạm Ngọc Sang	657- LIB- An Thai - An Cu - CB	
149	05015405	Nguyen Thi Minh Tham	AN THAI AC	
150	05015449	Lương Thị Hồng Anh	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
151	05015496	Đặng Thị Ngọc Luận	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
152	05101482	Dương Minh Tâm	Số 659, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
153	05014942	Đỗ Văn Cai	Số 451, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
154	05015247	Phan Thị Thanh Phượng	ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
155	05015317	Ngô Minh Lý	Số 612, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
156	05015367	Hồ Thị Thương	Số 663, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
157	05015411	Trần Văn Bé Ba	Số 842, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
158	05015456	Truong Thanh Hong	AT HC	
159	05015503	Nguyễn Thị Sáu	Số 809, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
160	05014956	Bùi Hữu Nghĩa	Số 432, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
161	05015262	Nguyễn Văn Em	Số 534, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
162	05015324	Phạm Bá Hiền	Số 613, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
163	05015375	Phạm Văn Chân	Số 672, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
164	05015418	Phạm Thị Ngọc Trinh	AN THAI AN CU	
165	05015465	Huỳnh Văn Hiền	Số 756, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
166	05015314	Trương Thanh Việt	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
167	05015363	Nguyễn Văn Minh	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
168	05015408	Nguyễn Văn Xuân	Số 706, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
169	05015453	Tran Thi Long	AT,AC,CB	
170	05015500	Đặng Hữu Nhân	Số 806, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
171	05015308	Lý Thị Mai	ấp An Thái, xã An Cư	
172	05015356	Võ Văn Công	Số 644, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
173	05015402	Lê Văn Cang	Số 702, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
174	05015447	Lê Văn Giàu	Số 716, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
175	05015494	Trần Văn Hiền	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
176	05101472	Nguyễn Thị Bông	Số 584, ấp An Thái, xã An Cư	
177	05014941	Đỗ Nguyễn Viết Sử	Số 453, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
178	05015316	Nguyễn Thị Mãnh	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
179	05015365	Le Minh Hai	AN THAI	
180	05015410	Nguyễn Văn Giúp	Số 708, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
181	05015455	Nguyễn Văn Hai	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
182	05015502	Nguyen Thi Lanh	Ap 5 - PA	
183	05014960	Lê Văn Nhò	Số 437, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
184	05015267	Trần Trung Dũng	Số 626, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
185	05015329	Lê Quốc Dũng	Số 617, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
186	05015378	Nguyễn Văn Lập	Số 676, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
187	05015423	Võ Kim Hồng	Số 690, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
188	05015468	Trần Văn Hiếu	Số 760, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
189	05104018	Nguyễn Văn Duyên	712 AN THAI AN CU	
190	05105744	Nguyễn Thị Hồng Dung	AN THAI AN CU	
191	05014962	Nguyễn Hoàng Việt	ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
192	05015271	Huỳnh Văn Ngân	Số 539, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
193	05015332	Huỳnh Thị Ngôn	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
194	05015380	Hà Thị Mười	Số 680, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
195	05015425	Mai Văn E	Số 728, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
196	05015470	Huỳnh Thanh Quang	Số 761, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
197	05104897	NGÔ THỊ KIỀU OANH	AN THAI AN CƯ	
198	05102809	Nguyễn Thị Liên	ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
199	05104127	NGUYEN NGOC QUYEN	AN THAI AN CU	
200	05200143	TRẦN THANH TÙNG	An Thái, An Cư, Cái Bè	
201	05014964	Nguyễn Văn Cẩm	Số 433, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
202	05015274	Nguyễn Thanh Ngân	Số 541, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
203	05015334	Huỳnh Văn Hùng	Số 620, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
204	05015382	Mai Hồng Nguyên	Số 682, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
205	05015427	Nguyễn Văn Hùng	Số 723, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
206	05015472	Nguyễn Thị Ôn	Số 673, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
207	05104971	NGUYỄN VĂN HÒA	AN THÁI - AN CƯ - CÁI BÈ	
208	05102990	NGUYEN VAN TAI	AN THAI AN CU CB TG	
209	05104401	NGUYỄN VĂN LẬT	424 TÓ 10 AN THIÊN AN CƯ	
210	05200259	PHẠM LÝ NGỌC TRẦN	An Thái, An Cư, Cái Bè	
211	05014949	Nguyễn Thị Tâm	ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
212	05015260	Nguyễn Minh Chí	Số 554, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
213	05015322	Đỗ Văn Song	Số 174, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
214	05015373	Le Van Lam	AN THAI	
215	05015416	Trần Văn Giáp	Số 677, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
216	05015463	Trần Ngọc Mai	Số 754, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
217	05015635	Phan T Thanh Thuy	AT H CU	
218	05014965	Nguyễn Thị Kỳ	ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
219	05015277	Phạm Thị Tuyết Hồng	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
220	05015335	Trần Văn Vàng	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
221	05015383	Hồ Văn Thương	Số 683, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
222	05015428	Lê Quốc Tuấn	Số 722, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
223	05015473	Phạm Thị Hằng	Số 765, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
224	05105072	NGUYỄN VĂN HÙNG	AN THÁI - AN CƯ - CÁI BÈ	
225	05103135	PHAM THI HONG	AN THAI AN CU CB TG	
226	05104677	VÕ THỊ KHÉO	ẤP AN THÁI - XÃ AN CƯ - HCB	
227	05200366	NGUYỄN THANH BÌNH	An Thái, An Cư, Cái Bè	
228	05014954	Nguyễn Thị Bé Tư	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
229	05015261	Nguyễn Văn Bé	Số 546, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
230	05015323	Đỗ Văn Hòa	Số 173, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
231	05015374	Nguyễn Thị Nga	Số 671, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
232	05015417	Trần Thị Thu	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
233	05015464	Trịnh Ngọc Ân	Số 755, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
234	05014961	Trương Thị Phụng	Số 444, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
235	05015268	Huỳnh Hoa Thơm	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
236	05015331	Nguyễn Thị Minh	Số 618, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
237	05015379	Lâm Ngọc Diệp	Số 679, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
238	05015424	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Số 727, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
239	05015469	Phạm Thị Thiệp	Số 761, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
240	05102542	Mai Thị Thanh Thúy	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
241	05104117	NGUYEN THI NGOC HOA	340 AN CU CB TG	

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
242	05200142	TRẦN NGỌC SƠN	An Thái, An Cư, Cái Bè	
243	05014970	Huỳnh Văn Thanh	Số 428, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
244	05101664	Đặng Hồng Dân	Số 695, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
245	05015293	Phạm Văn Dũng	Số 573, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
246	05015339	Phạm Văn Hạnh	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
247	05015388	Nguyễn Văn Mẫn	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
248	05015433	Lê Thị Thành Em	Số 720, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
249	05015477	Trần Thị Cẩm Hồng	Số 772, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
250	05200799	TRƯƠNG VĂN CHANH	An Thái, An Cư, Cái Bè	
251	05014967	Nguyễn Văn Vạn	Số 431, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
252	05015284	Trần Thị Mua	Số 743, ấp An Thái, xã An Thái, huyện Cái Bè	
253	05015337	Nguyễn Văn Cù	Số 743, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
254	05015385	Cao Thanh Hoa	HC CB	
255	05015431	Đặng Đình Hiệp	Số 721, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
256	05015475	Lại Thị Hiền	Số 204, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
257	05105404	MAI HOÀNG TÂM	ÁP AN THIỆN, XÃ AN CƯ, CÁI BÈ, TG	
258	05200729	ĐÀO PHƯƠNG LAN	An Thái, An Cư, Cái Bè	
259	05014963	Nguyễn Văn Tâm	ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
260	05015272	Huỳnh Hằng Nga	Số 550, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
261	05015333	Thái Thị Loan	Số 619, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
262	05015381	Mai Hồng Thu	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
263	05015426	Mai Thị Bé Dung	Số 725, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
264	05015471	VÕ THỊ ĐEP	P AN	
265	05104959	NGÔ TRƯỜNG DANH	ẤP AN THÁI - AN CƯ - H CÁI BÈ	
266	05102840	Đỗ Công Nghĩa	Số 697, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
267	05104246	PHẠM THỊ THU HUONG	AN THAI AN CU CBTG	
268	05200176	PHẠM THÀNH DŨNG	An Thái, An Cư, Cái Bè	
269	05101669	Nguyễn Thị Phần	Số 576, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
270	05015299	Trần Văn Ba	Số 578, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
271	05015393	Trần Thị Thu	Số 693, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
272	05015438	Mai Thị Thanh Thúy	Số 726, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
273	05015483	Lại Thị Chơn	Số 773, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
274	05101667	Phan Văn Phú	Số 587, ấp An Thái, xã An Cư	
275	05015297	Nguyễn Văn Sang	Số 574, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
276	05015344	Trần Anh Tuấn	Số 625, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
277	05015391	NGUYỄN THỊ THẨM	Số 489, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
278	05015436	Nguyễn Văn Long	Số 731, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
279	05015481	Nguyen Kim Lan	An Thái, An Cư, Cái Bè	
280	05200997	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	An Thái, An Cư, Cái Bè	
281	05014958	Phạm Thị Bích Lan	Số 439, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
282	05015265	Nguyễn Thị Phần	Số 537, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
283	05015326	Nguyễn Thị Lành	Số 768, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
284	05015377	Võ Minh Hải	Số 675, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
285	05015422	Võ Văn Dũng	ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
286	05015467	Mai Ngọc Thơ	Số 758, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
287	05105743	NGUYỄN VĂN HÙNG	AN THÁI AN CƯ	
288	05014957	Ngô Thanh Kiều	Số 440, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè	
289	05015264	Nguyễn Thị Hằng	Số 536, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	
290	05015325	Phạm Thị Xuân Hoa	AN THÁI, AN CƯ, CÁI LẬY	
291	05015376	Phạm Thị Hòa	Số 674, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè	

GHI CHÚ

STT	MÃ SỐ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
292	05015419	Lê Văn Giàu	AN THÁI, AN CƯ, CAILẬY	
293	05015466	Dặng Thị Tiêu	Số 757, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cai Bè	

CHI NHÁNH CẤP NƯỚC PHÍA TÂY

LẬP ĐIỀU

CTY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG
CHI NHÁNH
CẤP NƯỚC PHÍA TÂY

Nguyễn Minh Chí

Nguyễn Văn Trinh



Đài Công Thành

1. 1. 1.

